

arrow

vol 25, no 1 2019
issn 1394-4444

vì sự thay đổi



Quyền Tính dục

bài ban biên tập 2—4

Khẳng định lại Quyền Tính dục

tiêu điểm 5—20

Giao thoa, nhân dạng và thể chế

Lạc trong từ ngữ: tìm hiểu thuật ngữ về LGBT

Tội phạm hóa lựa chọn: các trường hợp nghiên cứu điển hình từ vùng Gujarat

Trải nghiệm LGBTQI+ ở Fiji

Tuần hành Aurat: Danh dự, và sự kiểm soát bạo lực lên cơ thể phụ nữ

Các động lực xung quanh việc cung cấp giáo dục tính dục toàn diện (CSE): Chia sẻ từ khu vực Nam Á

Tính dục và Internet: *Nhu cầu về một nền tảng Internet hòa nhập cho mọi người / Internet có ý nghĩa gì đối với chúng ta / Phong trào của những người đạo hồi có khuynh hướng tính dục khác biệt - Xây dựng từ các câu chuyện thật.*

chỉ số của người trong cuộc 21—25

Sự vô hình và sự chối bỏ trong cộng đồng LGBTQI: *Phỏng vấn với Rima Athar*

Tạo điều kiện để nói về quyền tính dục trong môi trường tôn giáo: *Hồi giáo và Quyền tính dục: Kiên định nâng cao nhận thức rằng thanh niên đang bị lãng quên / Hindu giáo và quyền tính dục*

hoạt động khu vực 25—33

Phi hình sự hóa quyền được yêu: Câu chuyện thành công của Ấn Độ

Thận trọng với các khoảng trống: cải cách quyền của người chuyển giới tại Uruguay.

Câu hỏi về giới và tính dục ở Pakistan

Brunei: Một suy ngẫm về các diễn biến Saga

Công nhận quyền tiếp cận với thông tin và dịch vụ về sức khỏe sinh sản và tính dục cho trẻ vị thành niên

tư liệu từ trung tâm chia sẻ kiến thức QSKTDSS của arrow 34—38

các tư liệu khác 39

định nghĩa 39—40

thực tế 41—45

Khung Pháp lý xoay quanh Quyền tính dục

ban biên tập và sản xuất

xuất bản bởi



cùng với sự hỗ trợ tài chính của



arrow nhận sự hỗ trợ từ Quỹ Ford (Ford Foundation) và Quỹ vì một Xã hội Công bằng (Foundation for a Just Society)

KHẲNG ĐỊNH LẠI QUYỀN TÍNH DỤC

Tính dục là một trải nghiệm cực kỳ riêng tư, không ngừng thay đổi và mang tính cá nhân, đây cũng là một khía cạnh đóng vai trò trung tâm và định hình nên con người. Định nghĩa của tổ chức Y tế Thế giới (WHO) về quyền tính dục đã khẳng định tất cả mọi người phải có quyền được tiếp cận tới những tiêu chuẩn sức khỏe tốt nhất liên quan tới tính dục, điều này cũng bao gồm cả việc được tiếp cận tới dịch vụ Sức khỏe Sinh sản và Tính dục (SKSSTD); được tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến thông tin liên quan tới tính dục; giáo dục tính dục; tôn trọng sự toàn vẹn của cơ thể; lựa chọn bạn đời; được quyết định sẽ có quan hệ tình dục hay không; quan hệ tình dục đồng thuận; hôn nhân đồng thuận; được quyết định việc có con hay không và khi nào; và được theo đuổi một đời sống tình dục thỏa mãn, an toàn và khoái cảm¹. Tuy nhiên, quyền tính dục vẫn còn là một trong những vấn đề nóng hổi gây tranh cãi trên toàn thế giới vì tính dục được định hình, nhận thức và đóng khuôn bởi các môi trường văn hoá - xã hội và kinh tế.

Diễn ngôn trên về tính dục, diễn ngôn đề cập đến tính dục với ý nghĩa vượt ra ngoài mong muốn thể xác của một cá nhân, bắt đầu từ giữa thế kỉ 20 chủ yếu dựa vào những phong trào nữ quyền và sự đấu tranh của cộng đồng LGBTQIA+ ở các khu vực khác nhau trên thế giới và những phát biểu mới mẻ của họ xung quanh các định kiến xã hội về giới và tính dục. Trong những năm gần đây, trải nghiệm của người chuyển giới và người khuyết tật đã mở ra một cái nhìn đa chiều và chân thực hơn về cả sự kiến tạo của xã hội và trải nghiệm về cơ thể.

Tính dục vừa là những lựa chọn của cá nhân, vừa là một địa hạt xã hội nơi mà quyền cá nhân này có thể được nghĩ đến, được thực hiện, và được duy trì. Do suy nghĩ về chuẩn mực của tính dục khác nhau ở mỗi nơi trên thế giới, cách duy nhất để có thể thảo luận về các chuẩn mực này chính là tìm hiểu xu thế các quyền cho tất cả mọi người được thực thi như thế nào và theo cách thức nào. Một chỉ số được chọn sử dụng trên phạm vi toàn cầu chính là quyền của những người

không được đề cập trong các diễn ngôn. Phụ nữ, vị thành niên, thanh niên và cộng đồng LGBTQ+ là những nhóm được coi là bên lề theo những cách khác nhau tại đa số các quốc gia.

Thường thì bất cứ sự đòi hỏi về quyền tính dục cho bất cứ cá nhân nào từ vị trí của họ sẽ lập tức vấp phải những tranh cãi về văn hoá và truyền thống và thậm chí là cả tôn giáo.

Trong bài viết này của Ban biên tập, thay vì đưa ra một cái nhìn chung về việc tiếp cận quyền tính dục trên toàn thế giới, tôi sẽ cố gắng đưa ra cách nhìn phản biện về mô hình đánh giá quyền tính dục này. Tôi cho rằng mặc dù cần phải bàn luận về chủ đề tiếp cận tính dục, các tranh luận cũng nên vượt ra khỏi giới hạn đó. Việc xem xét cùng lúc nhiều thực tại khác nhau tất yếu sẽ thay đổi và điều chỉnh các quan niệm và ý nghĩa của giới và tính dục. Tôi thấy rằng tôn trọng sự đa dạng và tiếp cận thực sự đòi hỏi các hệ thống phải thay đổi từ bên trong để giúp kích hoạt một tầm nhìn rộng hơn về quyền tính dục.

Quyền tính dục và Chủ nghĩa dân tộc vị đồng tính. Khi mà diễn ngôn về quyền con người được phát triển rộng khắp trên toàn cầu, việc vi phạm quyền lựa chọn của một người được xem là một sự xâm phạm cơ bản đến phẩm giá và sự tồn tại của người đó. Những hiểu biết ban đầu về việc từ chối quyền tính dục chủ yếu bắt nguồn từ bối cảnh của việc vi phạm quyền của những người mà dường như không thể tìm được chỗ của mình trong diễn ngôn quy chuẩn, thường là phụ nữ, người trẻ tuổi hơn, và những người thuộc cộng đồng LGBTQIA+.

Những hoạt động được làm trong những năm qua đã giúp chúng ta hiểu hơn về cách mà cuộc sống của những người ở bên rìa xã hội bị kiểm soát và cách mà các quyền và tự do của họ bị vi phạm theo những cách khác nhau ở các nền văn hóa, các thời điểm thời gian và các cộng đồng khác nhau. Điều này đã chỉ ra

Chayanika Shah

Thành viên của LABIA – Nhóm Những người

LBT Nữ quyền Khác biệt ở Mumbai

Email: chayanikashah@gmail.com

cách các chuẩn mực xã hội được tạo ra như thế nào, mặc dù hiển nhiên là không giống nhau ở các khu vực khác nhau trên thế giới. Tuy nhiên, chuẩn mực ưu thế chính là xu hướng tính dục khác giới theo hệ thống giới hai giá trị, được duy trì bởi các thực hành văn hóa, xã hội, tôn giáo, luật pháp, và kinh tế vốn đã là sản phẩm của một cấu trúc mang tính thứ bậc phức tạp.

Thường thì việc đòi hỏi quyền tính dục cho bất cứ cá nhân nào tại vị trí của họ sẽ lập tức vấp phải những tranh cãi liên quan tới văn hóa truyền thống và thậm chí là cả tôn giáo. Những cuộc tranh cãi này xảy ra ở mọi nơi, từ không gian riêng tư của gia đình tới những diễn đàn quốc tế hiện đại như Liên Hợp Quốc nơi đang cố gắng tạo ra các diễn ngôn mang tính toàn cầu về quyền con người của các cá nhân và nhóm người. Khi bối cảnh là diễn đàn quốc tế, các tranh luận sẽ liên quan đến văn hóa và tôn giáo của các quốc gia, và nếu cuộc tranh luận ở cấp quốc gia, đó sẽ là về các cộng đồng địa phương và các thực hành của họ. Ở trong gia đình và các bối cảnh tương tự, khi cuộc tranh luận là về văn hóa và truyền thống, nó sẽ được diễn đạt qua ngôn ngữ liên quan tới thể diện gia đình và phẩm giá.

Trên phạm vi toàn cầu, cuộc thảo luận này đã xoay chuyển theo chiều hướng chấp nhận sự bá chủ của chủ nghĩa tư bản thị trường và toàn cầu. Rõ ràng, những xã hội có vẻ tuân theo một diễn ngôn nào đó về tự do lựa chọn của cá nhân được nhìn nhận là “tự do” và giải phóng, trong khi một số xã hội khác đặt cá nhân trong diễn ngôn của tập thể thì bị coi là mang tính kiểm soát và bị giả định là không tự do và thụ động. Tuy vậy, thực tế về quyền tính dục phức tạp hơn nhiều so với những hệ thống nhị phân được đơn giản hóa này. Sự khái quát hóa đơn giản này không thể giúp thực hiện công lý trước sự phức tạp của xã hội và các thực hành của nó. Tuy vậy, ngày nay, đây lại là cách chúng ta hiểu tính dục và quyền liên quan trực tiếp hay gián tiếp tới tính dục.

Đây là cách bà Jasbir Puar nói đến chủ nghĩa dân tộc vị đồng tính, “một phạm

trù phân tích được đặt ra để hiểu và lịch sử hóa việc làm thế nào và tại sao mà ngay từ đầu việc một quốc gia được coi là “thân thiện với người đồng tính” đã trở thành điều được mong muốn.”² Bà tiếp tục với việc nói rằng chúng ta có thể chống lại và làm giảm tầm quan trọng của chủ nghĩa dân tộc vị đồng tính như cách mà chúng ta đã làm với tính hiện đại, nhưng đây lại là một phạm trù phân tích và nó đang hoạt động trong thời đại ngày nay. Theo lời của bà Puar, “(Chủ nghĩa dân tộc vị đồng tính là) một khía cạnh của tính hiện đại và một sự thay đổi mang tính lịch sử được đánh dấu bằng sự xuất hiện của (một vài) cá thể đồng tính xứng đáng nhận được sự bảo trợ của quốc gia, một cách định hướng lại mối quan hệ giữa nhà nước, chủ nghĩa tư bản, và tính dục mang tính thiết lập và nền tảng.”

Trong khuôn khổ phổ biến này, quyền tính dục được đưa về phạm vi của cá nhân, cho phép công chúng tiếp tục duy trì các chuẩn mực ở mức mà họ có thể, không chỉ trong các vấn đề về giới và tính dục, mà trong cả các yếu tố xã hội khác như tầng lớp, chủng tộc, tôn giáo, khuyết tật, vùng miền và quốc gia. Điều này cũng được phản ánh qua một sự thay đổi khác có thể ghi nhận trong nền kinh tế thị trường toàn cầu đang lan tỏa khắp thế giới. Các chính phủ quốc gia đang hướng tới các tư tưởng cánh hữu thuộc các nền dân chủ khác nhau trên khắp thế giới. Điều này đồng nghĩa với sự gia tăng của chủ nghĩa văn hóa dân tộc và mất đi không gian dành cho nền dân chủ và quyền con người của các cộng đồng vốn bị đẩy ra ngoài lề. Xu hướng này đã được thấy trong gần như tất cả những cuộc bầu cử dân chủ tại châu Á, Nam Mỹ và châu Âu.

Một khi những quyền khác bị thỏa hiệp, hiển nhiên là những điều kiện giúp cho việc khẳng định và thực thi một quyền tính dục toàn diện cũng sẽ bị tấn công. Những cuộc đấu tranh lâu dài hướng tới khả năng được tiếp cận tới phá thai an toàn, thừa nhận có khái niệm hiệp dâm trong hôn nhân, chống lại kết hôn sớm và tảo hôn, có quyền được chọn bạn đời – đang dậm chân tại chỗ. Những đòi hỏi cơ bản xoay quanh quyền tính dục của phụ nữ và trẻ em gái này đang không được đề cập. Trên thực tế qua những án phạt hà khắc được đưa ra bởi các thể chế làm luật không chính thống như hội đồng làng và giáo đoàn, các cộng đồng đang đưa thêm

những cơ chế kiểm soát tính dục của người phụ nữ bằng cách đi ngược lại với luật pháp của các nền dân chủ.

Trong thời gian này, các nước cũng đang chơi quân bài chính trị với quyền tính dục. Những quốc gia như Mỹ đang cố áp đặt cách họ hiểu về nền chính trị tự do liên quan đến quyền tính dục của phụ nữ lên những quốc gia khác, nhưng lại liên tục phản đối quyền phá thai của phụ nữ, một quyền và là bước đầu tiên để tiến tới việc một cá nhân có thể đưa ra một lựa chọn thật sự mà không phải đối mặt với sự lo ngại về việc mang thai ngoài ý muốn. Điều mỉa mai là trong khi nước Mỹ tự coi mình là một đất nước của sự tự do chỉ vì họ chấp nhận người đồng tính bằng cách cho cộng đồng này một vài quyền qua việc hợp pháp hóa hôn nhân, thì bạo lực đối với người chuyển giới da màu và Latin vẫn đang tăng lên đáng kể và các quyền của người chuyển giới đang thực sự bị giảm đi dưới chế độ hiện tại.³

Tiếp cận hòa nhập đồng hoá tự do áp dụng với cộng đồng LGBTIQ+ được coi như là một bước tiến tới việc hiện thực hóa quyền tính dục cấp tiến. Tuy nhiên, đây khó mà được coi như là biểu hiện của sự tiếp cận ‘thật sự’ tới các quyền liên quan tới tính dục.

Tại một nước như Ấn Độ, tác động của chính phủ được bầu cử một cách dân chủ vừa qua, được dẫn dắt bởi đảng bảo thủ dân tộc chủ nghĩa, đồng nghĩa với việc tước đi nhiều quyền tự do biểu đạt khác nhau. Điều này có thể thấy qua việc Ấn Độ đã tụt hạng thế giới về chỉ số tự do báo chí. Đồng thời, ở đây cũng có sự gia tăng về các hoạt động giám sát trên mạng xã hội và bỏ tù những người bảo vệ nhân quyền.⁴

Thật mỉa mai khi mà tất cả quyền dân chủ về tự do biểu đạt lại đang có những bước thụt lùi, các tuyên bố pháp lý về quyền của người chuyển giới và chống lại hệ thống luật pháp hình sự hóa các hành vi tình dục không phải là giao hợp dương vật – âm đạo dường như là những thành tựu tích cực duy nhất về giới và tính dục.⁵ Tuy nhiên việc có được các tuyên bố như vậy trong khi chính đất nước này đang đi nhiều bước thụt lùi trong nhiều quyền tự

do khác, khiến chúng ta phải đặt câu hỏi về cách thức mà những đạo luật này đã được thực hiện.

Trong hoàn cảnh này liệu những quốc gia như Ấn Độ hay Mỹ có xứng đáng được coi là tiến bộ về quyền tính dục không? Vấn đề ở đây là diễn ngôn đang thay đổi. Sự cởi mở chấp nhận những người LGBTIQ+ đang được coi như là bước tiến quan trọng nhất hướng tới việc hiện thực hóa quyền tính dục. Đây khó có thể được xem là biểu hiện của sự tiếp cận ‘thật sự’ tới các quyền liên quan tới tính dục.

Tiếp cận hoà nhập đồng hoá là không đủ. Quyền tính dục cũng đồng nghĩa với việc tạo ra một môi trường nơi các quyền khác được bảo vệ và nhờ đó mà quyền này được bảo đảm. Cần phải mở rộng chính cách hiểu về quyền như vậy. Nếu không đặt câu hỏi về cấu trúc xã hội đang duy trì giai thoại về cái chuẩn mực, tất cả những gì có thể xảy ra sẽ chỉ là một sự hòa nhập các nhóm bên lề vào trong cấu trúc chính thống. Trong một chừng mực nào đó, sự hòa nhập này đồng nghĩa với yêu cầu thay đổi cuộc sống và lựa chọn của họ để phù hợp với cộng đồng lớn hơn. Điều này càng hạn chế cách xã hội hiểu về tính dục và hạn chế khả năng con người thể hiện chính bản thân mình. Trên thực tế, phần lớn tiếng nói của những người bên lề đã bị bỏ qua hoặc bị áp chế. Với mỗi nhóm bên lề lại đưa ra những cách thức mới hơn mà qua đó cấu trúc trung tâm tiếp tục được kiến tạo và duy trì. Nó cho thấy sự phức tạp của cá nhân, của hệ thống, và cách các cấu trúc bình thường hoá và cũng vì thế tự nhiên hoá cái cấu trúc xã hội do con người kiến tạo. Nỗ lực lồng ghép các góc nhìn này sẽ làm phong phú thêm tầm nhìn về quyền tính dục và đồng thời sẽ giúp xem xét lại các quyền con người khác.

Các tổ chức về quyền của người lao động tính dục ở những nơi khác nhau trên thế giới phải đối mặt với một trật tự thế giới không thích kết hôn và mang tính bóc lột, trong đó bằng cách qui gán luôn cho việc lao động tính dục là bóc lột thì sự bóc lột thực sự trong công việc này càng không bao giờ có thể được giải quyết. Họ đề cao vị trí của lao động nữ trên thị trường lao động cũng như bản chất tính dục hóa và giới hóa của nó. Họ cũng liên hệ các khó khăn giống nhau giữa lao động tính dục và những hoạt động lao động khác bao gồm cả làm việc nhà. Bài học khác nghiệt

và quan trọng nhất chính là về tình dục. Trải nghiệm của những người lao động tình dục cho thấy mọi quan hệ tình dục cuối cùng đều là một loại giao dịch được thực hiện nhân danh tình yêu, tình thương và bốn phận, nhưng đôi khi cũng là những hoán đổi cho địa vị, tiện nghi vật chất, và tiền bạc. Những người lao động tình dục cho thấy việc thương lượng có thể được thực hiện qua các lần ranh quyền lực khác nhau như thế nào khi họ chèo lái cuộc đời của họ qua các cuộc trao đổi về tình dục mà họ lựa chọn, nhưng những trao đổi này luôn chịu sự kiểm soát của pháp luật, công an, và cả những nhóm giang hồ.

Quyền tính dục cũng có thể được diễn giải là quyền của người lao động tình dục trong việc quyết định các điều kiện làm việc của họ trong một xã hội ủng hộ mục tiêu hiện thực hóa chúng, dưới lăng kính lựa chọn cá nhân. Tuy nhiên, quyền tính dục cho tất cả mọi người sẽ phong phú hơn khi hiểu biết về mua bán tình dục và lao động phân công theo giới biểu hiện qua công việc của họ được mở rộng nhập với cách mà chúng ta đang nhìn nhận về gia đình, các công việc liên quan tới nội trợ, duy trì tình cảm, chăm sóc, sinh sản, và tình dục mà thông thường vẫn thực hiện bởi phụ nữ và là tâm điểm trong quan niệm của chúng ta về lao động. Điều này sẽ dẫn đến một cách nhìn nhận hoàn toàn khác về xã hội và sự mở rộng của quyền tính dục.

Một cách khác để mở rộng cách nhìn về quyền tính dục và ý nghĩa của nó cho toàn cộng đồng, là xem xét các quyền khác có mối quan hệ biện chứng với quyền tính dục từ góc nhìn của những người thuộc về hệ thống chuẩn mực: quyền được chọn bạn đời; quyền được đồng thuận một cách tự nguyện, tự do và trên cơ sở được thông tin đầy đủ; quyền được có tình dục đồng thuận không phụ thuộc vào tình trạng kết hôn; quyền không bị bạo lực, bao gồm cả việc ép buộc quan hệ tình dục; quyền được đảm bảo sự riêng tư; quyền tự quyết định nhân dạng của mình; quyền được sống; và quyền được có thông tin và tiếp cận tới các dịch vụ sức khỏe sinh sản tình dục và quyền. Quyền tự quyết chỉ cần đến trong những ngữ cảnh không chuẩn mực. Do vậy, quyền này được đánh dấu là khác biệt, có thể không phổ biến, bất thường, không tự nhiên. Tuy nhiên, quyền tự quyết nên được khuyến khích với tất

cả mọi người mà không nên giả định là họ đã và đang tích cực thực hiện những lựa chọn của họ.

Tuy nhiên, việc tạo ra bất kì quy chuẩn nào, đặc biệt là trong phạm vi cá nhân với vấn đề tình dục, sẽ dẫn đến việc hạn chế các trải nghiệm phong phú, đa dạng và cực kì riêng tư và năng động của cá nhân.

Trong khi hôn nhân có vai trò rất quan trọng trong việc một cá nhân có cơ hội thể hiện tính dục hay không, thì cũng rất khó xác định được việc một người bước vào hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không sợ bị bạo lực hay kì thị và trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin hay không. Do các thể chế đang ưu ái nam giới, các quyền của người phụ nữ trong cuộc hôn nhân khác giới là vấn đề cần quan tâm. Tuy nhiên, trừ khi người nam giới cũng nghĩ về quan hệ tình dục một cách có trách nhiệm và tôn trọng ngay cả trong hôn nhân, liệu còn có cách nào khác để hình dung sự nam tính không?

Kết luận. Quyền tính dục thực sự đã thách thức nhiều cấu trúc kinh tế và xã hội chính thức ở nhiều xã hội khác nhau. Cách thức thực hiện đời sống tình dục và riêng tư là khác nhau và đa dạng trên toàn thế giới. Và, trong bất cứ ngữ cảnh nào ở bất cứ đâu đều có những chuẩn mực xoay quanh đời sống riêng tư mà có liên quan tới các chuẩn mực về tình dục. Tuy nhiên, việc tạo ra bất kì quy chuẩn nào, đặc biệt là trong phạm vi cá nhân xung quanh vấn đề tình dục, sẽ dẫn đến việc hạn chế các trải nghiệm phong phú, đa dạng và cực kì riêng tư và năng động của cá nhân.

Đây là lúc thích hợp để đặt câu hỏi về việc trật tự xã hội nên được cấu trúc như thế nào để giữ lại sự phong phú của tất cả các trải nghiệm cá nhân. Câu trả lời có vẻ sẽ giống với tất cả các câu hỏi liên quan tới các quyền con người khác – hiện thực hóa quyền cá nhân chỉ có thể xảy ra khi có một hệ tư tưởng và giá trị hiến pháp qui định mối quan hệ với những người khác. Cần có những nỗ lực tập thể không ngừng nghỉ hướng tới công lý và công bằng mang tính cấu trúc để những qui định này được thể hiện trong thực tế và các cấu trúc xã hội phải thay đổi để

bài ban biên tập

bao trùm được những trải nghiệm của các nhóm bên lề hướng tới một sự hòa nhập thực sự.

Ghi chú & Tài liệu tham khảo

1. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). (2009). Thuật ngữ về Giới và Quyền Sinh sản (Gender and Reproductive Rights Glossary). Truy cập 16 tháng 4 năm 2019.
2. Puar, Jasbir (2013). Suy nghĩ lại về chủ nghĩa dân tộc vị đồng tính (Rethinking Homonationalism). Int. J. Middle East Stud. 45 (336-9).
3. "Vào giữa tháng 6 năm 2019, 10 người đồng tính đã bị giết ở Mỹ, tất cả đều là phụ nữ da màu". Trích dẫn trên trang web <https://www.advocate.com/transgender/2019/5/22/theseare-trans-people-killed-2019#media-gallery-media-0>. Bên cạnh hình thức bạo lực trực tiếp này, nhiều chính sách về sinh viên chuyển giới ví dụ như lựa chọn sử dụng nhà vệ sinh, không phân biệt đối xử trong cung cấp chăm sóc y tế đã bị đảo ngược bởi bộ máy lãnh đạo hiện tại. "Trump đề xuất bỏ các qui định về bảo vệ người chuyển giới" (Trump Administration Proposes Rollback of Transgender Protections) xuất bản 24 tháng 5 năm 2019 trên New York Times. <https://www.nytimes.com/2019/05/24/us/politics/donald-trump-transgender-protections.html> (Truy cập 21 tháng 6 năm 2019).
4. Có nhiều báo cáo báo chí về các trường hợp bạo lực xảy ra trong 5 năm qua do các qui định bởi nhóm cánh hữu đa số trong chính quyền nhưng tôi đưa ra đây hai báo cáo được công nhận quốc tế. Thứ nhất là phản tích thường niên 180 nước do Phóng viên không biên giới thực hiện. Xếp hạng của Ấn Độ trên thế giới về tự do báo chí đã tụt từ 105 xuống 140 trong một thập kỉ qua như có thể thấy ở https://en.wikipedia.org/wiki/Press_Freedom_Index#cite_note-13. Thứ hai là Báo cáo hàng năm về Tự do Tôn giáo Thế giới được Bộ ngoại giao Mỹ đưa ra. Báo cáo năm 2019 nói rằng tự do tôn giáo đang bị đe dọa trong những năm gần đây. <https://countercurrents.org/2019/06/attacks-against-minorities-byhindu-extremist-groups-continue-in-india-us-report>.
5. Tôi xin đưa ra ở đây hai phán quyết quan trọng của Tòa án Tối cao Ấn Độ. Ngày 15 tháng 4 năm 2014 trong vụ Ủy ban Dịch vụ Pháp lí Quốc gia với Công đoàn Ấn độ tòa đã đảm bảo rằng tất cả mọi người đều có quyền tự xác định nhân dạng giới của mình và được tiếp cận tới tất cả quyền dân sự liên quan tới nhân dạng giới của họ. Phán quyết đầy đủ có thể truy cập tại <http://supremecourtindia.nic.in/outtoday/wc40012.pdf>. Vào 6 tháng 9 năm 2018, Tòa án Tối cao Ấn độ đã qui định rằng việc tội phạm hóa tình dục đồng giới đồng thuận giữa người lớn là vi hiến, "không có cơ sở, không thể bảo vệ và mang tính tùy tiện" và do vậy đã chấm dứt cuộc tranh luận kéo dài chống lại Điều 377, luật thực dân chống tình dục đồng giới. https://www.sci.gov.in/supremecourt/2016/14961/14961_2016_Judgement_06-Sep2018.pdf.

GIAO THOA, NHÂN DẠNG, VÀ THỂ CHẾ

Quyết định về cách con người chọn và khẳng định tính dục của họ, dù là lãng mạn, kêu gọi hay quảng giao, phải là lựa chọn tự do của mỗi cá nhân không bị ảnh hưởng bởi kì thị, phân biệt đối xử, cưỡng bức, và bạo lực. Quyền tính dục là một quyền con người cốt lõi và nếu không có quyền được tự kiểm soát thân thể và tính dục của mình, các cá nhân LGBTIQ+ sẽ không thể hoàn toàn tự quyết về cơ thể mình, về tính toàn vẹn, quyền tự quyết, thì họ cũng sẽ không thể kiểm soát được các khía cạnh khác trong cuộc sống của họ.

Ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương, các cuộc nói chuyện xung quang SOGIESC (Xu hướng Tính dục, Bản dạng và Thể hiện Giới và Các đặc điểm Giới tính)¹ cực kì đa dạng. Các luật phân biệt đối xử với LGBT ở nhiều nước Nam Bán cầu có thể bắt nguồn từ việc triển khai Điều 377 Luật Hình sự² được đưa vào thông qua luật thực dân của Anh trong đó hình sự hóa tất cả các hành vi tình dục mà “không thuận tự nhiên” bao gồm cả tình dục hậu môn giữa nam giới và các hành vi tình dục đồng giới khác.³ Thông qua chế độ thực dân, hình mẫu lý tưởng về ‘tồn tại’ (being) được đưa ra. Sự ‘tồn tại’ này được giới thiệu qua hình ảnh một công dân dị tính, người có một cơ thể có thể hoạt động bình thường, có thể sinh con và do vậy sẽ tiếp tục được quá trình xây dựng đất nước. Tác động dai dẳng của việc triển khai Điều 377 vẫn có thể được cảm nhận ở ngày hôm nay ở nhiều vùng miền: ở Afghanistan, người đồng tính có thể bị tử hình; ở Malaysia, các hình thức trừng phạt bao gồm đánh roi và bỏ tù tới 20 năm; ở Myanmar, những người LGBTIQ+ đối mặt với án tù có thể tới mười năm và một khoản phạt bằng tiền.⁴ Một điều thú vị là, các luật xung quanh bản dạng giới ở Nam Bán cầu đang có những bước tiến kinh ngạc so với các luật về xu hướng tính dục. Ví dụ, Pakistan đã thông qua Luật (Bảo vệ Quyền) Người Chuyển giới⁵ năm 2018, qua đó tạo lập khả năng bảo vệ cho người chuyển giới ở nước này một cách đáng kể, nhưng vẫn liệt kê tất cả “các hành động tình dục đồng giới” là vi phạm pháp luật.

Một điều thú vị là, các luật xung quanh bản dạng giới ở Nam Bán cầu đang có những bước tiến kinh ngạc so với các luật về xu hướng tính dục. Ví dụ, Pakistan đã thông qua Luật (Bảo vệ Quyền) Người Chuyển giới năm 2018, qua đó thiết lập khả năng bảo vệ cho người chuyển giới ở nước này một cách đáng kể, nhưng vẫn liệt kê tất cả “các hành động tình dục đồng giới” là vi phạm pháp luật.

Tuy nhiên, những nhóm này không đồng nhất. Trong bối cảnh các vấn đề về SOGIESC liên tục phát triển và biến động như ngày nay, hầu hết các diễn ngôn chính thống đều dựa trên một khung của phương Tây, và thay đổi xung quanh áp lực “công khai” và để mọi người có thể sống cuộc đời của họ “một cách cởi mở và thật nhất mà không phải sợ hãi.” Mặc dù đây là một trong các mục tiêu mà chúng ta phải nỗ lực để đạt được, những điều này có xu hướng chỉ tập trung vào một bộ phận nhất định của cộng đồng – hầu hết là những người có ưu thế, có quyền lực, và phương tiện để có thể cởi mở về tính dục của họ mà không phải e sợ các chuẩn mực mang tính phân biệt đối xử trong tôn giáo, trong chủ nghĩa dân tộc, văn hóa hay tộc người, chưa kể nỗi lo sợ bạo trùm của các quan niệm gia trưởng đưa ra các qui định về giới trong hệ thống hai giá trị. Ở Nam Bán cầu, các diễn ngôn liên quan tới “công khai” hầu hết không gắn được với những quan tâm thật sự của cộng đồng khi mà ngay cả những quyền cơ bản của người LGBTIQ+ còn không có, đây là chưa kể còn rất nhiều rào cản về gia đình, văn hóa và xa hội đặt các giá trị gia đình và tập thể cao hơn cá nhân.

Chính vì vậy, tính giao thoa là một phần thiết yếu của diễn ngôn ngày nay và cần phải được áp dụng rộng rãi trong các đối thoại và hoạt động vận động xung quanh quyền LGBTIQ+.

Evelynne Gomez

Cán bộ chương trình, ARROW

Email: evelynne@arrow.org.my

Crenshaw đã đưa ra thuật ngữ ‘sự giao thoa’ (intersectionality)⁶ để minh họa hình thức áp bức mang tính hệ thống mà những phụ nữ da đen ở Mỹ phải đối diện. Thuật ngữ này thể hiện cách nhìn phản biện đối với việc xóa bỏ các khía cạnh đa chiều của nhân dạng và phản đối lại diễn ngôn ‘thêm vào và ngoáy lên’ mà thay vào đó thuật ngữ này muốn nhấn mạnh rằng hình thức áp chế mang tính hệ thống đối với các cá nhân và nhóm cùng một lúc có thể và sẽ trùng với một số nhân dạng xã hội như chủng tộc, giới, và tính dục. Ngay từ đầu (và có khả năng là vẫn còn đến hôm nay) diễn ngôn nữ quyền đã chủ yếu chú trọng tới những phụ nữ da trắng, phương Tây và có cơ thể bình thường, và hệ quả là các diễn ngôn này bị hạn chế về phạm vi và khả năng phân tích sâu các vấn đề của các nhóm chịu nhiều tầng áp lực. Việc hiểu được ba dạng của giao thoa trong biểu hiện chính trị của nhân dạng là rất quan trọng: tính cấu trúc, tính chính trị, và tính đại diện.⁷ Giao thoa cấu trúc có nghĩa là các cách mà các hệ thống và cấu trúc xã hội chúng ta sống trong đó ảnh hưởng tới chúng ta, ví dụ: giáo dục, kinh tế, di cư, vv. Giao thoa chính trị xem xét việc ai có thể nói, ai được nói về, và ai im lặng trong một phong trào và khi thể hiện quan điểm của mình. Cuối cùng, sự giao thoa về tính đại diện chính là sự đa chiều cạnh của các khuôn mẫu xuất hiện trong các sản phẩm truyền thông.⁸

Các nhân dạng của chúng ta không cố định, chúng được định hình bởi các yếu tố xã hội quanh chúng ta và do vậy ảnh hưởng tới cách chúng ta trải nghiệm cuộc sống của chúng ta và cách cuộc sống của chúng ta có thể bị hạn chế hay được xác định cho chúng ta như thế nào. Việc chúng ta chỉ liệt kê các nhân dạng khác nhau của chúng ta là không đủ; chúng ta cần xem xét cách các nhân dạng giao thoa này bị ảnh hưởng bởi các lực lượng xã hội quanh chúng ta. Nói một cách ngắn gọn, chúng ta không thể nghĩ về chủng tộc, giới và tính dục như là các phân loại riêng rẽ và loại trừ nhau, vì nếu như vậy sẽ xóa bỏ trải nghiệm và tiếng nói của những người đang trải nghiệm cả hai hay tất cả các phân loại này cùng lúc.

Như vậy cần hiểu việc là một người queer và là một người dân tộc thiểu số có nghĩa gì? Việc là một người queer và là một phụ nữ có nghĩa là gì? Việc là một người phụ nữ queer dân tộc thiểu số và/hoặc tôn giáo thiểu số có nghĩa là gì? Khi chúng ta mở rộng các nhân dạng này và thêm vào đó các vấn đề như giai cấp, tầng lớp xã hội, khuyết tật, chuẩn mực văn hóa và xã hội, sức khỏe tâm thần, vv..., các mức độ phân biệt đối xử sẽ tăng thậm chí còn nhiều hơn. Đây là tất cả các khía cạnh mà qua đó chúng ta có thể hiểu được cách mà diễn ngôn SOGIESC ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương đang bị tác động nặng nề và tại sao lại cần xem xét diễn ngôn này từ một cách tiếp cận khác.

Cần lưu ý rằng các phân loại khác nhau về cách mà mọi người bị gạt ra ngoài lề không phải điểm cuối cùng của diễn ngôn, mà phải là các phân loại khác nhau này đã bị ảnh hưởng bởi chính trị và xã hội như thế nào. Do sự thiếu bảo vệ của luật pháp, kết hợp với việc các trào lưu chống lại điều đã được đặt tên ở một số nước là “Chương trình nghị sự đồng tính” hay “Các ảnh hưởng từ phương Tây” từ các thể chế pháp lý, văn hóa, xã hội và tôn giáo ở Nam Bán cầu, các cộng đồng LGBTQ+ đối mặt với đa dạng các hình thức phân biệt đối xử trong mọi mặt cuộc sống của họ, dù là trong mối quan hệ cá nhân, công việc, mối quan hệ gia đình, vv. Áp lực gia tăng về việc cần phải “công khai” hay “khẳng định” xu hướng tính dục của họ với xã hội do vậy thậm chí trở nên một gánh nặng nguy hiểm hơn với một số cá nhân trong bối cảnh của họ. Đặc biệt, văn hóa và tôn giáo thường được viện ra để đưa ra các luận điểm chống lại quyền dưới chiêu bài bảo vệ thanh niên khỏi “tính vô đạo đức của tính dục đồng giới”. Điều này tiếp theo sẽ dẫn tới các trở ngại vốn được tạo nên để hạn chế bất kỳ cơ hội bắt đầu thảo luận về tính dục và về quyền LGBTQ+ nào.

Giáo dục giới tính và tính dục toàn diện, chương trình đang rất khó triển khai ở khu vực, không đề cập tới hoặc đề cập rất ít thông tin về LGBTQ+. Việc thiếu thông tin này đã lừa mọi người vào cái bẫy của định chuẩn dị tính, tức là gia đình dị tính hạt nhân được coi là cách thức ‘đúng’ duy nhất để sống cuộc đời của ai đó.

Chúng ta không thể nghĩ về chủng tộc, giới và tính dục

như là các phân loại riêng rẽ và loại trừ nhau, vì suy nghĩ như vậy sẽ xóa bỏ trải nghiệm và tiếng nói của những người đang trải nghiệm cả hai hay tất cả các phân loại này cùng lúc.

Sự giao thoa là một biểu hiện chính trị của nhân dạng, qua đó chúng ta cần phải thừa nhận cách thức mọi người có thể chịu nhiều gấp bội gánh nặng và áp bức do họ có nhiều hơn một nhân dạng của nhóm bên lề. Tuy nhiên, đây không phải là nơi mà tầm quan trọng và yêu cầu phân tích khái niệm này sẽ kết thúc. Do vậy, cần sử dụng các kiến thức về sự giao thoa khi cấu trúc lại các thể chế quyền lực và thay đổi cách chúng ta sản xuất kiến thức và coi sự kiến tạo kiến thức là đương nhiên để các hoạt động vận động của chúng ta thực sự hiệu quả và bao trùm.

Chúng ta không thể vận động cho quyền LGBTQ+ mà không vào nhìn vào những người ở tầng bậc thấp nhất trong xã hội, mà không tính đến tất cả mọi người. Ngày nay, nhiều cơ quan quyền con người quốc tế như Ủy ban Quyền con người Liên hợp quốc (UNCHR) và Diễn đàn Hành động Bắc Kinh của Liên hợp quốc (2000) thừa nhận tầm quan trọng của việc phải xem xét ‘sự giao thoa của các loại hình phân biệt đối xử’⁹ nhưng chúng ta cần phải đảm bảo chắc chắn rằng các luật này được triển khai theo cách mà nó sẽ thực sự có kết quả ở các hệ thống pháp luật khác nhau ở các nước. Việc nói rằng đã có các điều luật là không đủ nếu không có các bước cụ thể được thực hiện để đảm bảo rằng các luật này được thực hiện đúng đắn.

Ghi chú & Tài liệu tham khảo

1. Như đã được định nghĩa trong Yogyakarta+10, thể hiện giới là ‘sự biểu hiện bên ngoài của giới, được thể hiện qua tên, danh xưng, quần áo, kiểu tóc, hành vi, giọng nói, hoặc đặc điểm cơ thể. Xã hội sẽ nhận diện các đặc điểm này như là nam tính và nữ tính, mặc dù những đặc điểm được coi là nam tính và nữ tính này thay đổi theo thời gian và thay đổi theo văn hóa.’ ‘Bản dạng giới được hiểu là cảm nhận sâu sắc bên trong và trải nghiệm của cá nhân về giới, điều này có thể tương đồng với giới tính khi sinh hoặc không, bao gồm cả cảm nhận của cá nhân về cơ thể (điều này có thể bao gồm, nếu được tự do lựa chọn, sự thay đổi diện mạo bên ngoài hoặc chức năng bằng thuốc, phẫu thuật hoặc các phương tiện khác) và các thể hiện của giới khác, bao gồm, quần áo, cách nói và các ứng xử’; Các đặc điểm giới tính ‘bao gồm các đặc điểm giới tính nguyên bản (ví dụ, bộ phận sinh dục trong và sinh dục ngoài và/hoặc cấu trúc nhiễm sắc thể và nội tiết) và các đặc điểm giới tính (ví dụ, khối cơ, cách để tóc và cấp bậc)’; xu hướng tính dục được hiểu là “khả năng mỗi người chịu sự hấp dẫn về cảm xúc, tình cảm và tình dục và có các mối quan hệ thân mật và tình dục với các cá nhân thuộc một giới khác hoặc đồng giới hoặc thuộc hơn một giới”.
2. Tháng 7 năm 2019, Tòa án Tối cao Ấn Độ đã bỏ điều 377 của Luật hình sự thể hiện một bước tiến mới về quyền LGBTQ+.
3. Thomas, Maria, and Isabella Steger. “In over 40 Countries, Laws against Homosexuality Are a Lasting Legacy of British Rule.” *Quartz India*. Quartz. <https://qz.com/india/1380947/section-377-the-former-british-colonies-with-laws-against-gay-people/>.
4. *ibid*.
5. The full text of the Act can be found at this link: http://www.na.gov.pk/uploads/documents/1526547582_234.pdf.
6. Crenshaw, K. (1989) “Demarginalizing the Intersection of Race and Sex: A Black Feminist Critique of Antidiscrimination Doctrine, Feminist Theory, and Antiracist Politics” University of Chicago Legal Forum.
7. Crenshaw, K. (1989) “Demarginalizing the Intersection of Race and Sex: A Black Feminist Critique of Antidiscrimination Doctrine, Feminist Theory, and Antiracist Politics” University of Chicago Legal Forum.
8. Có thể lấy ví dụ về sự giao thoa về tính dục ở các quốc gia như Malaysia, ở đây các tin tức liên quan đến cộng đồng LGBTQ+ chỉ được lên sóng (và trở thành tin giật gân) khi có liên quan tới các vụ bê bối chính trị. Như thế chỉ củng cố thêm quan niệm của công chúng về sự vô đạo đức và không ngay thẳng của cộng đồng LGBTQ+ vì bản thân công chúng đều có được tiếp cận với các loại thông tin về các vấn đề khác khác về cộng đồng LGBTQ+ trên các phương tiện truyền thông chính thống.
9. Yuval-Davis, Nira. “Intersectionality And Feminist Politics.” *European Journal of Women's Studies* 13, no. 3 (2006): 193-209.

LẠC TRONG TỪ NGỮ: Tìm hiểu Thuật ngữ về LGBT

Sự phát triển của từ ngữ. Tiến trình phát triển thuật ngữ đã dẫn chuyển từ LGBT (Lesbian: đồng tính nữ, Gay: đồng tính nam, Bisexual: song tính, Transgender: chuyển giới) sang LGBTI (Lesbian: đồng tính nữ, Gay: đồng tính nam, Bisexual: song tính, Transgender: chuyển giới, Intersex: liên giới tính) rồi tới LGBTIA2++ (Lesbian: đồng tính nữ, Gay: đồng tính nam, Bisexual: song tính, Transgender: chuyển giới, Intersex: liên giới tính, Asexual: vô tính) và ngày càng có nhiều thêm các khuyến nghị về các vấn đề cụ thể bao gồm sự phát triển của các từ viết tắt SOGI (Sexual Orientation and Gender Identity: Xu hướng Tính dục và Bản dạng Giới), SOGIE (Sexual Orientation, Gender Identity and Expression: Xu hướng Tính dục, Bản dạng và Thể hiện Giới), SOGIE-B (Body: thân thể), và SOGIE-SC (Sex Characteristic: đặc điểm giới tính), với hy vọng làm sáng tỏ hiểu biết về những trải nghiệm tính dục đa dạng của con người.

Trong các nghiên cứu về truyền thông, chủ yếu do các học giả ở Mỹ và châu Âu thực hiện, các diễn ngôn về LGBT chỉ xuất hiện sau khi James W. Chesebro sửa bài viết chấn động đầu tiên có tiêu đề 'Người đồng tính lên tiếng: Truyền thông về người Đồng tính nam và Đồng tính nữ' năm 1981¹. Ông có lẽ là học giả về truyền thông từ Mỹ đầu tiên thẳng thắn đưa ra lý thuyết về xu hướng tính dục đồng giới, hay sự kiến tạo của đồng tính, là vấn đề của truyền thông.²

Chịu sự dẫn dắt của lý thuyết queer (tạm dịch: giới và tính dục khác biệt), các thực hành truyền thông tạo nên thay đổi và sự phản kháng cục bộ đối với việc đồng hóa các giá trị phương Tây, một số đã đặt câu hỏi về các lợi ích chính trị và sự phù hợp văn hóa-xã hội đối với việc dán nhãn nhân dạng ai đó dựa trên hành vi tình dục của họ.

Các thuật ngữ này giúp mọi người xác định được mình là ai hay trong một số trường hợp lại làm cho người ta lúng túng về việc bản thân họ có thể phù hợp hay được diễn giải theo một phân loại nào đó. Bên cạnh đó, bằng việc không thỏa hiệp với bản dạng mà chúng ta đã đấu tranh vì nó về các khía cạnh như sự hữu hình, sự thừa nhận, và bình đẳng, chúng ta cần nhận ra rằng truyền thông đã thường xuyên đánh vào chúng ta với những từ ngữ trọng yếu và đoạn văn hấp dẫn, rất phù hợp với sự miêu tả bằng ngôn ngữ của người da trắng ở các nước phát triển về LGBT, nguồn năng lượng mới cho 'chủ nghĩa tư bản cầu vồng': một tiền tệ mới cho thị trường trung thành với sắc cầu vồng.

Bettina Heinz cho rằng xu hướng tính dục nổi lên như là một vấn đề quan trọng trong chuyên ngành truyền thông trong những năm 1970, trước hết là nhờ các học giả đồng thời cũng là những nhà vận động.³ Thuật ngữ 'xu hướng tính dục' được dùng chủ yếu để mô tả tính định hướng về sự hấp dẫn tình cảm và thể xác của một người, liên quan tới giới tính mong muốn của bạn tình.⁴

Nhìn chung, xu hướng tính dục được nhìn nhận là tồn tại trên một trục liên tục, thừa nhận rằng trong vòng đời của mình, các cá nhân có thể thể hiện khác nhau hay nhìn nhận lại về xu hướng tính dục của bản thân.⁵ Tuy nhiên, Laurent đã giải thích rằng ý tưởng về một xu hướng tính dục linh hoạt xuất phát từ các bàn luận về sự 'tự do' của người da trắng.⁶ Khái niệm 'tính dục ưa thích' thường ít khi được nói đến vì thuật ngữ này đưa ra hàm ý về sự lựa chọn, 'xu hướng tính dục' đã trở thành chức năng của một phân hạng giới hay bản dạng tính dục, đặc biệt là ở Bắc Mỹ và văn hóa Châu Âu. Tuy nhiên, trong các bối cảnh khác, sự hấp dẫn tình dục với người cùng giới, hay có hành vi tình dục với người cùng giới được trải nghiệm tách biệt khỏi các phân loại về bản dạng giới và bản dạng tính dục. Dẫn dắt bởi lý thuyết queer (tạm dịch: giới và tính dục khác biệt), bởi các thực hành giao tiếp giữa các thế hệ đang thay đổi và sự phản kháng cục bộ đối với việc đồng hóa các

Frenia Nababan

Giám đốc Chương trình và Vận động chính sách, PKBI/ Hiệp hội Làm cha mẹ có Kế hoạch Indonesia

Email: frenia.nababan@gmail.com

và Ferena Debineva

Chủ tịch Nhóm Hỗ trợ và Trung tâm Nguồn lực về Nghiên cứu Tính dục, Indonesia

Email: freijadea@gmail.com

giá trị phương Tây, một số đã đặt câu hỏi về các lợi ích chính trị và sự phù hợp văn hóa-xã hội đối với việc dán nhãn nhân dạng cho ai đó dựa trên hành vi tình dục của họ. Do vậy, điều này đặt ra câu hỏi quan trọng: Liệu chúng ta có cần phải 'chứng minh' rằng một trải nghiệm cá nhân hay văn hóa nào đó là phù hợp với các định nghĩa phổ biến về 'LGBT'?

Sự Phát triển của Ngôn ngữ ở Nam Bán cầu.

Trong khi các nghiên cứu về truyền thông ở Bắc Bán cầu đã đưa ra thuật ngữ 'LGBT' từ đầu những năm 1970, sự phát triển của các từ về LGBT chỉ mới bắt đầu vào năm 2000.⁷

Nam Bán cầu vẫn chật vật thảo luận thuật ngữ 'LGBT' bên ngoài các khung về tính cá nhân và tự do biểu đạt. Tuy nhiên, ở Nam Bán cầu, ở nơi mà tính chủ nghĩa tập thể là hơi thở cuộc sống, văn hóa là đa thịt và sống là xâu chuỗi, chúng ta không thể thảo luận các thuật ngữ này theo cùng cách như nó đã được thảo luận ở Bắc Bán cầu.

Thậm chí việc sử dụng từ 'trans' (chuyển), tương ứng với chữ T trong LGBT, không phải là không có lo ngại khi mà nhìn lại việc thuật ngữ này đã được xuất phát từ thế giới bên ngoài thế nào, và nó gần như là không phù hợp đối với phong trào ở một số phần ở Nam Bán cầu. Ở Đông Nam Á những năm 1960, ở Indonesia đã có diễn giải về những người chuyển giới nữ theo nghĩa toàn cầu như hiện nay với từ Wadam (Female Adam: những nam giới nữ tính) do DKI Jakarta đưa ra để thay thế từ banci hay bencong là những từ được xem như mang ý xúc phạm.

Những người Makassarese ở Nam Sulawesi có truyền thống bissu: những người nam mặc quần áo như phụ nữ, hay

phụ nữ mặc như nam giới, và những người chỉ có quan hệ tình dục với người cùng giới. Tất cả các nghi lễ ở Tòa án phải do một bissu (waria) chủ trì.

Thái Lan nhìn chung là nước cởi mở với chuyển giới và tình dục đồng giới. Về truyền thống, diễn ngôn Thái Lan không phân biệt giới và giới tính, mà sử dụng một thuật ngữ chung phet để nói đến giới tính sinh học, giới và tính dục. Phân nhóm kathoey, trong truyền thống được dùng để chỉ những người liên giới tính, người mặc đồ giả trang, người chuyển đổi giới tính, người đồng tính nam, thì bây giờ chỉ được dùng cho những người nam giới mặc quần áo phụ nữ và những người nam chuyển giới tính thành nữ. Nhưng vào những năm 1960, xuất hiện nhu cầu sử dụng từ ‘gay’ (đồng tính nam), đây là từ được mượn từ phương Tây như một từ định danh. Người ta so sánh phân biệt nhiều lần với các thuật ngữ địa phương để bảo đảm rằng có thể diễn giải hết được ý niệm về tính linh hoạt của tính dục, vốn xảy ra chủ yếu thông qua các phong trào văn hóa và không thực sự được ủng hộ bởi các phong trào chính trị vị đồng tính hay các mạng lưới do hầu hết các quốc gia phương Tây tổ chức.

Đã các đến lúc các nghiên cứu cần chuyển từ việc tập trung vào trải nghiệm truyền thông của người LGBTQ như là một nhóm thiểu số mà thay vào đó nên tập trung vào cách thức các nhân dạng về giới và tính dục của các cá nhân chuyển hóa và thay đổi và hòa quyền cùng các vấn đề về giới, giai cấp và văn hóa.

Laurent bổ sung rằng đồng tính là hợp pháp ở Việt Nam.¹⁰ Các qui định luật pháp cổ xưa từ thế kỉ 15, đã đề cập đến cưỡng hiếp dị tính, ngoại tình và loạn luân nhưng không nói đến đồng tính. Ở Philippines, trước giai đoạn bị thực dân hóa bởi Tây Ban Nha, mỗi “bộ lạc” có một nhân vật quyền năng có khả năng giao tiếp với thánh thần, gọi là bayaguin, bayoguín, bayog, baylan (từ địa phương cho “thầy cúng”), hay asog (ở các đảo phía nam). Bakla, những nam giới coi mình là phụ nữ hoặc những nam giới mặc như phụ nữ, cũng như những phụ nữ ăn

mặc như nam giới kiểu tomboy, phụ nữ coi mình là nam giới, từ lâu đã được nhìn nhận như là một phần của văn hóa và thậm chí là trong cuộc sống hàng ngày ở gia đình ở những năm 1970, và bây giờ là một phần trong ngôn ngữ Taglish, một sự pha trộn của tiếng Tagalog (chủ thích: ngôn ngữ phổ thông chính ở Phi-lip-pin) và tiếng Anh.

Các ý kiến tranh luận về Bán cầu Bắc và tiếng Anh toàn cầu.

Từ đầu năm 2000, các học giả đã thu thập, đánh giá, hỗ trợ và phản biện về sự nổi lên của tiếng Anh toàn cầu như là ngôn ngữ về quyền của người đồng tính toàn cầu.¹¹ Năm 2003, cuốn sách của Yep, Karen E. Lovaas và John P. Elia với tựa đề ‘Lý thuyết Queer và Truyền thông: Từ kỉ luật các biểu hiện đa dạng kiểu Queers đến việc làm đa dạng hóa kiểu Queer các chuyên ngành khoa học’, đã đặt các nội dung của sách theo quan điểm cho rằng bây giờ đã các đến lúc các nghiên cứu cần chuyển từ việc tập trung vào trải nghiệm truyền thông của người LGBTQ như là một nhóm thiểu số mà thay vào đó tập trung vào cách thức các nhân dạng về giới và tính dục của các cá nhân chuyển hóa và thay đổi và hòa quyền cùng các vấn đề về giới, tầng lớp và văn hóa.¹²

Laurent nhấn mạnh vào các khoảng trống mù có thể được lấp đầy bởi các diễn ngôn về các “mô hình phương Tây” đặc biệt là các diễn ngôn về tự do và ‘công khai’ (being out), đòi lại một tiếng nói riêng biệt của một loại bản dạng, bản dạng tính dục.¹³ Trong bản luận này, Laurent cũng đặt câu hỏi về nơi mà sự hòa thuận gia đình và sự hài hòa xã hội có thể phù hợp với chức năng là một yếu tố khuyến khích theo khía cạnh thể hiện được bản chất châu Á và các trải nghiệm liên quan tới tính dục của họ.

Cảm giác bị tách rời khỏi thuật ngữ ‘LGBT’ chủ yếu xuất phát từ lịch sử thuộc địa ảnh hưởng tới Bán cầu Nam. Một số thuật ngữ và cách mô tả không tương đồng với văn hóa Nam Bán cầu. Các diễn ngôn bị ảnh hưởng bởi thuộc địa này về LGBT nhấn mạnh sự tranh luận về vấn đề bệnh tâm thần và chăm sóc, cũng như các từ như có tội, lây nhiễm, không tự nhiên, là các thuật ngữ lạ trong khi người dân ở Nam Bán cầu lại tôn vinh sự đa dạng về tính dục trong các nền văn hóa của họ. Điều này được thể hiện trong

tiêu điểm

phát hiện của chúng tôi khi một vài phụ nữ chuyển giới thừa nhận rằng họ sợ sử dụng từ ‘LGBT’ để nói về bản thân. Họ thích nhất khi được gọi là “Waria”. Những người Indonesia vẫn nghĩ rằng “Waria” không phải là một phần của LGBT.

Như Bakar đã nói: ‘Đối với những người có khác biệt giới và tính dục ở các nước hậu thuộc địa này, chính phủ của chúng ta phải cảm nhận được rằng những qui định này không phải là luật của chúng ta, không bao giờ là văn hóa của chúng ta.’

Mới năm nay thôi, Menaka Guruswamy và Arundhati Katju đã thành công trong việc thay đổi Điều 377 trong Luật Hình sự Ấn độ qui định các hình phạt đối với các mối quan hệ LGBTQ+. Các luật sư Tòa án Tối cao phản đối các bộ luật khắc nghiệt được đưa ra trong giai đoạn Anh cai trị Ấn độ. Menaka tranh luận chống lại những luật này, nói rằng, những luật này không bao giờ nên được đưa ra trong giai đoạn thuộc địa. Như Bakar đã nói: ‘Đối với những người có khác biệt giới và tính dục ở các nước hậu thuộc địa này, chính phủ của chúng ta phải cảm nhận được rằng những qui định này không phải là luật của chúng ta, không bao giờ là văn hóa của chúng ta’.¹⁴

Hướng tới Vận động Chính sách: Các bài học từ Phong trào về Khuyết tật.

Luật, đặc biệt là từ khung pháp lý về quyền con người quốc tế, là tài liệu tham khảo trực tiếp mà các nhóm thiểu số có thể dựa vào khi nói về ‘không phân biệt đối xử’.¹⁵ Ví dụ, công ước của Liên hợp quốc về Quyền của Người Khuyết tật (UNCRPD) là một thỏa thuận pháp lý quốc tế được đưa ra để bảo vệ và thúc đẩy quyền của người khuyết tật. Công ước này được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2006, và mở kí ngày 30 tháng 3 năm 2007. Về phong trào LGBT, Liên hợp quốc, thông qua Hội đồng Quyền Con người, đã có một số nghị quyết về Xu hướng Tính dục và Bản dạng Giới vào các năm 2011, 2014 và 2016.

Mục đích của vận động là tạo ra thay đổi và xây dựng sự ủng hộ của công chúng

đối với một sự nghiệp hay một chính sách cụ thể nào đó. Chúng ta có thể học hỏi từ các thành công của phong trào của người khuyết tật và xem cách thức phong trào này có thể phù hợp với phong trào LGBT như thế nào. UNCRPD là một hiệp ước phức tạp và toàn diện, thể hiện sự chuyển biến lớn mang tính toàn cầu từ ‘mô hình y tế’ mang tính cá nhân trong tiếp cận với người khuyết tật sang cách tiếp cận theo hướng “dựa trên quyền” và “công lý-xã hội”.¹⁶

Ở Indonesia, phong trào người khuyết tật đã cố gắng vận động Chính phủ phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Quyền của Người khuyết tật năm 2011. Tổ chức Người Khuyết tật (DPO) đã mở thảo luận về thuật ngữ này để có thể dịch Hiệp ước Người khuyết tật sang tiếng Indonesia. Maulani, chủ tịch HWDI (trao đổi cá nhân, 2019) một trong các nhà lãnh đạo khuyết tật, người đã vận động phê chuẩn UNCRPD ở Indonesia cho biết phải mất hai hội thảo quốc gia và một cuộc thảo luận nhóm để có được sự thống nhất về việc sử dụng từ “Penyandang Disabilitas” (dịch từ ‘Người Khuyết tật’) thay cho từ “Penyandang Cacat” (Dị tật).

Thuật ngữ đã tạo ra sự thay đổi theo hướng đề cập tới những vấn đề xã hội liên quan tới tiếp cận hơn là trở ngại cá nhân và do vậy đề cập đến trách nhiệm của nhà nước. Là một khái niệm tiếp tục thay đổi, thuật ngữ “Penyandang Disabilitas” cũng tạo ra các cơ hội với vai trò là một thuật ngữ ô bao trùm nhiều nhân dạng khác nhau.

Diễn ngôn về việc sử dụng LGBT như là ngôn ngữ vận động có thể tạo ra khó khăn ở các nước châu Á bởi một số lý do. Trước hết, Po-Han Lee (2016) tranh luận rằng chủ nghĩa đế quốc chống văn hóa, chủ nghĩa tương đối văn hóa và chủ nghĩa thụ động pháp lý hiện tại luôn có hành động chống lại chủ nghĩa quốc tế và sự phổ biến của quyền con người, mỗi khi ‘phương Tây’ đưa ra các vấn đề như là giới, tính dục, ăn tử hình, lao động tình dục, và can thiệp với vấn đề ma túy.¹⁷

Thứ hai, các câu hỏi vẫn cần quan tâm là từ ‘LGBT’ có đủ để bao gồm tất cả các khía cạnh đa dạng của xu hướng tính dục, bản dạng giới và thể hiện giới của mỗi người. Yulius giải thích rằng có một thực trạng trái ngược trong chính bản thân

quyền dựa trên nhân dạng.¹⁸ Các quyền mang tính ‘phổ quát’ cũng ảnh hưởng tới đặc điểm của một số cá nhân cụ thể’. Nói cách khác, một người phải thuộc về một bản dạng hay một nhóm nào đó, để họ có thể có “quyền được có các quyền đó.”

Để phong trào LGBT thật sự mang tính bao trùm, chiến lược và kiên định, ‘Xu hướng Tính dục và Đa dạng Giới’ có thể được sử dụng như một thuật ngữ ô để thấy rằng vẫn có các rào cản văn hóa và cấu trúc cản trở quá trình nhận thức và thực hiện quyền sức khỏe tình dục ở Nam Bán cầu.

Thứ ba, một thứ không thể phủ nhận đó là mặc dù việc thêm các chữ cái vào thuật ngữ LGBT là quan trọng nó cũng chính là một cuộc vật lộn vì nhân dạng. Nó cũng gây khó khăn cho những người ngoài phong trào LGBT hiểu hết ý nghĩa của từng chữ cái và do vậy có thể cản trở họ ủng hộ phong trào LGBT vì họ có thể không hiểu rõ lý do.

Thứ tư, cho đến hiện nay, không có tuyên bố, nghị quyết hay hiệp ước quốc tế nào nói đến thuật ngữ ‘LGBT’ trong tiêu đề cả. Thay vào đó, thuật ngữ được sử dụng là ‘Xu hướng Tính dục và Bản dạng Giới.’

Do vậy, để phong trào LGBT thật sự mang tính bao trùm, chiến lược và kiên định, ‘Xu hướng Tính dục và Đa dạng Giới’ có thể được sử dụng như một thuật ngữ ô để thấy rằng vẫn có các rào cản văn hóa và cấu trúc cản trở quá trình nhận thức và thực hiện quyền sức khỏe tình dục ở Nam Bán cầu.

Maulani (trao đổi cá nhân, 2019) cũng gợi ý rằng, để phong trào có thể mang tính tổng thể hơn và dễ hiểu hơn, cần có một khái niệm mở và bao trùm đề cập tới các thách thức mang tính cấu trúc.

Cuối cùng, cộng đồng mới là người quyết định và đưa ra các chiến lược về cách thức sử dụng các từ thể hiện trải nghiệm của họ để có thể đạt được mục tiêu của họ.

Ghi chú và Tài liệu tham khảo

1. Heinz, B. 2009. Xu hướng tính dục (Sexual orientation). Trong *Truyền thông Thế kỉ 21: Một cẩm nang tham khảo* của W. F. Eadie (21st Century Communication: A Reference Handbook) (Tập. 2, trang. 387-395). Thousand Oaks, CA: SAGE Publications, Inc. doi: 10.4135/9781412964005.n43
2. Như trên.
3. Như trên.
4. Như trên.
5. Như trên.
6. Laurent, E. 2005. *Tính dục và Quyền con người (Sexuality and Human Rights)*. *Journal of Homosexuality*, 48(3-4), 163-225. doi:10.1300/j082v48n03_09
7. Như trên.
8. Hanggoro, H. T. (26 tháng 2, 2016). Cara bang *Ali hadapi waria*. Xem vào ngày 24 tháng 9, 2018, tại Historia: <https://historia.id/kota/articles/cara-bang-ali-hadapi-waria-P3eRk>.
9. Laurent, E. 2005. Tính dục và Quyền con người (Sexuality and Human Rights). *Journal of Homosexuality*, 48(3-4), 163-225. doi:10.1300/j082v48n03_09
10. Ibid.
11. Heinz, B. 2009. Xu hướng tính dục (Sexual orientation). Trong *Truyền thông Thế kỉ 21: Một cẩm nang tham khảo* của W. F. Eadie (21st Century Communication: A Reference Handbook) (Tập. 2, trang. 387-395). Thousand Oaks, CA: SAGE Publications, Inc. doi: 10.4135/9781412964005.n43
12. Yep, G. A., Lovaas, K. E., & Elia, J. P. (Eds.). (2003). *Lý thuyết queer và Truyền thông (Queer Theory and Communication)*. Binghamton, NY: Haworth Press.
13. Laurent, E. 2005. *Tính dục và Quyền con người (Sexuality and Human Rights)*. *Journal of Homosexuality*, 48(3-4), 163-225. doi:10.1300/j082v48n03_09
14. Bakar, F. 2019. *Hai phụ nữ đấu tranh chống luật LGBT ở Ấn độ đã công khai là một cặp (Two women who fought against LGBT laws in India just came out as a couple)*. Đã xem tại Metro UK: <https://metro.co.uk/2019/07/21/two-women-who-fought-against-lgbt-laws-in-india-just-came-out-as-a-couple-10434554/>.
15. Po-Han Lee 2016. Quyền LGBT so với các giá trị châu Á (LGBT rights versus Asian values): de/re-constructing the universality of human rights, *The International Journal of Human Rights*, DOI: 10.1080/13642987.2016.1192537
16. Cogburn, D. L., & In Kempin, R. T. 2017. Biến quyền của người khuyết tật thành sự thật ở Đông Nam Á: Triển khai Công ước Liên hợp quốc về Quyền Người Khuyết Tật ở ASEAN (Making disability rights real in Southeast Asia: Implementing the UN Convention on the Rights of Persons with Disabilities in ASEAN).
17. Po-Han Lee 2016. Quyền LGBT so với các giá trị châu Á (LGBT rights versus Asian values): de/re-constructing the universality of human rights, *The International Journal of Human Rights*, DOI: 10.1080/13642987.2016.1192537
18. Yulius, Hendri. 2018. Suy nghĩ lại về Vận động (và Không vận động) vì Quyền Queer ở Đông Nam Á: Một sự khiêu khích (Rethinking the Mobility (and Immobility) of Queer Rights in Southeast Asia: A Provocation). <https://th.boell.org/en/2018/12/26/rethinking-mobility-and-immobility-queer-rights-southeast-asia-provocation>.

HÌNH SỰ HÓA LỰA CHỌN: Các trường hợp điển hình từ vùng Gujarat

Aarti Nayak, một cô bé 16 tuổi người Adivasi sống tại vùng nông thôn Dahod, đang theo học tại một trường trung học nội trú, ở đó cô là một ngôi sao điển hình nhưng bỗng một ngày cô được thông báo phải nghỉ học và về nhà. Trước khi về tới nhà, cô nghe tin là mình sẽ phải đính hôn với một chàng trai người Patel, 24 tuổi sống tại ngôi làng cha của cô đến làm thuê.

Rất lo sợ với quyết định này bởi vì biết được nó sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống và việc học hành của mình như thế nào, đồng thời cũng biết được mình sẽ không thể làm gì để chống lại quyết định đó, cô liền gọi cho Chetan, cậu bạn mà cô đã đem lòng để ý tới và họ đã cùng nhau bỏ trốn. Họ đã chạy trốn được khoảng 15 ngày nhưng cuối cùng cũng bị cảnh sát bắt giữ do chính bố của cô có đơn tố cáo.

Đơn tố cáo? Bắt cóc hoặc lừa gạt mang một cô gái đi để ép lấy cô ấy được quy định là tội hình sự theo mục 366 của Bộ Luật hình sự (IPC) của Ấn Độ. Chetan vì vậy đã bị bắt và bị giam giữ. Aarti, mặc dù chưa kết hôn chính thức, nhưng cũng bị đuổi học ngay lập tức.

Hành động của Aarti không phải là sự lầm lạc thoáng qua, câu chuyện của cô là một khuynh hướng chung. Một nghiên cứu khám phá¹ do tổ chức ANANDI thực hiện trên 731 đơn tố cáo chính thức gửi tới cảnh sát và 29 cuộc phỏng vấn sâu với những cô gái trẻ có liên quan đến các vụ tố cáo bắt cóc và ép buộc này cho thấy rằng sự đồng thuận, quyền lựa chọn và sự đại diện của các em gái và phụ nữ trẻ, nhất là liên quan đến tính dục – vẫn bị hình sự hoá rất nặng nề bởi cả hệ thống luật pháp và xã hội nói chung.

Gần 87% các đơn tố cáo đều vận dụng điều khoản này của Bộ luật hình sự giống như bố của Aarti đã làm: Bắt cóc và lừa gạt một cô gái để ép cưới. Mặc dù chính những người đứng đơn cũng thường không biết ý nghĩa thực sự của khái niệm pháp luật này mà thường là do cán bộ cảnh sát viện dẫn dựa trên những chi tiết mà nguyên đơn cung cấp.

Điều này, cộng thêm với thực tế rằng 91% các đơn tố cáo có nói đến địa chỉ cụ thể của nghi phạm bắt cóc, đặt ra nghi vấn rằng một số cha mẹ đã vận dụng luật pháp như là một phương tiện giúp tìm kiếm con gái bỏ trốn khỏi nhà.

Thông tin từ các cuộc phỏng vấn sâu, mặc dù với số lượng hạn chế, cũng cho thấy nghi vấn này là phù hợp. 20 trên tổng số 24 trường hợp có nộp đơn tố cáo, thì người bị hại trong trường hợp này bỏ nhà ra một cách tự nguyện.

Tuy nhiên, các đơn tố cáo đều viện dẫn rằng các trường hợp này đều là bắt cóc chiều theo hướng dẫn của Toà án tối cao về việc trẻ em mất tích. Trong số 5 trường hợp không có đơn tố cáo chính thức, 3 trường hợp bố mẹ của họ đã cắt đứt hoàn toàn liên lạc trong khi họ vẫn tiếp tục sống với đối tác của mình và 2 trường hợp còn lại bố mẹ họ ép buộc phải từ bỏ đối tác của mình.

Do 2/3 các đơn tố cáo được nghiên cứu đều nói đến các trường hợp trẻ em gái dưới 18 tuổi, và vì vậy về mặt lý thì họ thuộc nhóm dân số vị thành niên. Điều này cho thấy rõ cách luật pháp ở Ấn Độ xử lý các trường hợp liên quan đến tình dục có đồng thuận ở nhóm dân số dưới 18 tuổi.

Luật bảo vệ trẻ em khỏi các hành vi xâm hại tình dục (POCSO), năm 2012 và các hướng dẫn của Toà án tối cao về các thủ tục đặc biệt đối với các trường hợp trẻ em mất tích đều tập trung vào việc “bảo vệ” các em khỏi những nguy cơ độc hại và những vi phạm liên quan đến người dưới 18 tuổi, vì vậy có sự mâu thuẫn giữa độ tuổi được đồng thuận và độ tuổi được phép kết hôn.

Điều này vi phạm đến nguyên tắc “năng lực đang phát triển” liên quan đến trường hợp các em gái vị thành niên và theo định nghĩa pháp lý về tuổi các em không thể thực hiện quyền đại diện của mình. Điều này cũng làm cho chi tiết có đồng thuận bị loại trừ bởi vì theo luật tất cả các hành vi quan hệ tình dục với người dưới 18 tuổi đều bị coi là vi phạm pháp luật.

Sejal Dand

Giám đốc điều hành, ANANDI

Email: sejal@anandi-india.org

và Arundhati Sridhar

Quảng lý chương trình, ANANDI

Email: arundhati@anandi-india.org

Quyền lựa chọn và sự đại diện của trẻ em gái không được công nhận dẫn đến những lựa chọn này trở thành phạm tội, làm cho các em dễ tổn thương hơn đối với các hình thức bạo lực. Những em gái bị bắt rồi bỏ những đồng minh do chính các em lựa chọn thường bị ép gả cưới cho những người đàn ông có thể trả tiền hồi môn cao nhất. Khi còn ở nhà, các em bị cha mẹ quản thúc và bị chính cha mẹ mình kỳ thị và không tin tưởng. Trong số 29 cô gái mà chúng tôi phỏng vấn trong nghiên cứu này, chỉ có hai cô (chiếm 6,9%) có thể tiếp tục đi học sau khi bỏ trốn và bị bắt lại về nhà.

Phân tích số liệu cũng chỉ ra rằng rõ ràng có một độ trễ giữa thời điểm phát hiện ra “cô gái mất tích” với thời điểm gia đình làm đơn tố cáo với cảnh sát – chỉ có 20% các trường hợp làm đơn trong vòng 2 ngày xảy ra vụ việc, còn phần lớn các vụ còn lại chỉ có đơn trong vòng 3-5 ngày.

Phỏng vấn với những người có trải nghiệm bạo lực cũng như với các nhà lãnh đạo cộng đồng cho thấy rằng thường thì đây là thời gian để các gia đình tự thương lượng, được biết đến bằng thuật ngữ *davo*, có nghĩa là bố mẹ cô gái ra điều kiện cho gia đình nhà bên kia bồi thường chuyện con gái họ bỏ nhà đi theo con trai nhà bên đó. Nếu gia đình không trả *davo* cặp đôi trẻ sẽ không được xã hội tha thứ. Vì vậy nếu như *davo* không được trả, cô gái bị chính gia đình mình tẩy chay.

Phong tục bồi thường hay *davo*, với mức tiền đi động từ 10.000 đến 200.000 tiền Ấn Độ, được nhiều vùng xem như là một biện pháp nhằm ngăn cản những người trẻ tự ý kết hôn với nhau mà không thông qua sự đồng ý của gia đình. Bất kể trường hợp có trả *davo* hay không, cô gái trẻ trong những trường hợp này vẫn phải chịu những khó khăn, gánh nặng về kinh tế, xã hội và dị nghị của cộng đồng và vì vậy dễ bị tổn thương hơn nữa.

Nhiều gia đình phải vay mượn lãi để trả tiền *davo* cũng như để trả các phí tổn liên quan đến việc giải quyết các trường hợp này theo pháp luật. Mặc dù các khoản nợ này là do gia đình đứng ra vay mượn, nhưng nghĩa vụ trả nợ lại là của cặp đôi trẻ và nhất là của cô dâu vì vậy đây là gánh nặng đẩy họ vào hoàn cảnh kinh tế không an toàn, ảnh hưởng đến việc tiếp tục theo đi học do nợ đẻ thêm nợ.

41% các trường hợp cho thấy các cô gái có thai không lâu sau khi bỏ trốn theo bạn trai – với lý do cổ tình làm như vậy để xã hội chấp nhận cho họ thành đôi hay có thể do thiếu kiến thức SKSS và tình dục. Điều này tạo ra một vòng luẩn quẩn của việc mang thai sớm và những hệ lụy của nó, nhất là trong bối cảnh cặp đôi ngần ngại tiếp cận với các dịch vụ y tế do lo sợ bị mọi người phát hiện.

Đối với những cặp đôi người vị thành niên yêu nhau nhưng không có sự ủng hộ theo phong tục truyền thống hay luật pháp, các lựa chọn đối với họ gần như là húc đầu vào đá hay cực kỳ khó khăn. Tại sao trong hoàn cảnh bị hình sự hoá nặng nề như vậy mà các em gái hay phụ nữ trẻ vẫn cố tình làm theo lựa chọn cá nhân của mình?

Trong mỗi trường hợp lựa chọn cá nhân bị hình sự hoá như vậy đều có mối dây liên quan sâu xa giữa tính dục và sự di chuyển. Nguyên nhân thúc đẩy việc bỏ trốn không chỉ là do lực hấp dẫn đối với đối tác/bạn trai, mà còn là do họ muốn chạy trốn khỏi gia đình. Trong số những em gái và phụ nữ trẻ được phỏng vấn, 12 người đã bỏ nhà đi do họ bị bạo lực trong chính gia đình mình khi gia đình phát hiện ra mối quan hệ yêu đương hoặc là các em lo sợ sẽ bị như vậy. Họ cũng phải hứng chịu bạo lực nếu cha mẹ phát hiện ra họ có điện thoại di động và bí mật sử dụng nó. Xuyên suốt các trường hợp, những người được phỏng vấn đều phải chịu gánh nặng quá sức vì phải làm việc nhà, chăm sóc gia đình và bị hạn chế tiếp xúc với bạn bè, đi ra bên ngoài hay sử dụng điện thoại di động. Họ cũng hiếm khi được tự lựa chọn trong các quyết định liên quan đến việc học hành, nghề nghiệp hay kết hôn – và phần lớn những người được phỏng vấn đều thấy trước việc bỏ nhà ra đi là cách duy nhất để có thể tự lựa chọn/tự quyết định theo ý mình, một cách để thoát ra khỏi các “sợi dây” trói buộc họ.

Những con số này cho thấy bức tranh về sự trói buộc xã hội thường áp dụng đối với một phụ nữ trẻ trước khi trưởng thành về mặt tình dục – nhất là trong một xã hội nơi mà thước đo của danh dự (ijjat) được gắn liền với việc con gái phải giữ gìn và hạn chế giao lưu bên ngoài trước khi kết hôn.

Trong các cuộc thảo luận nhóm (TLN), với các cô gái ở nhóm tuổi từ 14-16 cũng nhắc nhiều đến việc bị hạn chế giao lưu bên ngoài. Theo số liệu thống kê, 58,6% các cô gái nói là không được phép đi thăm bạn bè và 31% nói là chỉ được đi thăm bạn bè trong cùng xóm có nghĩa là chủ yếu bao gồm những người họ hàng. 70% các cô gái không được tiếp cận với các hoạt động như thể thao giải trí ngoài giờ đi học. 80% các cô gái chưa bao giờ được đi xem phim ngoài rạp. 82% không được đi chợ một mình. Những con số này cho thấy bức tranh về sự trói buộc xã hội thường áp dụng đối với một phụ nữ trẻ trước khi trưởng thành về mặt tình dục – nhất là trong một xã hội nơi mà thước đo của danh dự (ijjat) được gắn liền với việc con gái phải giữ gìn và hạn chế giao lưu bên ngoài trước khi kết hôn.

Nhiệm vụ cấp bách hiện nay đối với các tổ chức xã hội dân sự và các tổ chức, nhóm hội hỗ trợ phụ nữ đó là việc cần phải hiểu về các nhu cầu, khát khao và nỗi sợ của những phụ nữ trẻ đồng thời tìm cách giúp họ định hướng được tốt hơn trong những tình huống phân vân về tình dục, đi hay ở, và đưa ra lựa chọn nào. ANANDI, cùng với các đối tác là các nhóm hội phụ nữ của mình – như nhóm Panam Mahila Sangathan (PMS), Devgadhi Mahila Sangathan (DMS), Maliya Mahila Shakti Sangathan (MMSS) và Mahila Swaraj Manch (MSM) – đã thiết lập và vận hành trong suốt hai thập kỷ qua một Diễn đàn giải quyết các tranh chấp thay thế, bao gồm cả các Ủy ban công tác về giới.

Diễn đàn này hiện đang dần trở thành một đồng minh quan trọng cung cấp hỗ trợ cho những người trẻ, những người đã tự lựa chọn bạn đời cho chính mình, để giúp họ đương đầu và xử lý tình huống với các bên khác, chủ yếu là cảnh sát và hệ thống pháp luật cũng như các nhà lãnh đạo trong

cộng đồng.

Bảo vệ các cặp đôi trẻ và đặc biệt là các cô gái để đảm bảo rằng các em không phải chịu thêm bất kỳ một hình thức bạo lực nào ví dụ như bị quẫn thúc, ép buộc kết hôn, các hành động của họ bị báo cho công an, đồng thời đồng hành và hỗ trợ các cô gái trong quá trình giải quyết công việc là một số hoạt động được Ủy ban Bảo vệ Công lý và Giới đặt ưu tiên trong công tác hỗ trợ những người trẻ bị kết tội bởi chính luật pháp và xã hội địa phương.

ANANDI cũng chia sẻ các kết quả và khuyến nghị của cuộc nghiên cứu² với các tổ chức xã hội dân sự và các cơ quan ban ngành của chính phủ nhằm kêu gọi sự ủng hộ rộng hơn từ các nơi, hướng tới giải quyết những khoảng trống trong các quy định pháp luật do việc hình sự hoá quyền lựa chọn liên quan đến tính dục của những người trẻ.

Ghi chú và tài liệu tham khảo

1. Joshi, Pragnya. Hình sự hoá quyền đại diện, lựa chọn và đồng thuận: trường hợp của các cô gái trẻ tại Gujarat bị kẹp giữa các ngà rẽ của luật pháp và các thực hành truyền thống. <https://drive.google.com/file/d/1tK7XzJMjd7x6t7KJwHOZu7dfAQQmGVTeW/view>.
2. ANANDI. Kết quả và khuyến nghị của nghiên cứu: Các vụ việc hôn nhân có mâu thuẫn với pháp luật và truyền thống: trường hợp của vùng Gujarat. <https://drive.google.com/file/d/1bhlweBmQzaBZRxg7T FsBWBoa4VGgNZk9/view>.

TRẢI NGHIỆM LGBTQI+ Ở FIJI

Tamani Rarama

Thư kí điều phối, Fiji Youth SRHR Alliance

Email: tamanirarama@gmail.com

Quyền của người LGBTQI+ ở Fiji đã có những bước tiến vượt bậc trong hai thập kỉ qua. Năm 1997, Fiji trở thành nước thứ hai trên thế giới, sau South Africa có các điều khoản rõ ràng trong hiến pháp về bảo vệ chống lại phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục.

Năm 2009, hiến pháp năm 1997 bị xóa bỏ. Hiến pháp mới, ra đời tháng 9 năm 2013, đã mở rộng qui định này cả về phạm vi và nội dung về bảo vệ quyền của những người Fiji trên cơ sở xu hướng tính dục của họ bao gồm cả bản dạng giới và thể hiện giới.¹ Qui định này đã giúp vị thế của những người Fiji có tính dục đa dạng tăng đáng kể sau khi Luật hình sự năm 2009² được chỉnh sửa bỏ hình sự hóa tính dục đồng giới (nay được biết đến với tên Nghị định về Tội phạm 2010).

Quá trình vận động quyền phụ nữ ở Fiji cho tất cả phụ nữ thuộc các nhóm đa dạng gắn liền với việc Fiji phê chuẩn Công ước Xóa bỏ mọi hình thức Phân biệt đối xử với Phụ nữ năm 1995, và cho phép phụ nữ thuộc các nhóm đa dạng về trải nghiệm tính dục, xu hướng tính dục, giới và thể hiện giới tham gia cùng nhau vận động cho sự đa dạng và sự hòa nhập ở nhiều cấp độ khác nhau trong xã hội.

Với việc Xu hướng Tính dục, Bản dạng và Thể hiện giới (SOGIE) được thể hiện ở văn bản luật cao nhất ở đất nước, trải nghiệm thực tế vẫn còn xa với việc hiện thực hóa và pháp lí hóa quyền của người LGBTQI+. Câu chuyện của cô ấy – cậu ấy – họ của phong trào LGBTQI+ Fiji đã trải qua rất nhiều thách thức trong nhiều năm để đạt được vị trí mà chúng ta có được ngày hôm nay. Những tranh luận này đến từ các trải nghiệm bên trong cũng như bên ngoài, từ các yếu tố bối cảnh và thật buồn là đôi khi từ chính phong trào quyền con người.

Trong kinh nghiệm ở Fiji cũng như là nhiều nơi khác trên thế giới, phong trào quyền phụ nữ đã trở thành điểm khởi đầu để tổ chức, huy động và vận động cho các vấn đề cụ thể của LGBTQI+. Quá trình vận động quyền phụ nữ ở Fiji cho tất cả các nhóm phụ nữ đa dạng gắn liền với việc Fiji phê chuẩn Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với Phụ nữ năm 1995³ và cho phép phụ nữ thuộc các nhóm đa dạng về trải nghiệm tính dục, xu hướng tính dục, giới và thể hiện giới tham gia cùng nhau vận động cho sự đa dạng và sự hòa nhập ở nhiều cấp độ khác nhau trong xã hội.

Trong những năm đầu tiên của phong trào LGBTQI+, các tổ chức như Phong trào quyền phụ nữ Fiji (Fiji Women's Rights Movement), Trao quyền cho nam giới Fiji (Men Empowerment Fiji - MEN FIJI) nay được biết với tên Quỹ Tự hào Cầu vồng (Rainbow Pride Foundation), Phong trào Drodrolagi (Drodrolagi Movement), Haus of Kameleon, và DIVA vì Bình đẳng (DIVA for Equality) là lực lượng tuyến đầu trong các nỗ lực Vận động vì LGBTQI+. Các phong trào này vận động cho các vấn đề về sức khỏe và quyền sinh sản và tính dục liên quan tới nhu cầu và sự an toàn của người chuyển giới (cả chuyển giới nam và chuyển giới nữ), đồng tính nữ, queer nữ, nữ song tính, và những phụ nữ không theo các định chuẩn giới khác.

Có thể nhận thấy các vấn đề tương tự xung quanh sự tham gia trong các lĩnh vực xã hội, chính trị và kinh tế của người thuộc các nhóm đa dạng xu hướng tính dục, bản dạng giới và thể hiện giới trong nhiều không gian phụ nữ của các nhà hoạt động LGBTQI+ và đồng minh của họ. Đôi khi có những sự suy yếu hay chống lại từ các nhà lãnh đạo nữ truyền thống, những người cũng là một phần của các không gian và quá trình này. Tuy nhiên, với việc phản hồi, tương tác một cách chiến lược và sự nhạy cảm một số lãnh đạo nữ bảo thủ này hiện đã trở thành những nhà vô địch của phong trào LGBTQI+ và của cộng đồng.

Không nghi ngờ gì, phong trào LGBTQI+ đã có những bước dịch chuyển và tiến bộ quan trọng. Tuy nhiên, những động năng thay đổi mà nó tương tác cũng chính là thách thức. Các nhà hoạt động LGBTQI+ hiện nay đang nghĩ đến khả năng thu hẹp không gian tham gia của họ trong phong trào quyền con người.

Không nghi ngờ gì, phong trào LGBTQI+ đã có những bước dịch chuyển và tiến bộ quan trọng. Tuy nhiên, những động năng thay đổi mà nó tương tác cũng chính là thách thức. Các nhà hoạt động LGBTQI+ hiện nay đang nghĩ đến khả năng thu hẹp không gian tham gia của họ trong phong trào quyền con người. Những trải nghiệm này được các nhà hoạt động chuyển giới hàng đầu ở Fiji cùng chia sẻ trong một sự kiện tọa đàm bên lề trong ngày thứ hai ở Hội nghị Quyền con người ở châu Đại dương.⁴

“Không gian của chúng ta tiếp tục bị thu hẹp và điều này rất nguy hiểm; vì những người mà chúng ta gọi là đồng minh hiện nay lại đang chỉ đạo về kiểu người chuyển giới nữ mà họ cho phép được tham gia cùng với họ. Trong tình huống này, họ bắt đầu trở thành nút thắt cổ chai của phong trào, vì họ đặt câu hỏi về tính giá trị và tính chân thực của người chuyển giới nữ trong các không gian của quyền phụ nữ. Đang có rất nhiều xung đột trong không gian nữ quyền. Sử dụng lăng kính và/hoặc cách tiếp cận giao thoa là chìa khóa để giải quyết các vấn đề này.

Chúng ta đã nhìn thấy những thái độ kì thị người đồng tính và người chuyển giới này ở trong và ngoài phong trào về nữ quyền, LGBTQIs và quyền con người. Những thái độ này dựa trên những niềm tin cá nhân của họ và thường được mài giũa bởi sự giáo dục sai lệch, tập trung cho các nhóm đa số và không dựa trên quyền, tôn giáo và niềm tin cá nhân cũng như là các niềm tin truyền thống

và văn hóa. Việc các thực hành mang tính loại trừ này góp phần củng cố kì thị người đồng tính và chuyển giới trong phong trào nữ quyền/quyền phụ nữ và quyền con người được thách thức một cách mạnh mẽ và công khai, được nhắc lại và được chia sẻ trên các diễn đàn để ngăn chặn sự phát triển của chúng trong và ngoài các phong trào này là vô cùng cốt yếu.” – *Sulique Waqa, Haus of Kameleon, trích từ “TRANS-forming lives for a Better and Stronger Pacific” (tạm dịch: Chuyển giới – cải tạo cuộc sống vì một Thái bình dương Tốt hơn và Mạnh hơn) Tọa đàm sự kiện bên lề - Diễn đàn Nữ quyền Thái bình dương lần thứ 2.*

Chúng ta cần thiết lập đối thoại với các nhà nữ quyền và nhà hoạt động thủ cựu trong phong trào để tạo ra sự hiểu biết và chấp nhận nhiều hơn. Phong trào phụ nữ tiếp tục là một đồng minh của phong trào LGBTQI+ ở Fiji. Cuộc Diễn hành Tự hào Quốc gia được tổ chức hồi đầu năm

đã có sự tham dự của các nhà hoạt động, các mạng lưới và các tổ chức làm về nữ quyền. Đây là ví dụ kinh điển về những hoạt động khác cho thấy sự sát cánh và ủng hộ liên tục của các đồng minh và những người liên quan từ phong trào phụ nữ.

Cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ với phong trào phụ nữ nhằm đạt được mục tiêu thừa nhận và tôn trọng sự đa dạng của phụ nữ trong các không gian phụ nữ. Trong tiến trình tiếp theo, giải pháp giúp giải quyết các vấn đề đã đưa ra ở trên đó là phải sử dụng cách tiếp cận dựa trên quyền có tích hợp lăng kính giao thoa một cách toàn diện. Điều này sẽ giúp củng cố và nhấn mạnh một cách có ý nghĩa sự giao thoa giữa quyền LGBTQI+ với các vấn đề về quyền phụ nữ và quyền con người. Các mối liên kết như vậy, theo đó cũng sẽ giải quyết các vấn đề về quyền và sức khỏe tình dục và sinh sản. Phong trào sẽ mạnh mẽ hơn khi phụ nữ và các nhà nữ quyền hợp tác với nhau thúc đẩy quyền

LGBTQI+.

Ghi chú & Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp Fiji 2013, <https://www.fiji.gov.fj/getattachment/a3cddc01-dc73-4823-83b8-f290672ddae0/2013-%20Constitution-of-The-Republic-of-Fiji>.
2. Nghị định Hình sự Fiji 2010, http://www.pacii.org/fj/promu/promu_dec/cd200995/.
3. Fiji Phê chuẩn CEDAW, https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/TreatyBodyExternal/Treaty.aspx?CountryID=60&Lang=EN.
4. Chương trình Hành động đồng Diễn đàn Nữ quyền Thái bình dương lần 2, http://www.fwrn.org.fj/images/PFF/WEBSITE/PFF_Charter_Action_Plan.pdf.

TUẦN HÀNH AURAT: Danh dự, và sự Kiểm soát Bạo lực Đối với Cơ thể của Phụ nữ

Sadia Khatri

Email: sadiakhatri91@gmail.com

Vào 8 tháng 3, 2018 và sau đó là 2019, hàng nghìn phụ nữ Pakistan đã xuống đường tham gia vào Cuộc tuần hành Aurat (Tuần hành Phụ nữ). Được tổ chức dưới khẩu hiệu ‘Chúng ta là Phụ nữ’ (Hum Aurtein), cuộc Tuần hành được bắt đầu năm ngoái ở Karachi,¹ khi các nhà nữ quyền từ các nhóm và tổ chức quyền phụ nữ tạo thành một ủy ban kế hoạch có tính đồng tham gia, không có thứ bậc, và không phụ thuộc vào bất kì nhóm nào. Trong một tháng rưỡi, nhiều phiên làm việc được tổ chức để tập hợp phụ nữ từ các khu vực dân cư và các nhóm xã hội khác nhau, và mở rộng nhóm nòng cốt. Các chiến dịch trên mạng xã hội được thực hiện, các khẩu hiệu được dựng lên và hoạt động vận động gây quỹ cộng đồng được thực hiện. Các tài trợ tiền từ doanh nghiệp và nhà nước bị từ chối.

Đứng sau cuộc Tuần hành ở mỗi thành phố là những quan điểm chính trị và con người khác nhau, nhưng đòi hỏi của họ thì giống nhau²—chấm dứt bạo lực thường nhật và được nhà nước bảo trợ đối với phụ nữ, những người không theo các qui định nam-nữ truyền thống, và những người theo các tôn giáo thiểu số, ở nhà, ở nơi làm việc, ở không gian công cộng; công bằng kinh tế thông qua việc triển khai luật lao động, và thừa nhận các công việc của phụ nữ ở nhà là ‘lao động không trả lương’; công bằng về sinh sản cho phụ nữ, những người không theo chuẩn nam-nữ truyền thống, và tất cả các bản dạng tính dục; và công lý môi trường, được hiểu là sự tiếp cận tốt hơn tới nước và đất, và chấm dứt việc bóc lột động vật của doanh nghiệp. Năm nay, các yêu cầu còn có thêm việc chấm dứt việc qui hoạch thu hồi đất dân đang lan rộng trên khắp đất nước, nhắm vào các cộng đồng nghèo và tầng

lớp lao động.

Trong hai năm, với sự tham gia của các nhà nữ quyền và các nhà hoạt động từ các nhóm và tổ chức quyền phụ nữ và các đồng minh, cuộc Tuần hành đã trở thành một ngày náo động mang tính lịch sử vì phụ nữ, một hiện tượng không phổ biến ở không gian công cộng ở Pakistan: phụ nữ ở tất cả các lứa tuổi, tuần hành trong một biển các băng rôn biểu ngữ đầy màu sắc, hát vang trong sự tự hào và phản kháng.

Vì ở Pakistan, cũng giống như ở nhiều nước ở Nam Á, phụ nữ thường chỉ được coi là người quan sát chứ không phải là người lên tiếng, và các chuẩn mực xã hội qui định cách thức cũng như điều kiện để chúng ta có thể được nhìn thấy - cuộc Tuần hành đã đánh đòn chí mạng vào những người tin vào hệ thống gia trưởng.³ Trên khắp đất nước, những người phụ nữ

và nam giới phe ‘cánh hữu’ lắc đầu thể hiện sự không đồng tình. Họ lên án các nhà nữ quyền vì cuối cùng đã vượt qua ranh giới. Cuộc Tuần hành không chỉ tấn công vào văn hóa và truyền thống của Pakistan, nó còn đã phá hủy Hồi giáo. Vị trí của những người phụ nữ theo đạo Hồi là ở trong nhà, không phải ở ngoài đường và cư xử thô lỗ như vậy.

Phản ứng này không có gì mới. Lòng sùng tín truyền thống và văn hóa thường được đưa ra để giữ phụ nữ trong tầm kiểm soát. Ở những năm 80, ở Pakistan, điều này đã được hợp pháp hóa dưới triều đại của tổng thống độc tài Tướng Zia-ul-Haq. Để đưa đất nước lại gần cái mà Zia cho rằng là giá trị Hồi giáo thực sự, ông ta đã đưa ra một loạt các qui định luật pháp tuân thủ Sharia, chống lại phụ nữ.⁴ Trong số đó có Pháp lệnh Zina hà khắc coi cưỡng hiếp với ngoại tình là một. Cả hai hành vi này được coi ngang nhau trong qui định luật pháp, có nghĩa là người phụ nữ không thể báo cáo việc bị xâm hại tình dục mà không bị trừng phạt bởi chính hành vi này. Trừ khi họ có thể đưa ra bốn nhân chứng là nam giới chứng minh rằng thực sự có cưỡng hiếp, họ sẽ chịu phạt đánh bằng roi ở nơi công cộng hoặc bị ném đá đến chết.

Cơ thể phụ nữ trở thành đấu trường cho các lo lắng tôn giáo của nam giới. Bằng chứng cho điều này là các tuyên bố kinh hãi về sức khỏe và giáo dục của phụ nữ, là hệ quả trực tiếp của hành vi nghi ngờ hệ thống giáo dục và khoa học phương Tây của các giáo sĩ tôn giáo.

Trong khi phong trào phụ nữ Pakistan thành công trong việc thay đổi một số qui định luật pháp lạc hậu này và đưa ra sự an toàn pháp lý cao hơn cho phụ nữ, chủ nghĩa thủ cựu mang tính tôn giáo được gieo trồng và xác nhận bởi những năm trị vì của Zia tiếp tục ăn sâu bám rễ trong suy nghĩ của người Pakistan. Cơ thể phụ nữ trở thành thành đấu trường cho các lo lắng tôn giáo của nam giới. Bằng chứng cho điều này là các tuyên bố kinh hãi về sức khỏe và giáo dục của phụ nữ⁵, là hệ quả trực tiếp của hành vi nghi ngờ hệ thống giáo dục và khoa học phương Tây của các giáo sĩ tôn giáo; trong các thực hành về kết hôn trẻ em, được bảo chữa dưới tên

của văn hóa; trong việc đối xử với phụ nữ góa và phụ nữ độc thân, cuộc sống của những người này không có tí giá trị nào nếu họ không thể trở thành tài sản của một nam giới nào đó; trong việc đổ lỗi cho những người bị xâm hại tình dục; và trong chừng mực nào đó các quan niệm sai lầm này chính là những gì cuộc Tuần hành tìm cách loại bỏ đầu tiên, và là những gì mà những người chỉ trích cuộc Tuần hành Aurat đã làm mọi cách trong quyền năng của họ để lớn tiếng tái khẳng định.

Phụ nữ luôn bị giám sát và kiểm soát và bị tình dục hóa trong cuộc sống hàng ngày của họ. Trung tâm của tất cả điều này chỉ là một nhắc nhở thôi đó là dù luật pháp có qui định thế nào, cơ thể của chúng ta không thuộc về chúng ta. Trong ba tuần sau cuộc Tuần hành năm nay, truyền thông Pakistan không quan tâm tới bất kì vấn đề nào khác. Tất cả các vấn đề cấp thiết khác tự nhiên trở thành không quan trọng trong khi mọi chương trình tin tức chỉ tập trung vào các câu hỏi giống nhau: Liệu có nên lên án cuộc Tuần hành? Có thể chấp nhận đến mức nào? Tại sao phụ nữ không nói về các vấn đề thực sự như sức khỏe, giáo dục và thừa kế?

Nguyên do lớn nhất của sự sỉ nhục: các biểu ngữ. Các biểu ngữ chúng tôi mang theo trong Tuần hành, ngôn ngữ không khiêm nhường và các đòi hỏi phi lí. Những kẻ dèm pha chúng tôi không thắc mắc về mục tiêu hay chủ đích của cuộc Tuần hành, họ chỉ quan tâm – không, họ thấy bị tổn thương – bởi sự thô tục và khoa trương của các biểu ngữ. Chính các biểu ngữ đã khiến họ mất ăn mất ngủ:

*“Akeli Awaara Azaad” (được tạm dịch là ‘Đế yên, Cởi trói, Tự do’) “Cơ thể của tôi, sự đồng thuận của tôi”
“Làm sao tôi biết tất cả anh ở đâu?” “Anh tự hâm nóng thức ăn đi!”
“Hãy ngừng gửi tôi các bức ảnh cái ấy của anh”
“Hãy nhìn, tôi đang ngồi rất chuẩn mực đây.”
(đi kèm là hình minh họa một cô gái ngồi dạng chân, thay cho việc phải ngồi bắt chéo chân hay phải thu chân vào như là các cô gái ngoan theo đạo Hồi thường làm)*

Phụ nữ luôn bị giám sát, kiểm soát và bị tình dục hóa trong cuộc sống hàng ngày của họ.

Trung tâm của tất cả điều này chỉ là một nhắc nhở thôi đó là dù luật pháp có qui định thế nào, cơ thể của chúng ta không thuộc về chúng ta.

Chính các biểu ngữ trào phúng, thiếu tôn kính, dí dỏm đã gây nên sự giận dữ lớn nhất. Những phụ nữ Hồi giáo tự trọng không nói như vậy. Hầu hết các chỉ trích được che đậy bằng các lí luận tôn giáo và chứa đựng những từ to tát như tôn trọng và danh dự. Tất nhiên, trong khi danh dự (hay *izzat*) thường được đặt lên vai người phụ nữ, nó chả có gì liên quan đến phụ nữ. Nó chủ yếu là về nam giới – những người cha, người anh và chồng – những người đã đặt danh dự của họ vào cơ thể của con gái họ, chị em gái của họ và vợ họ, và khoác cho những người này trách nhiệm phải duy trì danh dự của những nam giới thông qua hành động của họ. Bằng việc tuần hành và dương cao biểu ngữ như là chúng ta đã làm, chúng ta làm mất danh dự của những người đàn ông và gia đình chúng ta.

Một số thứ cần phải được thực hiện để nhắc nhở chúng ta về nơi chốn của chúng ta. Các cha xứ đã đưa ra fatwas (qui định trong đạo Hồi) chống lại cuộc Tuần hành, và Quốc hội Khyber Paktunkhwa đã thông qua nghị quyết coi đó là một ảnh hưởng mang tính phá hoại của các giá trị phương Tây. Trong khi đó, những nhà tổ chức Tuần hành được mời đến tất cả các chương trình của truyền thông chính thống để bảo vệ và giải thích quan điểm của họ. Tuy nhiên, không một chương trình nào kiểm tóa được sự ghê bỏ và những lời nói cay độc hướng vào phụ nữ: truyền thông xã hội ồn ào với các trường hợp quấy rối, và một số nhà tổ chức Tuần hành bị lên theo, nhận được sự đe dọa giết chết và cưỡng hiếp.

Trong một xã hội mà việc gìn giữ danh dự của nam giới được coi là tối thượng, hậu quả của việc làm sút mẻ danh dự này là bạo lực. Trên khắp thế giới, phụ nữ bị giết nhân danh danh dự, nhưng Pakistan là một trong số ít nước trên thế giới đã hợp pháp hóa điều này qua ngôn ngữ: cái chết danh dự - hay *karo kar* – là việc giết người trong gia đình, thường do một số thành viên gia đình cùng thực hiện để trừng phạt một phụ nữ đã mang lại sự xấu hổ cho cộng đồng. Sự xấu hổ này thường liên quan tới các hành vi vượt ngưỡng trong tình dục – chạy trốn cùng người yêu,

từ chối kết hôn, thể hiện sự tự chủ với cơ thể của cô ấy. Nền tảng của thực hành tàn nhẫn này là niềm tin cho rằng không gì có thể chuộc lỗi cho những người phụ nữ như vậy, và do vậy tội lỗi của cô ấy chỉ có thể giải quyết được bằng việc loại bỏ cô ấy khỏi cuộc sống.

Trong một thời gian dài, những kẻ thủ ác trong các vụ giết người danh dự có thể xin lỗi một cách dễ dàng. Do các hành vi này được xếp loại là “tội của đam mê”, những người này không bị ra tòa như những trường hợp giết người thông thường khác. Bất cứ ai liên quan tới người bị giết (và do vậy, bao gồm cả những kẻ giết người) có thể tha thứ cho kẻ giết người. Tháng 10 năm 2016, Quốc hội Pakistan đã thông qua luật chống giết người danh dự, đưa ra các hình phạt hà khắc hơn cho những kẻ thủ ác và loại bỏ kẻ hở cho phép sự tha thứ.

Trong một xã hội mà việc gìn giữ danh dự của nam giới được coi là tối thượng, hậu quả của việc làm sút mẻ danh dự này là bạo lực. Trên khắp thế giới, phụ nữ bị giết nhân danh danh dự, nhưng Pakistan là một trong số ít nước trên thế giới đã hợp pháp hóa điều này qua ngôn ngữ.

Các thống kê vẫn rất báo động. Năm 2015, trên 1000 phụ nữ bị giết nhân danh danh dự ở Pakistan. Trong năm tiếp theo, ngay trước khi luật được thông qua, chúng ta chứng kiến vụ giết người kinh hoàng xảy ra với ngôi sao nhạc pop và truyền thông xã hội Qandeel Baloch. Cô ấy đã bị đánh thuốc mê và bị chính anh trai mình bóp cổ đến chết, vì đã làm những video tào bạo, đáng “xấu hổ” trong đó cô ấy ăn mặc không kín đáo và thực hiện những điệu nhảy kêu gọi trước camera. Trong cùng năm đó, một phụ nữ ở Sargodha bị chồng giết do đã phục vụ chồng đồ ăn nguội.¹⁰ Năm ngoái, Khadeeja Siddique bị một nam giới đâm 23 nhát¹¹—ngay giữa ban ngày, tại một nơi công cộng—vì đã từ chối lời đề nghị của anh ta. Ngay tháng này, một nam giới đã đẩy cô dâu mới của mình xuống sông vì “xấu tính”.¹²

Đây chỉ là những trường hợp được báo

chí đưa tin. Mỗi ngày đều thấy trên báo các bài viết về phụ nữ bị giết, bị làm cho thương tích, bị ám sát bởi chính những người đàn ông họ tin tưởng.¹³ Trong khi, nhiều vụ giết người liên quan tới sự thể hiện chủ thể trong tình dục của phụ nữ, rất nhiều trường hợp là do phụ nữ từ chối tuân thủ các mong đợi về giới luôn kìm nén họ, đặc biệt trong phạm vi gia đình.

Trong khi, nhiều vụ giết người liên quan tới sự thể hiện chủ thể trong tình dục của phụ nữ, rất nhiều trường hợp là do phụ nữ từ chối tuân thủ các mong đợi về giới kìm nén họ, đặc biệt trong phạm vi gia đình. Đó chính xác là những điều mà các biểu ngữ “thô tục” trong cuộc Tuần hành Aurat đề cập. Thông điệp là giống nhau: chúng tôi không cho phép các anh đặt danh dự của các anh lên cơ thể của chúng tôi, tính dục của chúng tôi, cuộc sống của chúng tôi thuộc về chúng tôi.

Đó chính xác là những điều mà các biểu ngữ “thô tục” trong cuộc Tuần hành Aurat đề cập. Thông điệp là giống nhau: chúng tôi không cho phép các anh đặt danh dự của các anh lên cơ thể của chúng tôi. Cơ thể của chúng tôi, tính dục của chúng tôi, cuộc sống của chúng tôi thuộc về chúng tôi.

Nói to điều này cũng tốt như là khi tuyên bố chúng ta là phụ nữ, những người không muốn phải tuân theo khế ước xã hội, những khế ước cũng qui định rằng những ai không tuân thủ sẽ phải trả giá bằng bạo lực. Điều mỉa mai là: bằng cách chối bỏ sự kiểm soát đối với cơ thể của chúng ta, chúng ta lại trở thành đối tượng bị kiểm soát nhiều hơn. Bản chất của những luận điệu đã kích các biểu ngữ của cuộc Tuần hành và sự đe dọa giết người hay gây hại, chỉ bộc lộ sự đề nể tột cùng mà phong trào phụ nữ Pakistan đang tìm cách phá bỏ. Những người đã phá cuộc Tuần hành có thể nghĩ rằng họ đang thúc đẩy các giá trị của họ, nhưng trong nỗ lực của họ đẩy chúng ta trở lại vị trí mà chúng ta đang khát khao được giải phóng khỏi đó—vị trí mà nam giới quyết định điều gì sẽ xảy

ra với chúng ta và với cơ thể của chúng ta—họ đã phải bộc lộ họ nhiều hơn. Sự đạo đức giả của họ đã giúp chúng ta tin tưởng hơn vào cuộc chiến đấu của chúng ta và làm cho nó mạnh mẽ hơn: sẽ không có gì ngạc nhiên nếu cuộc Tuần hành sang năm thậm chí sẽ lớn hơn, với hàng nghìn phụ nữ thêm nữa cùng hòa vào dòng người xuống đường, để chúng ta có thể cùng nhau nhắc cho họ biết rằng sự kiểm soát của họ đang yếu đi.

Ghi chú & Tài liệu tham khảo

1. Saeed, Mehek. “Tuần hành Aurat 2018: Tự do vượt qua Sợ hãi” (Aurat March 2018: Freedom over Fear) The News International: Latest News Breaking, Pakistan News, 2018, www.thenews.com.pk/magazine/instep-today/290411-aurat-march-2018-freedom-over-fear.
2. Các yêu cầu được đưa trên trang Instagram của cuộc Tuần hành Aurat Karachi's: <https://www.instagram.com/auratmarch2019/?hl=en>.
3. Zahra-Malik, Mehreen. “Pakistan bị xé tung khi cuộc Tuần hành ngày Phụ nữ làm lóe lên làn sóng ‘Lo lắng Nam tính’” The Guardian. Guardian News and Media, March 15, 2019. <https://www.theguardian.com/world/2019/mar/15/pakistan-torn-as-womens-day-march-sparks-wave-of-masculine-anxiety>.
4. Lari, Maliha Zia. “Luật về Hiệp dâm ở Pakistan: một lịch sử của bất công” DAWN.COM, January 25, 2018. <https://www.dawn.com/news/1096629>.
5. Tỷ lệ biết chữ của phụ nữ ở Pakistan là khoảng 50%. Nguồn: Điều tra Kinh tế Pakistan, 2017-2018.
6. Mặc dù có sự thay đổi trong luật, ước tính hơn 140 triệu trẻ em gái chưa đủ tuổi kết hôn sẽ kết hôn trong thời gian 2011-2020. Nguồn: Dân số học kết hôn trẻ em ở Pakistan, World Health Organisation (WHO).
7. Khatiri, Sadia. “Liệu các nhà nữ quyền có nên xác nhận các biểu ngữ ‘thô tục’ trong Tuần hành Aurat? Có, chắc chắn.” DAWN.COM, March 15, 2019. <https://www.dawn.com/news/1469815>.
8. Herald. “Sự tiến triển của giết người danh dự” Herald Magazine, July 25, 2016. <https://herald.dawn.com/news/1153470>.
9. “Giết người danh dự ở Pakistan có chiều hướng tăng, Báo cáo cho thấy.” BBC News. BBC, April 1, 2016. <https://www.bbc.com/news/world-asia-35943732>.
10. APP. “Người đàn ông giết vợ vì bữa tối nguojici ở Lahore.” Tribune Pakistan. November 30, 2017. <https://tribune.com.pk/story/1572042/1-man-murders-wife-cold-dinner-lahore/>.
11. Malik, Hasnaat. “Sinh viên luật ra tòa trong trường hợp đâm người ở Khadija” Tribune Pakistan. January 23, 2019. <https://tribune.com.pk/story/1894921/1-sc-sets-aside-lhc-order-khadija-stabbing-case/>.
12. PPI. “Người phụ nữ được cứu sau khi người chồng đẩy cô ấy xuống kênh” Pakistan Today. Accessed October 25, 2019. <https://www.pakistantoday.com.pk/2019/07/04/woman-rescued-after-husband-pushes-her-into-canal/>.
13. Hanif, Mohammed. “Pakistan: Nơi những kẻ giết phụ nữ hàng ngày là người làm tin tức | Mohammed Hanif.” The Guardian. Guardian News and Media, May 9, 2019. <https://www.theguardian.com/commentisfree/2019/may/09/pakistan-murdered-women>.

CÁC ĐỘNG LỰC XUNG QUANH VIỆC CUNG CẤP GIÁO DỤC TÍNH DỤC TOÀN DIỆN (CSE): CHIA SẺ TỪ KHU VỰC NAM Á

Quyền và Sức khoẻ Sinh sản và Tính dục của người vị thành niên tại khu vực Nam Á: Một số nét tổng quan.

Nam Á là khu vực có dân số ở độ tuổi vị thành niên lên tới 282 triệu người, chiếm gần nửa số vị thành niên trên toàn thế giới.¹ Tổ chức Y tế Thế Giới (WHO) định nghĩa người vị thành niên là những người từ 10 – 19 tuổi. Tại khu vực Nam Á, nhóm tuổi này chiếm một phần năm (1/5) tổng dân số.¹ Đội ngũ dân số trẻ đông đảo chưa từng có này cần phải được công nhận là một nhóm dân số đa dạng đang phải đối mặt và trải nghiệm các kịch bản quá độ về kinh tế, văn hoá và chính trị của khu vực. Các kịch bản quá độ này có hệ lụy to lớn đối với nhóm dân số này khi động đến giáo dục, sức khoẻ và các quyền khác của người vị thành niên như độ tuổi kết hôn, việc làm, v.v.. Ví dụ, sự thay đổi về quan điểm chính trị và hình hình kinh tế toàn cầu có thể ảnh hưởng đến các quyết định về chính sách và ngân sách liên quan đến giáo dục và sức khoẻ thanh niên. Vì vậy, việc đảm bảo trẻ em vị thành niên được tiếp nhận các thông tin và kỹ năng đúng về quyền, sức khoẻ tình dục và sức khoẻ sinh sản phải được coi là ưu tiên cấp bách.

Số liệu thống kê từ khu vực Nam Á cho thấy nhu cầu cấp thiết phải đảm bảo người vị thành niên được tiếp cận đầy đủ với các kỹ năng và kiến thức để các em có thể có những chuẩn bị cần thiết để ra các quyết định cho tương lai của mình trên cơ sở được thông tin đầy đủ. Lấy ví dụ, ngay cả khi luật pháp quy định độ tuổi kết hôn tại Nepal là 20 tuổi nhưng theo kết quả khảo sát năm 2014, 48% số phụ nữ độ tuổi 20-49 kết hôn khi mới 18 tuổi.² Tại Bangladesh, 52% trẻ em gái kết hôn ở độ tuổi 18 và trong số đó có tới 18% kết hôn khi mới 15 tuổi. Phần lớn các chương trình về sức khoẻ tại Bangladesh không chú trọng tới vấn đề sức khoẻ tình dục và tình trạng đầy đủ viên mãn.³ Các kết quả về sức khoẻ sinh sản tại Pakistan cũng cho thấy nước này có những tiến bộ

chậm chạp và không thoả đáng liên quan đến các chỉ số truyền thống ví dụ như tỷ lệ tử vong mẹ (140/100,000) và tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh (74/100,000) vẫn còn ở mức cao đến mức khó giải thích. Những phát triển về giới cũng có vẻ tụt hậu tại Pakistan khi mà có tới 21% trẻ em gái kết hôn trước khi bước sang tuổi 18.

Về mặt luật pháp và chính sách, không có các điều khoản trực tiếp nói đến việc cung cấp các dịch vụ và thông tin toàn diện về quyền, SKSS và TD cho người vị thành niên tại khu vực. Tuy nhiên, có các điều khoản gián tiếp và khi được thực hiện vẫn phải tiến hành thêm những thương lượng và điều chỉnh không cần thiết.

Về mặt luật pháp và chính sách, không có các điều khoản trực tiếp nói đến việc cung cấp các dịch vụ và thông tin toàn diện về quyền SKSS và TD cho người vị thành niên tại khu vực. Tuy nhiên, có các điều khoản gián tiếp và khi được thực hiện vẫn phải tiến hành thêm những thương lượng và điều chỉnh không cần thiết. Ví dụ chương trình giáo dục cho người vị thành niên của Ấn Độ do Bộ Phát Triển Nhân Sự ban hành năm 2007 đã bị cấm thực hiện do một số phụ huynh và giáo viên phản đối, và sau này được giới thiệu lại năm 2009 trong khuôn khổ hợp tác với UNFPA.

Tuy vậy, đây chỉ là một ví dụ duy nhất về sự can thiệp mang tính thể chế của Chính phủ liên quan đến sức khoẻ vị thành niên trong hệ thống giáo dục và ngay cả trong chương trình này các chủ đề như nhận dạng giới tính và đa dạng tính dục cũng không được đề cập tới.⁷

Vì vậy, mặc dù nhóm người vị thành niên tại khu vực này khá đa dạng, vẫn cần có

các can thiệp chung để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền SKSS và TD. Rất tiếc là việc thực hiện các quyền này trong khu vực hiện còn rất nhiều thách thức. Những thách thức này bao gồm cả các truyền thống văn hoá, tôn giáo, quan niệm và các thực hành về vai trò giới, các lý tưởng chính trị cũng như chuẩn mực đạo đức xung quanh vấn đề tính dục và các hành vi tình dục.⁸ Điều quan trọng là cần phải công nhận SKSS và TD như một khái niệm tổng thể và nó liên quan đến “mọi khía cạnh của một cuộc sống hoàn toàn thoải mái về thể chất, tình cảm, tinh thần và xã hội”, chứ không chỉ giới hạn ở ‘không có bệnh tật hay không khoẻ.’⁹

Đối với nhóm vị thành niên, bao gồm cả nhóm LGBTQI+, tình trạng dễ tổn thương xung quanh vấn đề quyền, SKSS và TD đặt ra yêu cầu cần phải cung cấp ngay cho các em thông tin và kỹ năng toàn diện. Giáo dục tính dục toàn diện (CSE) là một cách tiếp cận dựa trên quyền con người và hướng tới việc cung cấp các thông tin phù hợp với từng lứa tuổi và dựa trên các bằng chứng thực tế về các chủ đề như chuẩn mực giới tính, mối tương quan quyền lực, bạo lực và những thay đổi tuổi dậy thì.¹⁰ Tuy nhiên hiện vẫn còn một số khía cạnh và nhân tố cản trở việc cung cấp Giáo dục Tính dục Toàn diện tại khu vực Nam Á. Những khía cạnh này thường bị thoả hiệp bởi các lý tưởng tôn giáo và văn hoá, xã hội tạo ra những rào cản đối với việc cung cấp CSE cho trẻ vị thành niên.

Các yếu tố và nhân tố cản trở quyền của người vị thành niên đối với tiếp cận Giáo dục Tính dục Toàn diện (CSE).

Những thảo luận xung quanh vấn đề tính dục thường bị che giấu do xấu hổ hoặc cho rằng đó là chủ đề cấm kỵ. Vì vậy, người vị thành niên được tiếp cận các thông tin về SKSS và TD rất ít từ gia đình và thường không được khuyến khích để nói chuyện về những vấn đề liên quan đến cơ thể và tính dục. Tương tự như vậy, các

chương trình giáo dục về Quyền, SKSS và TD, ví dụ như Chương trình giáo dục dựa vào kỹ năng sống do chính quyền cấp tỉnh tại Pakistan thực hiện thường bị cấm vì bản thân chính quyền cũng bị lẫn lộn và sợ bị gán nhãn là chương trình đó khuyến khích hành vi tình dục ở tuổi vị thành niên.¹¹ Điều này khiến cho mọi người né tránh khi nói về các vấn đề này và càng làm cho nó trở nên cấm kỵ hơn, khiến cho việc thực hiện các chương trình Quyền, SKSS và TD trở nên cực kỳ khó khăn, thách thức. Văn hoá né tránh hay im lặng không nói đến hoặc kỳ thị xung quanh Giáo dục tính dục toàn diện thường được số đông bảo vệ và khuyến khích nhất là trong các xã hội phụ hệ phổ biến tại khu vực này. Việc kiểm soát tính dục và cơ thể, kết hôn sớm và mang thai sớm là hệ quả của một hệ thống như vậy. Việc liên hệ vấn đề tính dục của các em gái với danh tiếng của gia đình cũng là một hệ quả khác của xã hội phụ hệ.⁹ Hình thức kiểm soát này đi ngược lại các cách tiếp cận dựa trên quyền và bình đẳng giới trong chương trình CSE.

Một rào cản quan trọng khác nữa đối với chương trình CSE là quan niệm cho rằng người vị thành niên không cần thảo luận về vấn đề Quyền, SKSS và TD. Tại khu vực Nam Á, thông tin và những trao đổi xung quanh vấn đề tình dục và tính dục với thanh niên chưa kết hôn được xem là một điều cấm kỵ.⁹ Điều này xuất phát từ những quan điểm cho rằng người vị thành niên không nên có hoạt động tình dục trước khi kết hôn. Thêm vào đó, tính dục vẫn chỉ được xem xét trong hệ thống hai giá trị bao gồm nam và nữ và vì vậy sẽ bỏ qua các khía cạnh khác của đa dạng tính dục nằm ngoài hệ thống nhị nguyên này. Mặc dù các cải cách luật pháp và chính sách tại khu vực Nam Á gần đây có những tiến triển hơn trong vấn đề này, tuy nhiên quan điểm chung, phổ biến về giới tính vẫn chỉ là hai giá trị.

Hơn nữa, ở hầu hết các nước khu vực Nam Á, sự ảnh hưởng của tôn giáo và việc hiểu một chiều về các lời răn dạy trong giáo lý có ảnh hưởng rất lớn đối với chính sách và các chuẩn mực văn hoá – xã hội. Tôn giáo có liên quan chặt chẽ với chính trị và văn hoá tại các nước này. Một số ví dụ bao gồm Đạo luật Hudood 1979 của Pakistan và hai thập kỷ vận động chính sách liên quan đến phân biệt ranh giới giữa quan hệ tình dục có đồng thuận và hiếp dâm.¹⁰ Do luật pháp ở đây về bản

chất vẫn không coi trọng phụ nữ nên hậu quả là phụ nữ thường bị gán vào tội lăng loàn ngay cả khi họ báo cáo mình bị hãm hiếp, ‘bởi vì chính việc họ báo cáo sự việc được xem như là sự tự thú của họ.’¹¹ Việc hiểu một chiều những lời răn dạy trong tôn giáo như vậy khiến cho khái niệm về cách tiếp cận dựa trên quyền rất khó có thể được phổ biến và không tạo điều kiện cho việc thực hiện chương trình CSE. Việc hiểu về tôn giáo một cách bảo thủ cũng có thể có ảnh hưởng tiêu cực đến độ tuổi kết hôn, quyền của các em gái và phụ nữ khi đến kỳ kinh nguyệt, các quy định luật pháp mang tính phân biệt đối xử về giới, các chuẩn mực xung quanh việc kết hôn và hiếp dâm trong hôn nhân, quan điểm về nam giới là trụ cột và có quyền, suy nghĩ cho rằng điều này làm ảnh hưởng đến danh tiếng gia đình, nạo phá thai, ngừa thai và bạo lực gia đình.¹¹

Tính dục vẫn chỉ được hiểu trong hệ thống hai giá trị bao gồm nam và nữ và vì vậy sẽ bỏ qua các khía cạnh khác của đa dạng tính dục nằm ngoài hệ thống nhị nguyên này. Mặc dù các cải cách luật pháp và chính sách tại khu vực Nam Á gần đây có những tiến triển hơn trong vấn đề này, tuy nhiên quan điểm chung, phổ biến về giới tính vẫn chỉ là hai giá trị.

Tầm quan trọng của việc người vị thành niên được tiếp cận với giáo dục tính dục toàn diện tại Nam Á – Một số ví dụ. Để giải quyết việc thiếu thông tin, CSE là một cách trang bị cho người vị thành niên không chỉ kiến thức mà còn “các kỹ năng sống thiết thực và phát triển thái độ và giá trị cuộc sống.”¹² Có một số ví dụ từ các nước trong khu vực cho thấy rằng nếu khi các em được tạo điều kiện để tiếp cận kiến thức và dịch vụ phù hợp, người vị thành niên sẽ có thể trở thành những nhân tố mạnh mẽ tạo ra những thay đổi xã hội.

Amit Timilsina, là người đứng đầu một tổ chức thanh niên tại Nepal, đánh giá việc cung cấp Giáo dục tính dục toàn diện - CSE trong chương trình quốc gia về sức khoẻ sinh sản và tình dục vị thành niên của Nepal bằng nhận xét cho rằng ‘người vị thành niên còn ngại ngùng đưa ra câu

hỏi và học về sức khoẻ SS và TD trong lớp học, và các em thường không nhận được sự hỗ trợ của gia đình để có thể tìm kiếm thông tin và dịch vụ mà các em cần.’¹³ Một học sinh lớp 10, tại một trường học ở Pakistan, đã công nhận rằng chương trình giáo dục kỹ năng sống đã giúp em hiểu rõ những kiến thức trước đây em còn chưa hiểu hoặc hiểu sai về tuổi dậy thì. Hiện tại em không còn nghe theo lời khuyên của mọi người về việc kiêng tắm hoặc kiêng ăn một số loại thức ăn trong giai đoạn kinh nguyệt.¹⁴ Báo cáo đánh giá chương trình CSE tại Bangladesh cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cung cấp CSE cho người vị thành niên để giúp các em duy trì sức khoẻ tốt và cuộc sống đầy đủ lành mạnh.¹⁵

Khuyến nghị

Sẽ luôn cần phải giải quyết những phản kháng và ảnh hưởng có hại mà thanh niên khu vực Nam Á đang phải đối diện do việc thiếu vắng các hoạt động Giáo dục tính dục toàn diện. Dưới đây là một số khuyến nghị:

1. Cần phát triển khuôn khổ cho cách tiếp cận dựa trên quyền và các can thiệp lấy con người làm trung tâm nhằm xóa bỏ những quan điểm hoặc diễn dịch một chiều về tôn giáo và những lời răn dạy trong các sách kinh chống lại việc cung cấp Giáo dục tính dục toàn diện.
2. Cần phải làm việc trực tiếp với thanh niên và các tổ chức đồng minh trong nước cũng như trong khu vực để chính bản thân thanh niên tự nói lên nhu cầu của mình về Quyền, SKSS và TD. Điều này sẽ giúp tạo điều kiện để các cuộc đối thoại giữa những người hoạt động dựa trên quyền và những người theo triết lý cánh hữu trở nên cởi mở hơn và giúp giảm các hạn chế đối với chương trình Giáo dục Tính dục Toàn diện.
3. Do các nước trong khu vực Nam Á đang đối mặt với các rào cản giống nhau, các nước này nên tăng cường chia sẻ các bài học kinh nghiệm và các tiến đề để tạo cảm hứng cho các nước học hỏi theo.
4. Cần bắt đầu các hoạt động đánh giá nội dung chương trình giáo dục dục quốc gia ở cấp tiểu học và trung học để xác định và chỉ cho Chính phủ thấy rõ những thiếu hụt về nội dung Giáo dục Tính dục Toàn diện.
5. Cần thiết kế các chiến lược nhằm tạo

ra những áp lực trong nước, trong khu vực và quốc tế bằng cách nhấn mạnh đến nhu cầu cấp thiết này để Chính phủ quyết định đưa Giáo dục Tính dục Toàn diện làm bộ môn chính thức trong trường học.

Ghi chú và tài liệu tham khảo

1. Bott, S. 2003. *Trở thành người lớn: Khám phá sức khoẻ SS và TD ở người vị thành niên tại khu vực Nam Á*. Geneva: Tổ chức Y Tế Thế Giới. Ban nghiên cứu và SKSS.
2. Bản tin của Tổ chức Y Tế Thế Giới về Tiếp Cận Người vị thành niên với các dịch vụ Sức Khỏe Nepal, 2017. (95):90-91 doi: <http://dx.doi.org/10.2471/BLT.17.020217>.
3. Diễn đàn công dân về các mục tiêu phát triển bền vững, Bangladesh Tóm lược về Quyền, SKSS và TD ở trẻ vị thành niên năm 2018. (2): 1-3. <https://bdplatform4sdgs.net/wp-content/uploads/2018/10/Citizen%E2%80%99s-Platform-Brief-22-Sexual-and-Reproductive-Health-Rights-of-Adolescents-and-Young-People.pdf>.
4. Trẻ em gái không phải các cô dâu. 2018. *Pakistan – Tình trạng tảo hôn ở các nước trên thế giới*. Trẻ em gái không phải các cô dâu. <https://www.girlsnotbrides.org/child-marriage/pakistan/#stats-references>.
5. Basavaraj, S., and Chakraverty, I. 2017. *Tóm lược vận động chính sách quốc gia tại Ấn Độ: Giáo dục tính dục toàn diện: tổng quan và cách thức tiến tới trong tương lai*. New Delhi: The YP Foundation and Pravah.
6. Gunasekara, V. 2017. *Những gì sẽ đến với tuổi chúng mình trong lớp học: Những rào cản về văn hoá và tôn giáo đối với Giáo dục tính dục toàn diện*. Kuala Lumpur: Asian-Pacific Resource & Research Centre for Women (ARROW).
7. UNESCO (Paris), và UNAIDS. 2018. *Hướng dẫn kỹ thuật quốc tế về giáo dục tính dục: Một cách tiếp cận dựa trên bằng chứng và có thông tin*. Paris: UNESCO.
8. Haberland, N., và Rogow, D. 2015. Giáo dục tính dục: Các xu hướng hiện nay về bằng chứng và thực hành. *Journal of Adolescent Health: Supplement*, 56, 1.
9. Latif, M. *Tóm lược theo chủ đề: Tác động của tôn giáo đối với Giáo dục tính dục toàn diện*. Karachi: Shirkat Gah – Women's Resource Centre and Kuala Lumpur: Asian-Pacific Resource & Research Centre for Women (ARROW).
10. Paracha, Nida. 2011. *Đạo luật Hudood*. Trong tạp chí. <https://www.dawn.com/news/626858>.
11. Latif, M. và Salam, G. R. *Tóm lược theo chủ đề: Tác động của chủ nghĩa tôn giáo cực đoan đối với pháp luật và chính sách liên quan đến Quyền SKSS và TD*. Karachi: Shirkat Gah – Women's Resource Centre and Kuala Lumpur: Asian-Pacific Resource & Research Centre for Women (ARROW).
12. Viện Guttmacher. *Công cụ giải mã thông tin về Giáo dục tính dục toàn diện*. Guttmacher Institute. https://www.guttmacher.org/sites/default/files/report_downloads/demystifying-data-handouts_0.pdf.
13. Tổ chức Y tế Thế Giới 2017. *Tiếp cận các dịch vụ sức khoẻ của vị thành niên tại Nepal*. <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC5327946/>.
14. Aahung. 2012. *Những tiếng nói được khuyến khích: Những chia sẻ bằng lời từ Trường học SMB Fatima Jinnah – Karachi*.
15. Islam, K. F., Priatom, G.S. M. and Farnaz, N. 2018. *Báo cáo đánh giá về Giáo dục tính dục toàn diện tại Bangladesh*. Bangladesh: BRAC James P Grant School of Public Health.

INTERNET VÀ TÍNH DỤC CỦA CHÚNG TA

Trong thời đại hiện nay khi mà truyền thông có ảnh hưởng rất nhiều tới thế giới, ngày càng có nhiều người sử dụng Internet và truyền thông mới như là một nguồn hay công cụ nhằm thúc đẩy các tiếng nói khác nhau vào thảo luận đa chiều về quyền tình dục, tính dục cũng như các khát khao của con người. Tại các nước thứ ba nơi mà những cuộc thảo luận xung quanh tính dục thường bị cấm đoán và kỳ thị, truyền thông mới trở thành nơi cho mọi người thảo luận một cách cởi mở và tự do biểu đạt bản thân. Bài viết này khai thác sâu hơn vào quan điểm của ba người và tổ chức khác nhau đến từ Ấn Độ và tầm quan trọng của việc xây dựng một nền tảng Internet hoà nhập.

Nhu cầu phát triển một nền tảng Internet hoà nhập

Bishakha Datta

Giám đốc điều hành, Quan điểm

Email: bishakha@pointofview.org

Ấn Độ năm 2019. Tại một cuộc hội thảo ở TP Mumbai, một sinh viên cao đẳng chia sẻ rằng “bạn thân của cô ấy là một người có tính dục khác biệt, sử dụng Internet để học và yêu cơ thể của mình hơn”. Tại TP Guwahati, phía Đông bắc Ấn Độ, một phụ nữ trẻ bắt đầu tìm kiếm trên các trang web khiêu dâm để học về tính dục bởi vì ngày cưới của cô sắp tới. Một sinh viên đang làm nghiên cứu sinh –khiếm thị - bắt đầu mở tài khoản hẹn hò Tinder, tự hỏi bản thân rằng: “Liệu tôi có nên nói đến sự khiếm khuyết của mình hay không, hay tôi nên chờ để người tôi hẹn hò có thêm thời gian hiểu tôi và sau đó sẽ nói về chuyện khuyết tật của mình? Cũng

giống như mọi người khi có bản khoản thắc mắc, tôi đã lên Google để tìm kiếm câu trả lời.”

Chúng ta có thể chưa thực sự cảm nhận, thậm chí hết việc này, nhưng Internet đã trở thành một nơi thực sự quan trọng trong đó các quyền về TD mỗi ngày được lồng ghép bằng nhiều cách khác nhau: thông qua việc cung cấp thông tin (từ việc phẫu thuật chuyển đổi giới tính cho đến việc nạo phá thai), dịch vụ (các ứng dụng theo dõi kinh nguyệt hay hẹn hò); tham vấn (trên ứng dụng tin nhắn), và vận động chính sách (từ quyền của người tính dục khác biệt tới việc quấy rối tình dục). Một số các chiến dịch có độ phủ rộng rãi xung quanh quyền tình dục – ví dụ như phong trào #MeToo – đã thực sự đi sâu vào công nghệ mạng, tạo ra những xáo trộn cũng như cảm giác không thoải mái ở quy mô rộng.

Một số các chiến dịch có độ phủ rộng rãi xung quanh quyền tình dục – ví dụ như

#MeToo – đã thực sự đi sâu vào công nghệ mạng, tạo ra những xáo trộn cũng như cảm giác không thoải mái ở quy mô rộng. Nhưng môi trường này cũng đang bị đe dọa. Thông tin sai lệch đang ngày càng làm giảm độ tin cậy của mọi người đối với thông tin trên mạng, bao gồm cả những thông tin về tính dục.

Thách thức các tranh luận chính thống xung quanh vấn đề tính dục – thông qua những câu chuyện ngược dòng là một khía cạnh then chốt trong công tác vận động xã hội trực tuyến. Nhà nghiên cứu và vận động xã hội Jac SM Kee ghi nhận rằng những tranh luận này “thách thức và làm phá vỡ những quan niệm hình mẫu chuẩn về thứ bậc tình dục.... chất vấn những tiêu chuẩn hiện tại về thể nào là tính dục chính đáng, đặt ra các câu hỏi rộng hơn về công lý, sự bình đẳng

và không phân biệt đối xử.... và tạo điều kiện cho những người thuộc nhóm yếu thế, ngoài lề được biểu đạt tiếng nói, quan điểm của mình để truyền tải đồng thời cũng khơi dậy những băn khoăn suy nghĩ trong các cuộc tranh luận mà ở đó phần đông ý kiến đều gắn với các thứ bậc chuẩn mực về tình dục”

Nhưng không gian này cũng đang bị đe dọa. Thông tin sai hay nạn tin giả đang ngày càng làm giảm bớt độ tin cậy của thông tin trên mạng, bao gồm cả những thông tin liên quan đến tính dục. Thông tin nào bạn có thể tin tưởng? Phụ nữ khuyết tật không thể sử dụng nhiều trang web mà các tính năng của nó không dễ tiếp cận đối với họ, ví dụ, đối với những người mắt kém hoặc khiếm thị. Sự thống trị của ngôn ngữ tiếng Anh cũng là một rào cản lớn đối với nhiều nhà hoạt động xã hội muốn tham gia vào các không gian công cộng. Quấy rối và lạm dụng là một loại bệnh ở một số nơi; người bán dâm bị vô tình xúc phạm mỗi ngày qua cách sử dụng từ ‘bồi bảo (presstitute)’ của phe cánh hữu (thuật ngữ này được sử dụng trên thế giới để nói kháy giới nhà báo). Các diễn đàn cá nhân vẫn chưa làm đủ để giúp giải độc các không gian mạng xã hội, nơi các dòng thông tin về hành vi lạm dụng được tình dục hoá hoặc giới hoá như những dòng sông mang theo bùn lầy của thù hận.

Và sau đó là các câu hỏi lớn hơn, sâu hơn. Chúng ta xử lý với cuộc sống số hoá như thế nào – hoặc làm sao để đối phó với những cách thức quấy rối một số người dùng hình ảnh hàng ngày của chúng ta thành công cụ để kiểm tra trên mạng? Làm thế nào chúng ta giải quyết được việc lưu trữ dữ liệu, hoặc là việc sử dụng dữ liệu để giám sát con người bằng máy móc? Làm thế nào chúng ta tạo được cảm giác thuộc về đâu đó – để từng cá nhân, và cộng đồng vượt qua ranh giới số để có thể tham gia vào các diễn đàn này theo cách của riêng mình, với điều kiện của riêng mình mà không cảm thấy giống như mình là người đi dính mũi vào chuyện của người khác?

Không có một công thức thần thánh nào cho một nền tảng Internet hoà nhập. Để xây dựng nó, chúng ta phải truyền vào công nghệ mạng với những nguyên tắc căn bản về nữ quyền đó là- tự trị, làm chủ cơ thể, có đồng thuận, quyền biểu đạt,

riêng tư, và an toàn. Hãy cùng nhau tạo nên một nơi chúng ta cần để vận động xã hội về các quyền tình dục: một nơi mà mọi người đều thấy thoải mái, cảm giác thuộc về nơi đó và vui vẻ.

Internet có ý nghĩa gì đối với chúng ta

Nhóm Kinky Collective

Email: thekinkygroup@gmail.com.

Website: <http://kinkycollective.com/>

Facebook: <https://www.facebook.com/kinkycollective/>

Twitter: <https://twitter.com/thekinkygroup>

Instagram: <https://www.instagram.com/kinkycollective>

Vũ trụ Kinky (The Kinky Universe - KU) là nơi gặp gỡ của phần lớn những thành viên trong nhóm Kinky Collective, mục tiêu của nhóm là nâng cao nhận thức về kink (sự lập dị) và củng cố cộng đồng này. Đây là nơi chúng tôi điều hành nhóm trực tuyến cho cộng đồng, cũng là nơi chúng tôi gặp gỡ bạn bè, đóng vai trò đối tác, người yêu và thậm chí bạn đời. Đây cũng là nơi chúng tôi ngắm các bức hình của nhau và chia sẻ các hình ảnh của chính mình (không cần phải gặp trực diện dường như giúp làm tăng tính sáng tạo của chúng tôi), là nơi chúng tôi trao đổi thông tin về những sự kiện ngoài mạng (rất quan trọng đối với cộng đồng và để xây dựng kỹ năng nữa) và là nơi chúng tôi có những thảo luận sôi nổi về hàng tỷ các chủ đề khác nhau từ việc dùng từ nào cho an toàn đến những lợi ích của công tác vận động xã hội/tác hại trong cộng đồng Kinky. Vì lo sợ Chính phủ sẽ cấm Vũ Trụ Kinky như là một phần hoạt động của phong trào chống khiêu dâm gần đây, Vũ Trụ Kinky có thể được coi là biệt danh của trang Facebook Kinky rất tiếc đã bị gỡ xuống. Không phải vì KU là một trang khiêu dâm, nhưng các thể lực khác (sai lầm) đã cho là như vậy, và hệ quả là điều rất đau buồn.

Một trong những nỗi sợ đó chính là vận động xã hội có thể “đánh sập” KU. Đây là nơi duy nhất chúng tôi có thể biểu đạt những khát khao, cảm xúc và quan điểm liên quan đến sự lập dị của mình, theo cách an toàn, ẩn danh mà mạng trực tuyến cho phép. Nỗi lo sợ KU sẽ bị “đánh sập” cũng liên quan đến nỗi sợ của các cá nhân về khả năng bị gạt ra bên lề xã hội. Nguyên nhân sâu xa liên quan đến vấn đề này là

mặc dù khoa học về BDSM (các hành vi tình dục lập dị) đang dần được khám phá (không chỉ là nhờ cái bộ phim chán ngắt – 50 sắc thái của Grey kia), BDSM vẫn bị đánh đồng với sự kỳ dị, ở khía cạnh tích cực nhất, hoặc với khái niệm lạm dụng ở khía cạnh tiêu cực nhất. Do cộng đồng lo sợ rằng KU sẽ bị “đánh sập”, chúng tôi, các thành viên của nhóm Kinky Collective (15 người sống ở các thành phố khác nhau tại Ấn Độ) đã chuẩn bị các bài trình bày, tổ chức hội thảo cho những ngoài ngoài cộng đồng của mình, nói chuyện với truyền thông, hoặc viết các bài báo chia sẻ như những gì chúng tôi đang làm đây, nhưng chúng tôi không ‘tiết lộ’ tên thật của trang web. Các cách thức khác chúng tôi làm để tiếp cận với những người ngoài cộng đồng BDSM là thông qua một blog và website cũng như là một số các diễn đàn mạng xã hội khác nhau. Thậm chí có khi chúng tôi “chỉ” chuyển tiếp các hình memes (cân đối giữa công việc và vận động xã hội không hề dễ dàng), nhưng các hình này cũng có thể là bằng chứng về sự tồn tại của cộng đồng mà người khác có thể kết nối.

Một trong những nỗi sợ đó là việc vận động xã hội sẽ “đánh sập” KU. Đây là nơi duy nhất chúng tôi có thể biểu đạt những khát khao, cảm xúc và quan điểm liên quan đến sự lập dị của mình, theo cách an toàn, ẩn danh mà mạng trực tuyến cho phép.

Đối với chúng tôi, thành viên của Tập hợp Kinky, mạng trực tuyến là chìa khoá để tìm ra rằng chúng tôi không phải là những người duy nhất có chung những nỗi khát khao như vậy. Ngay cả trước khi có KU, đã có các nhóm hay phòng tán gẫu trên Yahoo. Đối với một số người đó không chỉ đơn thuần là việc tìm ra những khát khao xung quanh chúng ta, mà ngay cả trong bản thân chúng ta. Tại sao bản thân tôi không bị kích thích gì khi thấy người khác xem khiêu dâm (thậm chí khi họ ngồi ngay bên cạnh như một phần của truyền thống xa xưa của bọn con trai Ấn Độ dị tính)? Tại sao bản thân tôi lại bị kích thích khi xem các cảnh trên màn hình vốn không hề là những gì diễn ra trong tưởng tượng của mình? Một số trong chúng ta cảm ơn vì có phim khiêu dâm để phát hiện ra những khát khao khác thường của mình nhưng tất cả chúng ta đều phải cảm ơn Internet – vì những lý do ở trên và còn nhiều lý do khác nữa.

Phong trào của những người đạo hồi có khuynh hướng tính dục khác biệt - Xây dựng từ các câu chuyện

Rafiul Alom Rahman

Nhà sáng lập, Dự án người đạo hồi có khuynh hướng tính dục khác biệt

Email: rafiulalomrahman@gmail.com

Tại Ấn Độ, những người hồi giáo thuộc nhóm LGBTQI (đồng tính nữ, nam, song tính, chuyển giới, khác biệt và giao tính) bị ảnh hưởng rất lớn bởi các chuẩn mực tôn giáo và giới, thái độ phân biệt đối xử của xã hội, cũng như sự bất bình đẳng về kinh tế - và thường phải mang gánh nặng là “cộng đồng thiểu số kép”.

Là một thiếu niên lớn lên trong một gia đình trung lưu, đạo hồi ở vùng Đông bắc Ấn Độ, tôi nhớ một ngày tôi hỏi một thầy tu/maulana thân thiện rằng liệu việc tôi có dục vọng với người đồng giới có phải là một tội ác hay không. Thầy tu đã kéo tôi ra một góc và ông ấy khuyên bảo tôi rằng tôi cần phải ăn kiêng, cầu nguyện và mỗi lần ý nghĩ dục vọng đó nảy sinh trong đầu tôi cần phải ngay lập tức đi tắm bằng nước thật lạnh để gội rửa nó đi. Lúc đó, tôi không có chút kiến thức gì về quyền tính dục hay những diễn dịch khác của đạo hồi xung quanh vấn đề đồng tính luyến ái, vì vậy trong suốt quá trình trở thành người lớn của mình đã cảm thấy rất khó để dung hoà đạo lý và tính dục của mình.

Tại Ấn Độ, những người hồi giáo LGBTQI bị ảnh hưởng rất lớn bởi các chuẩn mực tôn giáo và giới, thái độ phân biệt đối xử của xã hội cũng như sự bất bình đẳng về kinh tế - và thường phải mang gánh nặng là “cộng đồng thiểu số kép”. Tính dục trong cộng đồng hồi giáo thường được gắn với thể giới riêng tư và chính vì vậy mà nó thường không được nói đến, coi là xấu hổ và lạm dụng. Quan điểm trong đạo hồi cho rằng đồng tính luyến ái là “tội ác”, cùng với việc thiếu sự hỗ trợ trong gia đình, trong các cơ sở giáo dục

cũng như ở những nơi thực hành tôn giáo, những người hồi giáo LGBTQI thường bị đẩy vào tình trạng tự chối bỏ, trầm cảm và thậm chí tự sát.

Những người hồi giáo có khuynh hướng tính dục khác biệt tại Ấn Độ phải đối mặt với những sự đe dọa lớn hơn do chúng ta đang ở các điểm giao nhau của nhiều vấn đề bao gồm chủ nghĩa chuyên quyền ngày càng tăng; sự phân cực tôn giáo gia tăng do một số lãnh đạo quốc gia theo chủ nghĩa tôn sùng đạo Hindu góp phần đẩy lên thêm sự phân cách, chia rẽ trong cộng đồng; khoảng cách kinh tế kéo dài và tư tưởng chính trị phụ hệ nhằm mục đích kiểm soát cơ thể và khát khao của con người; quyền được tiếp cận các dịch vụ sức khoẻ sinh sản và tính dục, quyền được hưởng sự công nhận hợp pháp về giới tính hoặc quyền được tự do lựa chọn mối quan hệ tính dục đồng giới. Các ý tưởng cực đoan xung quanh quyền về cơ thể và tính dục cùng với thái độ e sợ Hồi giáo trên các không gian thảo luận về nhóm tính dục khác biệt truyền thống đã và đang làm cho cộng đồng LGBTQI Hồi giáo ngày càng trở nên vô hình và hầu như bị vắng bóng trong các chương trình vận động xã hội hay diễn đàn học thuật về tính dục ở Ấn Độ.

Các ý tưởng cực đoan xung quanh quyền về cơ thể và tính dục cộng với thái độ e sợ Hồi giáo trên các không gian thảo luận về nhóm tính dục khác biệt truyền thống đã và đang làm cho cộng đồng LGBTQI Hồi giáo trở nên vô hình và hầu như bị vắng bóng tại các chương trình vận động xã hội hay diễn đàn học thuật về tính dục tại Ấn Độ.

Dự án Người đạo hồi có khuynh hướng tính dục khác biệt được thực hiện tập trung vào việc nâng cao tiếng nói của những người này thông qua Instagram. Chúng tôi đã sử dụng phương pháp vận động chính sách số để tạo đối thoại đa ngành và nêu bật lên những câu chuyện có thật, đa dạng về các cá nhân hồi giáo có khuynh hướng tính dục khác biệt ở các nơi trên thế giới thông qua một loạt các chủ đề và các chiến dịch truyền thông có chủ đích xung quanh lễ Ramadan/ lễ ăn kiêng, long tự hào, các tấm gương tự khẳng định bản thân, mục đích sống, v.v. Ý tưởng trọng tâm của các chiến dịch

này đó là không chỉ có một cách duy nhất để trở thành người có khuynh hướng tính dục khác biệt hay người Hồi giáo, và phong trào của chúng tôi cần tôn vinh tính đa dạng về các trải nghiệm và các câu chuyện khác nhau có sẵn trong cộng đồng. Câu chuyện cụ thể mà tôi muốn đề cập ở đây đó là câu chuyện của Sal, sống tại Chicago, là người chuyển giới nữ, gốc Bangladesh. Chia sẻ trong chiến dịch #2019QueerMuslimGoals cô ấy đã viết về tình yêu của cô ấy dành cho những chiếc áo dài Saris dệt bằng tay và cách mà chúng giúp cô thể hiện được đúng nhân dạng giới của mình và di sản văn hoá của người đạo hồi Bangali tại Mỹ.

Ý tưởng trọng tâm của các chiến dịch này đó là không chỉ có một cách duy nhất để trở thành người có khuynh hướng tính dục khác biệt hay người Hồi giáo, và phong trào của chúng tôi cần tôn vinh tính đa dạng về các trải nghiệm và các câu chuyện khác nhau có sẵn trong cộng đồng.

Là một người trẻ có khuynh hướng tính dục khác biệt lớn lên tại một ngôi làng có truyền thống bảo thủ tại vùng Assam, biên giới giữa Ấn Độ và Bangladesh, lúc đó tôi không biết rằng thế giới cũng có những người khác giống như tôi. Giờ đây, cộng đồng của chúng tôi đã có trên 13,000 người trên Instagram, chủ yếu là thanh niên, là những người nhận thức được rằng kinh nghiệm của mình là có giá trị và chúng tôi không phải là cá biệt! Tôi rất hào hứng với những cơ hội mà các diễn đàn chính trị về người hồi giáo có khuynh hướng tính dục khác biệt đem đến, từ Nam Á tới Đông Nam Á, từ Trung Đông đến Bắc Phi hay các nước phương Tây. Điều mấu chốt là chúng tôi có thể tưởng tượng ra một thế giới được chi hướng bằng một tình thương yêu cấp tiến và là nơi mà mọi người được những hưởng chuẩn mực cao nhất của nhân phẩm, tự do và công lý.

Ghi chú và tài liệu tham khảo

1. Kurian, Tony. Là một người khuyết tật thì việc có tài khoản hẹn hò trên Tinder có ý nghĩa như thế nào. Medium.com, Jan 9, 2018. <https://medium.com/skin-stories/what-it-means-to-be-on-tinder-as-a-person-with-an-identifiable-disability-b3ad50d4a677>.
2. Hiệp hội giao tiếp cấp tiến. (2011). EROTICS: Tính dục, quyền và internet. Trích dẫn từ https://erotics.apc.org/sites/erotics.apc.org/files/erotics_finalresearch_apcwnsp.pdf.

SỰ VÔ HÌNH VÀ SỰ CHỐI BỎ TRONG CỘNG ĐỒNG LGBTIQ

Phỏng vấn Rima Athar

Rima Athar là điều phối viên Liên minh hợp tác vì quyền cơ thể và tình dục của các nhóm hồi giáo (CSBR)
Email: coordinator@csbronline.org

Trong bài phỏng vấn này, ARROW đã có cuộc trao đổi với Rima Athar, điều phối viên Liên minh hợp tác vì quyền cơ thể và tình dục của các nhóm hồi giáo (CSBR). Bà là một nghiên cứu viên, giảng viên, nhà phân tích và chiến lược gia, công việc của bà tập trung đẩy mạnh các hoạt động nữ quyền đấu tranh vì quyền con người. Rima chia sẻ kinh nghiệm của bản thân từ nhiều năm làm công tác vận động xã hội và những gì chúng ta có thể làm thêm nhằm tạo ra các diễn đàn hoà nhập.

Xin hãy cho chúng tôi biết một cách ngắn gọn về con đường làm vận động xã hội của chị. Khởi nguồn từ đâu mà chị tham gia làm việc về các vấn đề tính dục, và đa dạng tính dục và giới?

Con đường này bắt đầu khi tôi vào đại học. Tôi cảm thấy mình là người may mắn khi được sống tại một thành phố nơi mà có thể thấy sự tham gia của người dân và sự quan tâm cộng đồng khá nổi bật, và có rất nhiều cách để người dân có thể tham gia. Ban đầu tôi bị thu hút và thực sự hứng thú với công việc giáo dục giới tính, tình dục. Tôi đã di chuyển qua nhiều nơi và qua đó tôi được chứng kiến nhiều và nhận ra rằng mặc dù tôi có nền tảng giáo dục tốt về sinh học và được học về cơ chế tính dục ở một số trường, chúng ta chưa từng có bất cứ khám phá toàn diện nào về bản thân chúng ta với tư cách là một cá thể có hoạt động tình dục và tính dục là cái gì. Ở giai đoạn này, tôi cũng nhận ra tính dục của chính mình, và tôi bắt đầu xin làm tình nguyện trong chương trình Giáo dục và Dự phòng tại Trung tâm chăm sóc cộng đồng cho người có AIDS. Tại đó tôi nhận ra rằng chúng ta phải cố gắng như thế nào nếu chúng ta muốn tạo ra thay đổi trong cộng đồng, đồng thời cũng muốn hướng tới những thay đổi ở cấp độ chính sách. Trong chương trình đó, chúng tôi tổ chức hội thảo tại các trường trung học và trung tâm cộng đồng, giới thiệu các bài giảng về tình dục an toàn, làm sao để đảm bảo có các hình xăm nghệ thuật nhưng an toàn, nguy cơ của việc tiêm chích ma túy và chúng tôi tập trung vào tiếp cận giảm hại và tiếp cận tình dục tích cực và tự tin.

Tôi cũng đã không thể phân tách tính dục

của chính bản thân mình với những yếu tố khác liên quan đến bản dạng của tôi. Những vấn đề như công lý giữa các sắc tộc, ý nghĩa của nó đối với một người thuộc nhóm dân tộc thiểu số, tôn giáo thiểu số hay đa số, các trải nghiệm của người nhập cư, sự công bằng về kinh tế, khả năng tiếp cận với lương thực, giáo dục— tất cả những yếu tố này đều bắt đầu kết nối với nhau và thúc đẩy tôi tham gia vào công tác vận động xã hội. Vì vậy các hoạt động của tôi xung quanh các vấn đề tính dục, đa dạng tính dục và giới tính, luôn được lồng ghép trong chủ đề lớn hơn hướng tới công bằng xã hội.

“Vấn đề quan trọng cần được nhận thức và thảo luận liên quan đến sự chối bỏ hay vô hình đó chính là ngôn ngữ sử dụng. Tôi nghĩ rằng trên thực tế chúng ta sử dụng thuật ngữ ‘LGBTIQ’ và thuật ngữ này là từ viết tắt để chỉ những người—‘đồng giới nữ, đồng giới nam, song tính, chuyển giới, giao tính và tính dục khác biệt,’ và những biến thể khác của thuật ngữ— bản thân nó chính là một biểu hiện của sự chối bỏ.”

Bà suy nghĩ như thế nào về sự chối bỏ và sự vô hình của một số nhân dạng và vấn đề trong các cuộc tranh luận và phong trào LGBTIQ+?

Vấn đề quan trọng cần được nhận thức và thảo luận liên quan đến sự chối bỏ hay vô hình đó chính là ngôn ngữ sử dụng. Tôi nghĩ rằng trên thực tế chúng ta sử dụng thuật ngữ “LGBTIQ” và thuật ngữ này là từ viết tắt để chỉ những người—‘đồng giới nữ, đồng giới nam, song tính, chuyển giới, giao tính và tính dục khác biệt,’ và những biến thể khác của thuật ngữ— bản thân nó chính là một biểu hiện của sự chối bỏ. Trong khi chúng ta sử dụng các thuật ngữ này, một số người khác cảm nhận rất rõ về nó, nhưng chúng tôi lại không nhất thiết có ý nghĩa lắm với phần đông còn lại của thế giới và chính chúng

xoá bỏ đi những hiểu biết khác về tính dục và giới tính tồn tại và đã từng tồn tại, và các thuật ngữ bằng ngôn ngữ bản địa, địa phương mà mọi người có thể sử dụng để thay thế cho các thuật ngữ này nữa. Xuyên suốt các phong trào đấu tranh vì quyền con người, ngôn ngữ tiếng Anh là ngôn ngữ thống trị, chính yếu, việc chúng ta tập trung nhiều vào việc sử dụng các thuật ngữ, diễn ngôn và phân tích của người châu Âu, Bắc Mỹ, và cách thức chúng ảnh hưởng đến quá trình hoạch định chính sách toàn cầu liên quan đến mọi loại quyền, có thể chính là thách thức khi chúng ta giải nghĩa về quyền tự do quyết định về thân thể và tình dục bằng ngôn ngữ địa phương. Vì vậy, trong công việc của mình, tôi không quá quan tâm đến việc nói về quyền của nhóm ‘LGBTIQ’ theo cách chúng tồn tại một riêng biệt; tôi quan tâm đến việc tạo ra các môi trường để chúng ta hiểu về sự hoà nhập tình dục và quyền tự chủ về thân thể và điều đó có ý nghĩa như thế nào đối với quyền của tất cả mọi người.

Tôi nghĩ rằng sự vô hình là thứ do con người tạo ra, luôn xảy ra tại mọi thời điểm và nó liên quan đến các động thái quyền lực cũng như các đặc quyền đặc ân. Nó liên quan đến việc ai có thể tiếp cận, có năng lực, điều kiện, sự hỗ trợ và môi trường để được trở nên hữu hình, có tiếng nói và được biết đến trước công chúng. Trong một thời gian dài trong các phong trào LGBTIQ vấn đề thực sự là về chữ “G”. Khi tôi nghĩ về sự chối bỏ hay sự vô hình, tôi nghĩ về sự đoàn kết. Sự đoàn kết có thể thực sự đem lại điều gì cho từng phong trào và xuyên suốt các phong trào khác nhau, và cách chúng ta có thể thực sự giải quyết vấn đề này như thế nào? Tôi vui khi thấy một khoảnh khắc hiện tại khi mà các phong trào của cộng đồng LGBTI ở Châu Á cuối cùng cũng nói đến các nhu cầu đặc biệt của phụ nữ có tính dục khác biệt, song tính và đồng giới nữ. Chúng tôi có thêm một chút khoảng không để đứng ra phía trước và thảo luận về quyền và công lý từ lăng kính đa dạng, nhưng chúng tôi cũng vẫn cần thêm sự hỗ trợ.

Quyền và những chối bỏ cũng phụ thuộc vào nơi bạn sống và môi trường chính trị ở đó hiện tại như thế nào. Ví dụ, tại Nam Á chúng ta đã chứng kiến sự tiến bộ liên quan đến

quyền được pháp luật công nhận giới tính, nhưng chúng ta vẫn còn thiếu môi trường cởi mở để mọi người thảo luận về khuynh hướng tính dục và ý nghĩa của việc một người được nhìn nhận như là một người đồng tính nữ, đồng tính nam hay song tính. Ở Ấn Độ cuối cùng thì người ta cũng gỡ bỏ đạo luật có từ thời thuộc địa hình sự hoá các mối quan hệ tính dục đồng giới. Nhìn chung, sự vô hình xảy ra chính bởi vì chúng ta đã gộp chung các bản dạng giới này lại thành một nhóm, nhưng trên thực tế cần phải phân biệt những gì tạo ra những khác biệt trong trải nghiệm và thực hiện quyền của chúng ta.

Một suy nghĩ khác nữa là, ví dụ, dù chúng ta có nhiều cách nói chuyện về tính dục tích cực khác nhau như thế nào thì chúng có thể cũng vô cùng xa lạ với những người có bản dạng vô tính. Vì vậy làm thế nào chúng ta có thể tạo ra các thảo luận để khẳng định bản dạng của mọi người, không tính đến mức độ hoạt động tính dục của họ, khi chúng ta khám phá cách thể hiện tính dục của bản thân?

Nói chung thách thức lớn nhất mà tôi thấy là do tập trung quá mức vào khái niệm các bản dạng SOGIESC (khuynh hướng tính dục, bản dạng giới, thể hiện giới tính và các đặc điểm tính dục), chúng ta mất đi tầm nhìn rộng hơn. Vì vậy làm thế nào để các phong trào của nhóm LGBTI được tổ chức trong khuôn khổ của các hệ thống rộng hơn, bao gồm quyền của người khuyết tật, quyền của người bản địa, dân tộc thiểu số, sức khoẻ SS và TD, việc hệ khí hậu bị phá vỡ, các công ty tập đoàn thực hiện trách nhiệm đối với những vi phạm về quyền con người, công bằng kinh tế, quyền của người nhập cư, v.v và v.v. Theo tôi, đó chính là phải có một cách tiếp cận tổng thể. Chúng ta đã khoá chặt mình vào một số cách nhất định để vận động về quyền cho chính chúng ta và cách chúng ta suy nghĩ về làm thế nào để đạt được công lý và quyền cho một số nhóm người nhất định, và tôi nghĩ rằng chúng ta đã quên mất mức độ liên quan của các vấn đề và cách thức chúng ta cần phải cùng nhau để đạt được các kết quả lớn hơn ở cấp độ hệ thống.

“Toàn bộ quy trình làm việc để cùng tạo ra diễn đàn này theo tôi chính là một phản ứng đối với sự chối bỏ mà tôi đã trải nghiệm trong một thời gian dài. Với tư cách là nhà tổ chức các phong trào nữ

quyền, một người đồng tính nữ, một cá nhân có nhiều năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực quyền con người – tôi đã từng không nhận ra việc cần phải tạo ra một không gian như vậy cho những người đang đứng ở giữa những giao thoa như thế.”

Chị có cho rằng đây là một vấn đề lớn đối với các nước Phương Nam giống như ở các nước phương Tây hay không?

Do sự chối bỏ và vô hình có liên quan đến quyền lực, đặc ân và khả năng tiếp cận, tôi có thể nói rằng đây là một thách thức mang tính toàn cầu. Nó không chỉ là thách thức riêng đối với các phong trào của nhóm LGBTI, mà đối với bất kỳ phong trào nào khác. Ai là người có khả năng tiếp cận, câu chuyện của ai sẽ được kể, ai là người ra quyết định? Tôi cũng không cho rằng cần phân biệt giữa các nước Phương Bắc hay Phương Nam. Trên thực tế, tôi có thể nói rằng đối với cá nhân tôi, sự chối bỏ/vô hình là vấn đề đáng chú ý hơn ở Phương Bắc hơn bởi vì là một người da màu, đồng tính nữ, theo đạo Hồi, nếu tôi đứng ra tổ chức phong trào ở Canada hay ở châu Âu, tôi chắc chắn sẽ bị coi là người ngoài lề và bị tấn công ở nhiều cấp độ khác nhau và chắc chắn tôi sẽ thấy rất khó khăn để đấu tranh và kêu gọi được ngay sự đoàn kết và hiểu biết của những người khác. Mặc khác nếu tôi tổ chức phong trào ở Indonesia, những căng thẳng liên quan đến màu da, sắc tộc sẽ không rõ ràng như vậy và chắc chắn tôi sẽ không cảm thấy nó ngay lập tức. Tôi cũng có thể dựa vào những loại đặc ân khác. Vì thế đối với tôi, nó không phải là câu hỏi về Bắc hay Nam, Đông hay là Tây. Trên thực tế tôi nghĩ rằng những thuật ngữ đó nên mở hơn một chút bởi vì tôi nghĩ chúng không còn phù hợp nữa vì ngày nay chúng ta sống và suy nghĩ trong một thế giới hoà nhập, toàn cầu hoá.

Trải qua các năm làm công tác vận động xã hội, theo chị đâu là những tác động lớn nhất mà sự chối bỏ này có đối với một số cộng đồng nhất định?

Tôi vừa trở về từ Cape Town nơi chúng tôi đã tổ chức hội nghị toàn cầu đầu tiên từ trước tới nay về nữ quyền, đồng tính nữ, song tính và phụ nữ có khuynh hướng tính dục khác biệt. Hội nghị thực sự rất hứng khởi. Đại biểu

chia sẻ của người trong cuộc

đến từ 111 nước khác nhau và chúng tôi cảm thấy đó là một khoảnh khắc mang tính lịch sử của phong trào LGBTIQ, cũng như phong trào nữ quyền, do trước đây chúng tôi chưa bao giờ thực sự ngồi cùng nhau, giữa những phụ nữ LBQ (đồng tính nữ, song tính và nữ có khuynh hướng tính dục khác biệt) và những người không theo quan điểm nhị nguyên đang đứng giữa điểm giao thoa của các phong trào. Toàn bộ quá trình làm việc cùng nhau để đồng tạo ra diễn đàn này đối với cá nhân tôi là một phản ứng đối với sự chối bỏ mà tôi đã trải nghiệm trong một thời gian dài. Với tư cách là một nhà tổ chức phong trào nữ quyền, đồng tính nữ, hay là một người có nhiều năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực quyền con người – tôi đã từng không nhận ra nhu cầu cần phải tạo ra một không gian như vậy cho những người ở giữa những giao thoa như thế. Vì vậy thách thức đối với sự chối bỏ đó chính là việc bạn phải tưởng tượng và xây dựng những không gian của riêng bạn. Tại một thời điểm nhất định bạn chợt cảm thấy cần thay đổi về quy mô hay nội dung để tiếp tục và lúc đó tự nhiên có nguồn năng lượng để cùng nhau làm như vậy.

Sự chối bỏ rõ ràng có những tác động rất tiêu cực đối với công tác tổ chức phong trào của chúng tôi – nó dẫn đến sự phân chia nhỏ lẻ, nhiều người bị gạt bỏ xa hơn ra ngoài lề, nhiều khoảng cách trong công tác tổ chức phong trào và chương trình nghị sự vận động chính sách, và nó cũng làm cho việc tiếp cận với công lý trở thành điều không thể. Vì vậy đối với tôi, đây chính là trách nhiệm của chúng ta – nếu chúng ta không có những cuộc thảo luận này, nếu chúng ta không nhìn nhận một cách thật lòng về những hạn chế của chúng ta, và cách chúng ta có thể tiếp tục duy trì sự vô hình và sự lệ hoá, thì khi đó chúng ta đang làm hại chính các phong trào của chúng ta. Bằng cách thách thức sự chối bỏ và vô hình, chúng ta thực sự đang kích hoạt chính chúng ta.

Theo bà đâu là cách có thể giải quyết tốt nhất vấn đề này và giúp các diễn đàn thảo luận xung quanh quyền của nhóm LGBTIQ+ trở nên toàn diện hơn?

Với tư cách là một mạng lưới, chúng tôi gần đây có hợp tác với Qorras, một nhóm tại Li Băng, để triệu tập cuộc họp dành cho và được điều hành bởi chính những người hoạt động vì quyền của người chuyển giới tại khu vực Trung Đông và khu vực Nam và Đông Nam Á với mục đích xây dựng các chiến lược, chia sẻ nguồn lực và xác định các địa

điểm và thực sự cùng nhau thảo luận xem điều gì là có ý nghĩa để củng cố công tác phong trào do nhóm chuyển giới điều hành. CSBR không phải là một mạng lưới do người chuyển giới điều hành, vì vậy sự hợp tác này được xây dựng xung quanh nguyên tắc đoàn kết để củng cố các quy trình vận động dựa vào cộng đồng. Chúng tôi tổ chức một cuộc triệu tập khác để xây dựng mạng lưới hỗ trợ lẫn nhau dành cho và được điều hành bởi những người chuyển giới và người có khuynh hướng tính dục khác biệt theo đạo Hồi tại châu Á, đây cũng là cách mà chúng tôi khuyến khích cơ hội chia sẻ các chiến lược, ngôn ngữ và kinh nghiệm theo địa phương, theo bối cảnh để đảm bảo rằng công việc này bắt nguồn từ địa phương và thực sự do chính cộng đồng dẫn dắt. Tôi nghĩ rằng việc tổ chức phong trào của chúng tôi cần phải được dựa trên sự hợp tác có ý thức với

những giá trị và nguyên tắc đạo đức được dựa trên sự đoàn kết. Và điều này cũng đồng nghĩa với việc một bộ phận trong số chúng ta phải từ bỏ các đặc quyền, và sử dụng nó để phát triển công việc dựa vào địa phương và củng cố sức mạnh của các cuộc đấu tranh khác nhau. Ở một giai đoạn nhất định, tôi nghĩ rằng ngôn ngữ sử dụng để chỉ sự hoà nhập cũng cần phải được xem xét lại về mặt khái niệm. Nó thường bắt đầu từ một lãnh địa của 'một số người nào đó đã ở đó là thuộc về nơi đó, và rồi chúng ta lựa chọn để đưa người khác bước vào vòng tròn đó. Nếu chúng ta đã có một điểm khởi đầu, thì có lẽ cách tiếp cận bao trùm của chúng ta đối với công tác tổ chức cũng không cần phải khoanh vùng vào một nhóm người nào đó có khả năng tiếp cận hay là người gác cổng.

Bà còn ý kiến gì khác để chia sẻ thêm?

Cách chúng ta tham gia liên kết với nhau rất quan trọng. Chúng ta cần phải cởi mở với nhau để phản ánh một cách chân thật về những cách mà chúng ta đã có thể làm cho ai đó trong cộng đồng của chúng ta thất vọng, và chịu trách nhiệm đối với việc đó. Có những thời điểm tôi đã nhìn thấy có tiến triển và thay đổi, đó chính là khi chúng ta cảm nhận được ý nghĩa của việc kêu gọi mọi người cùng nhau tiến về phía trước. Cần đầu tư vào đó cả cảm xúc và năng lượng, nhưng tôi nghĩ rằng chúng ta phải có khả năng giải quyết những mối xung đột một cách thận trọng và bằng trách nhiệm để tạo ra nền tảng chắc chắn cho sự thay đổi và sửa đổi, và để mọi người cam kết với những cơ sở đó nhằm giải quyết thực sự thực trạng chối bỏ, vô hình và đạt tới sự hoà nhập trong tương lai.

TẠO ĐIỀU KIỆN ĐỂ NÓI VỀ QUYỀN TÍNH DỤC TRONG MÔI TRƯỜNG TÔN GIÁO

Một thời gian dài tôn giáo có thể được coi là vùng cấm địa đối với các quyền tính dục. Bài viết này ghi nhận câu chuyện và chia sẻ kinh nghiệm thực tế của hai nhà vận động chính sách về quyền tính dục và quyền của nhóm SOGIESC, là những người đã vận dụng các tranh luận văn hoá và tôn giáo và tìm ra cách thức để khẳng định quyền tính dục trong khi vẫn thực hành theo đức tin của mình và trong một thế giới nơi mà tôn giáo và tính dục luôn là hai thái cực đối kỵ nhau.

Hồi giáo và quyền tính dục: Kiên định nâng cao nhận thức rằng thanh niên đang bị lãng quên

Rozana Isa

Giám đốc điều hành, Tỉnh chị em hồi giáo

Email: rozana.isa@me.com

Lần đầu tiên khi tôi 15 tuổi, tôi nhận ra rằng tính dục là cái gì đó có thật và rằng nó là một hành động để lại hậu quả nghiêm trọng. Trong giờ học khoa học, tại phòng thí nghiệm tôi thấy một bạn trong lớp đang khóc bên cạnh cây đèn khí hồ Bunsen bởi vì bạn ấy phát hiện mình có thai.

Khi bạn ấy chạy ra khỏi phòng thí nghiệm

và chạy vào nhà vệ sinh, tôi cùng một người bạn khác liền chạy theo bạn, mặc cho thầy giáo của chúng tôi ngạc nhiên không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Vào trong đó chúng tôi chẳng biết phải nói gì hay làm gì. Cuối cùng chúng tôi khuyên bạn ấy về nói chuyện với mẹ mình và tin rằng mẹ bạn biết được cần phải làm gì và biết cách giúp bạn.

Ngay cả khi chiếc hộp kỳ bí chứa đựng kiến thức về giới tính và tính dục đã được hé ra một chút, bản thân tôi vẫn cảm thấy chưa muốn vứt bỏ cái nắp đi hay mở hẳn nó ra bởi vì tôi không biết tìm ai để có thể nói chuyện đó một cách thành thực, cởi mở những bảo mật. Tôi đủ biết rằng đó không phải là một chuyện có thể nói với bất cứ ai bởi vì như vậy có nghĩa là tôi sẽ làm lộ chuyện của bạn tôi, mặc dù tôi không phải là quá thân với bạn đó.

Ngay cả khi chiếc hộp kỳ bí chứa đựng kiến thức về giới

tính và tính dục đã được hé mở ra một chút, bản thân tôi vẫn chưa muốn vứt bỏ cái nắp đó hoặc mở hẳn nó ra bởi vì tôi không biết tìm ai để có thể nói về chuyện đó một cách thành thực, cởi mở những bảo mật.

Nhiều ngày sau đó, tôi quay trở lại trạng thái làm lơ, bạn tôi đang học giờ thể dục, giống như sau cơn mưa và mọi chuyện dường như quay trở lại điểm xuất phát. Một chương ngắn trong cuộc đời đã được mở ra và đóng lại và nhiều năm sau chả ai nghĩ tới chuyện đó nữa. Chuyện này xảy ra lúc đó chưa có Internet. Ngày nay, chỉ cần nhấn vài phím chuột là có ngay thông tin. Tuy vậy, tôi cũng không chắc rằng nếu câu chuyện tương tự xảy ra với các bạn trẻ ngày nay thì liệu tình huống có được giải quyết tốt hơn so với thời của tôi hay không.

Ba mươi năm trước đây, chả ai nghe tới thuật ngữ tảo hôn. Mặc dù lúc đó chúng ta chưa nhận thức được sự tồn tại của Đạo luật Syariah, nhưng ở xã hội lúc đó mọi người đều hiểu rằng đạo Hồi và truyền thống văn hoá đều không chấp nhận quan hệ tình dục trước hôn nhân.

Vì vậy nếu bạn có làm điều đó, bạn sẽ không đi nói với người khác, ngay cả với các bạn của mình. Bạn chỉ có thể tiếp cận được với dịch vụ nạo phá thai an toàn nếu bạn có tiền. Thình thoảng bạn nghe thấy ai đó tìm thấy thai nhi bị bỏ rơi ở bãi rác nhưng những chuyện như vậy không được đưa lên báo chí thường xuyên như những năm gần đây.

Các bạn tuổi thiếu niên và thanh niên... cần được tiếp cận với bạn đồng trang lứa hoặc người lớn khác mà các em có thể tin tưởng để tâm sự về những chuyện khó nói, theo những cách mà các em cảm thấy an toàn, không bị đánh giá hay kỳ thị.

Hiện tại tôi nhận ra rằng thời đó tôi không kết nối được những gì tôi nghĩ là tôi biết và những gì tôi thực sự muốn biết. Tất cả những cái này đều cho thấy chúng ta cần phải thường xuyên cung cấp các bài giảng về giáo dục tính dục tổng thể cho thanh thiếu niên.

Thanh, thiếu niên cần phải biết rằng các em có quyền kiểm soát cơ thể của chính mình, biết cách kiểm soát các mối quan hệ của mình để có thể tự ra quyết định dựa trên thông tin, kiến thức do chính mình lựa chọn. Quan trọng hơn nữa là các em cần phải được tiếp cận với các bạn đồng trang lứa hoặc người lớn khác để có thể tâm sự những chuyện khó nói, theo cách mà các em cảm thấy an toàn, không bị đánh giá hay kỳ thị.

Chúng ta phải thừa nhận rằng nỗi sợ chúa hay các yêu cầu tôn giáo cũng không ngăn cản được con người ta quan hệ tình dục. Cần xoá bỏ nhận thức sai lầm hay lo sợ rằng cứ nói chuyện về tình dục là sẽ khuyến khích người ta làm chuyện đó nhiều hơn. Kết quả của nói chuyện cởi mở về tình dục và nhận biết tính đa dạng về tính dục sẽ giúp cho thanh thiếu niên có thêm sức mạnh để tự đại diện và tự quyết

định xem mình là ai và mình muốn gì cho cuộc đời mình. Kiến thức này là hệ thống phòng thủ an toàn đầu tiên giúp các em cứu được người, kể cả bản thân mình. Nếu có một điều gì đó tôn giáo có thể làm cho các em thì đây chính là việc đó.

Hindu giáo và các quyền tình dục

TS. Santosh Kumar Giri

Thư ký và giám đốc điều hành, Kolkata Rista

Email: santoshrista@gmail.com

Bằng một phán quyết mang tính lịch sử, ngày 6/9/2018, toà án tối cao của Ấn Độ đã huỷ bỏ hiệu lực của mục 377 trong Bộ luật hình sự, mang lại một chiến thắng về vang cho cộng đồng LGBT (đồng tính nữ, nam, song tính và chuyển giới). Mặc dù phán quyết này của toà đã giúp phi hình sự hoá đồng tính luyến ái ở Ấn Độ, tuy nhiên việc thảo luận về khuynh hướng tính dục của một ai đó nhìn chung vẫn bị cho là điều cấm kỵ.

Ấn Độ là một trong những quốc gia có truyền thống văn hoá và tôn giáo lâu đời nhất trên thế giới. Đất nước này cũng có thể được coi là một “nồi nung” của các hệ thống đức tin khác nhau. Mặc dù đi trước rất nhiều về triết lý tôn giáo, khi nói về cộng đồng LGBT ở đây, thái độ kinh tởm, khinh rẻ dường như vẫn chiếm ưu thế. Thời kỳ thuộc địa của Anh làm trầm trọng thêm vấn đề này khi cho đó là điều xấu hổ hay không được chấp nhận, càng làm cho chủ đề bản dạng tính dục và khuynh hướng tính dục trở nên cấm kỵ hơn. Việc thiếu hiểu biết và thiếu sự chấp nhận của xã hội đã dẫn đến các hành vi trêu trọc, bêu xấu và bạo lực và hậu quả là những cuộc tàn sát hoặc tự tử.

Trong đạo Hindu, các vị thần tồn tại dưới nhiều hình thức, nhưng tất cả đều tựu thành linh hồn Bà La Môn. Không giống như do thái giáo, thiên chúa giáo hay hồi

chia sẻ của người trong cuộc

giáo, nơi mà đức tin chỉ tập trung vào một cuộc đời hiện tại, Hindu giáo tin vào cuộc sống luân hồi, nơi mà việc sinh và tái sinh được kết nối liên tục và con người vượt qua sự mê muội, vô minh, nhận ra bản tính của mình và thực tướng của vạn vật – hoà nhập được với bản thể vũ trụ - đó chính là Moksha trong tiếng Phạn có nghĩa là giải thoát.

Tuy nhiên, giáo lý Hindu không phân biệt giữa hành vi tình dục đồng giới hay dị giới. Mặc dù giáo lý Hindu không nói một cách cụ thể đến các thuật ngữ đó (tình dục đồng tính, tình dục dị tính), nội dung của giáo lý có phân biệt giữa các hành vi tình dục để duy trì nòi giống (trong hôn nhân) và những hành vi tình dục không để duy trì nòi giống ví dụ như quan hệ tình dục đường miệng, v.v. Những hành vi tình dục thuộc nhóm thứ hai này được liệt vào những hành vi không được khuyến khích, không áp dụng cho người bình thường, chỉ áp dụng đối với các Bà La Môn và thầy tu.

Khi tôi 17 tuổi, vào ngày tôi thông báo với gia đình về lựa chọn cách sống của mình. Trước sự ngạc nhiên của tôi, ông nội dẫn cho tôi một trận đá đấm trước khi bắt tôi đi gặp thầy tu địa phương, và bố tôi ngai ngùng hộ tống. Trong hầu hết các cộng đồng Hindu thầy tu trong làng (tiếng địa phương gọi là *panditji*) là người có các câu trả lời cho mọi vấn đề bởi vì thầy tu chính là người đưa tin của các thần.

Sau phần thú tội của tôi, thầy tu ngoan đạo đã dẫn tôi vào một phòng khác để “chữa bệnh”. Ông ôm tôi và bắt đầu hôn tôi. Trong khi tôi rất sợ hãi và không thể tin được những gì đang diễn ra, thầy tu đã kỳ vọng là tôi đáp ứng lại các hành động đó. Tôi đã chìm vào cảm giác cuối cùng tôi cũng được chấp nhận là con người thật của mình, và rồi bật khóc thú nhận với thầy rằng tôi đã rất muốn thể hiện bản thân mình giống như vậy với người yêu tôi nhưng điều đó bị cấm vì đi ngược lại với những chuẩn mực của gia đình và xã hội.

Thầy tu đã trấn an tôi rằng đó không phải vì hành động yêu đó bị xa lánh mà là do người tôi yêu thuộc tầng lớp thấp kém hơn. Ông tiếp tục giao giảng rằng tôi hoàn toàn có thể tiếp tục làm như vậy với ông vì ông và tôi cùng tầng lớp. Tôi đã kể chuyện này với bố và mặc dù bố tôi rất sốc, ông đã dẫn tôi về nhà và an ủi tôi bằng những từ như đừng khí, nhân phẩm, niềm tự hào và đừng cảm.

Tôi đã nhận ra rằng trong khi chúng ta đang trải nghiệm những thông tin hiện đại thông qua cách chúng ta nhận thức về giới tính và tính dục bằng sự thật, những ý tưởng đó không có gì là mới.

Kinh Vệ Đà là sách kinh cổ nhất được ghi chép trong lịch sử. Kinh này có từ 6,000 năm trước công nguyên và 5,000 năm trước khi đạo Hồi ra đời. Trong sách kinh này có rất nhiều mô tả về các hành động luyến ái và tính dục; mặc dù những hành động này rất hiếm khi được thực hành để thoả mãn cá nhân mà thường thì những hành động như vậy được dùng để truyền tải những bài học sâu xa hơn. Một trong những cách chính mà chúng ta nhìn nhận về tính dục khác biệt trong Hindu giáo chính là các biểu tượng hoặc sự tái sinh của các vị thần. Câu chuyện về thần Shiva hoà nhập với nàng Parvati là

một trong những câu chuyện cổ được biết đến nhiều nhất trong Hindu giáo. Theo cách kể cổ xưa, nàng Parvati đã từ lâu đem lòng yêu và muốn chia sẻ kinh nghiệm của mình với thần Shiva. Vì vậy nàng đã cầu nguyện để thần linh kết hợp họ với nhau. Sự kết hợp này đã biến họ trở thành Ardhanarishvara, có nghĩa là “Vị thần có một nửa là nữ”.

Tôi đã nhận ra rằng trong khi chúng ta đang trải nghiệm tri thức hiện đại qua cách chúng ta nhận thức về giới tính và tính dục bằng sự thật, những ý tưởng này không có gì là mới.

Chúng ta thấy hình tượng nửa nam, nửa nữ thần được nhắc đến nhiều trong Hindu giáo, cũng như được thể hiện ở các hình

diêu khắc tại các đền thờ. Chúng ta cũng nhìn thấy các hình ảnh nam thần trong các hoá thân của nữ thần và thường những hình ảnh đó dẫn đến các quan hệ tình dục không giống như những gì thường thấy trong quan hệ tình dục dị tính.

Dĩ nhiên, tình yêu đồng giới không chỉ là chủ đề duy nhất Hindu giáo nói về tính dục khác biệt. Các chủ đề về chuyển giới và giao giới cũng được nói đến đặc biệt nhiều trong các bài giảng đạo. Trong Hindu giáo, đồng tính luyến ái và tính luân chuyển giới tính không được nhắc đến một cách cụ thể là đáng lên án hay đáng tha thứ nhưng các chủ đề này được thể hiện khá nhiều trong các câu chuyện và hình ảnh liên quan đến tôn giáo này.

hoạt động khu vực

PHI HÌNH SỰ HOÁ QUYỀN ĐƯỢC YÊU: Câu chuyện thành công của Ấn Độ¹

Arvind Narrain

Giám đốc bộ phận nghiên cứu và thực hành, tổ chức, ARC Quốc tế

Email: arvind@arc-international.net

Ngày mừng 6 tháng 9 năm 2018 đánh dấu một thắng lợi lịch sử của phong trào đấu tranh bền bỉ và mạnh mẽ của cộng đồng LGBT (đồng tính nữ, nam, song tính và chuyển giới) tại Ấn Độ khi mà toà án tối cao, trong phán quyết liên quan đến vụ kiện giữa Navtej Singh Johar và liên đoàn Ấn Độ, đã huỷ bỏ hiệu lực của điều luật đã có từ năm 1860 khi đó coi những người LGBT là tội phạm. Luật này là sản phẩm còn lại của chế độ thuộc địa và những bản sao của luật này vẫn còn tồn tại ảnh hưởng đến cuộc sống của những người thuộc nhóm LGBT ở những nước thuộc địa tương tự như Singapore và Malaysia, ở Đông Nam Á, hay Bangladesh và Pakistan ở Nam Á, cũng như Ghana hay Uganda ở Châu Phi và các nước Caribe như Jamaica hay St Guyana.

Kể từ khi có vụ kiện đầu tiên tại Ấn Độ vào năm 2001, Mục 377 trong bộ luật hình sự này đã trở thành ưu tiên chính trong các hoạt động vận động của nhóm LGBT.

Năm 2018, sau 7 năm dài tranh tụng ở nhiều cấp toà án khác nhau, cũng như các cuộc đấu tranh biểu tình ngoài đường phố, những nhà hoạt động này đã thành công bằng quyết định của toà án tối cao huỷ bỏ hiệu lực của mục này trong luật. Phán quyết này của toà án chính là phần thưởng chính đáng cho những nỗ lực đấu tranh và dệt nên tấm thảm diệu kỳ từ những khái niệm như là tạ lỗi, quyền được yêu, nhân phẩm và sự riêng tư, cũng như đạo đức pháp hiến.

Chandrachud J. khi phát biểu cho rằng Mục 377 là một “điều khoản pháp lý của thời thuộc địa” trong đó quy định rằng hành vi “đồng ý cho người lớn khác cùng giới tính với mình đạt được tình yêu” là một tội hình. Tác động của những quy định pháp lý như mục 377 đối với cuộc sống của những người LGBT đã khiến ông thấy rằng: “cuộc sống văn minh đã từng rất độc ác”

Điều này đem lại một chút an ủi thêm

giống như một lời tạ lỗi pháp lý dành cho những người LGBT đã phải hứng chịu những đau thương. Navtej Singh Johar phải chịu trách nhiệm cho những hành vi sai trái của mình và phải tìm cách chuộc lỗi. Khoảnh khắc này đã được ông Malhotra J. mô tả một cách rõ nhất, ông nói, “lịch sử nợ một lời xin lỗi đối với các thành viên của cộng đồng này cũng như gia đình họ, vì đã trì hoãn việc sửa chữa những ô nhục và đày đoạ mà họ đã phải chịu đựng suốt mấy thế kỷ.”

Giống như Chandrachud J. đã viết thế này, “rất khó để làm đúng lại những cái sai của lịch sử. Nhưng chắc chắn chúng ta có thể đặt nền móng cho tương lai. Rằng việc chúng ta có thể là cất lên tiếng nói, như tôi đề nghị chúng ta nói trong trường hợp này, rằng những người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới có quyền công dân bình đẳng về mọi mặt trong hiến pháp.”

Phán quyết này của toà án có thể được xem như là đã đi bốn con đường khác nhau để “làm đúng lại những cái sai của lịch sử”. Misra C.J. đã viết như vậy về bản thân ông và về các cuộc xử án của Khanwilkar J. Narima Chandrachud và Indu Malhotra cũng đã viết về các ý kiến riêng liên quan đến việc này. Tất cả các vụ xử đều đồng ý với kết luận của Suresh Kumar Koushal,³ vị thẩm phán trước đó đã xử và phủ quyết việc giữ lại mục 377 và quyết định rằng mục 377 phải được gỡ bỏ bởi vì nó đã hình sự hoá mối quan hệ tình dục đồng thuận giữa những người trưởng thành.

Chandrachud J. trích dẫn lời của Leila Seth C.J. để nêu quan điểm rằng “điều làm cho cuộc sống có ý nghĩa chính là tình yêu.” Quyền được yêu là yếu tố chính trong phán quyết này, cụ thể Chandrachud J. công nhận rằng, “quyền được yêu và được tìm kiếm bạn tình, được đáp ứng trong một mối quan hệ đồng giới là quyền thiết yếu trong một xã hội tin tưởng vào tự do trong khuôn khổ hiến pháp dựa trên quyền.”

Quyền được yêu có tác động sâu rộng trong một xã hội trong đó tình yêu xuyên giai tầng và xuyên tôn giáo bị coi là tội lỗi đến mức các cá nhân có thể bị giết chết bởi chính gia đình của mình. Quyền được yêu có tiềm năng làm lung lay các giá trị xã hội cứng nhắc và giúp chúng ta bắt đầu đặt câu hỏi về những thể chế đặt ra các thứ bậc trong xã hội Ấn Độ như là giai cấp, tôn giáo, giới tính hay tình dục. Trên thực tế Chandrachud J. đã rất đúng khi gọi quyền được yêu “không chỉ là một cuộc chiến dành cho những người LGBT mà là cho tất cả chúng ta”

Các thẩm phán cũng rất rõ ràng tuyên bố bác bỏ ý tưởng cho rằng ý kiến đa số sẽ áp đảo được quyền tự do và nhân phẩm của một nhóm thiểu số. Nariman J. đã viết rằng, ‘chính quyền đa số không có nghĩa là có quyền quyết định điều gì là chính thống khi nói đến vấn đề đạo đức xã hội’. Các thẩm phán trong trường hợp này đã viện dẫn ý tưởng “đạo đức pháp hiến” và ý tưởng rằng xã hội Ấn Độ cần phải thay đổi để làm cho đạo đức xã hội phù hợp với các lý tưởng pháp hiến liên quan đến sự tôn trọng nhân phẩm và quyền tự chủ của mọi công dân.

Quyết định này của toà án bản thân nó là sự tiếp nối của một lịch sử đấu tranh liên tục không

một mỗi của hàng ngàn con người ở khắp nơi trên đất nước trong suốt hơn ¼ thế kỷ. Họ đã thành công trong việc tạo không gian cho sự hữu hình và sự chấp nhận trong xã hội Ấn Độ xung quanh tình yêu và cuộc sống của cộng đồng LGBT.

Với phán quyết rõ ràng này, toà án với tư cách là người đảm bảo quyền của các nhóm thiểu số, bất kể ý kiến của đa số dân chúng hay chính quyền đa số có khác, toà án đã ra tín hiệu quyết tâm bảo vệ hiến pháp. Tại một thời điểm khi mà các hành quyết phi toà án đã trở thành việc thường ngày và chính quyền làm lơ với nó, không có gì là quá khi nói rằng vai trò của hệ thống toà án cần phải tập trung vào việc đảm bảo quyền được sống của những người thiểu số thuộc các nhóm sắc tộc khác nhau.

Quyết định này bản thân nó là sự tiếp nối của một lịch sử đấu tranh liên tục, không một mỗi của hàng ngàn con người ở khắp nơi trên cả nước suốt hơn ¼ thế kỷ. Họ đã thành công trong việc tạo ra không gian cho sự hữu hình và sự chấp nhận trong xã hội Ấn Độ xung quanh tình yêu và cuộc sống của cộng đồng những người LGBT.

Tác động của phán quyết này ở cấp quốc gia chính là đưa ra tín hiệu chắc chắn rằng những người thuộc nhóm LGBT được hưởng đầy đủ tất cả các quyền giống như mọi công dân khác theo Hiến pháp của Ấn Độ. Phán quyết này cũng được dựa trên nhận thức đa chiều bởi vì nó đã chỉ ra rằng Hiến pháp cần phải thay đổi và dân chủ hoá các mối quan hệ trong xã hội bất kể nó là mối quan hệ giữa các giai tầng trên hay dưới, nam hay nữ, nhóm đa số hay thiểu số thuộc mọi màu da, tôn giáo. Phán quyết này đã củng cố thêm sức mạnh của xã hội dân sự trong cuộc chiến nhằm đảm bảo sự tôn trọng đầy đủ, không chỉ đối với quyền của những người thuộc nhóm LGBT, mà cả cho tất cả những ai yêu vượt ra ngoài các danh giới mà xã hội ngăn cấm. Quyền được yêu vì vậy có thể nói như là một đòn bẩy hất tung các cơ chế ngột ngạt liên quan đến giai tầng, tôn giáo và giới tính, tạo ra cơ hội để tiến tới một nền chính trị đa diện hơn.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều việc nữa phải làm bởi vì thách thức đối với việc xoá bỏ thành

kiến mà luật pháp đã nuôi dưỡng từ lâu, vẫn còn vô cùng lớn. Đây chính là nhiệm vụ lớn lao trong cuộc đấu tranh chống lại thái độ thành kiến đã được luật hoá trong mục 377 trước đây cần được tiếp tục.

Ở cấp quốc tế, tác động trước mắt của phán quyết này cũng rất lớn và về mặt lâu dài nó có thể mang lại tác động không thể đo đếm được. Đối với một quốc gia đang phát triển với quy mô và ảnh hưởng lớn như Ấn Độ, thì việc phi hình sự hoá các mối quan hệ đồng tính là một tín hiệu có thấy rằng các điều luật ngăn cấm quan hệ tình dục khác biệt chính là tàn dư của chế độ thuộc địa và việc gỡ bỏ các điều khoản này chứng tỏ lòng tự hào dân tộc và chính là một hành động muộn nhưng đúng của quá trình thoát khỏi thuộc địa. Trên thực tế, phán quyết này cũng đã được toà án của Botswana ghi nhận và đưa ra phán quyết tương tự và Toà án Kenya cũng dùng nó để ra phán quyết không chấp nhận yêu cầu đòi giữ lại luật chống quan hệ tình dục đồng tính nam.

Chúng ta hy vọng rằng ảnh hưởng của phán quyết từ vụ án Navtej sẽ mang lại những kết quả tích cực trong mục tiêu phi hình sự hoá các hành vi quan hệ tình dục đồng tính cũng như phi thuộc địa hoá các hệ thống pháp lý ở tất cả các nước Phương Nam.

Ghi chú và tài liệu tham khảo

1. Quyền được yêu. Navtej Singh Johar kiện Liên đoàn Ấn Độ: Một hiến pháp đang chuyển mình và các quyền của những người thuộc nhóm LGBT. Pg 9-11. September 2018. http://altlawforum.org/righttolove_pdfversion/.
2. Toà án tối cao Ấn Độ. Navtej Singh Johar kiện Liên đoàn Ấn Độ. Bộ tư pháp ngày 6 tháng 9 năm 2018, <https://indiankanoon.org/doc/168671544/>.
3. G Singhvi. Toà án tối cao Ấn Độ. Suresh Kumar Koushal & Anr kiện Quỹ Naz & Ors ngày 11 tháng 12 năm 2013. <https://indiankanoon.org/doc/58730926/>.
4. Botswana: Hình sự hoá quan hệ tình dục có đồng thuận giữa hai nam giới là vi hiến/ trái với hiến pháp. Viện thông tin pháp luật Châu Phi. Tháng 6 ngày 12, 2019. [Letsewetse Motshidiemang v. Attorney General](https://africanlii.org/article/20190612/botswana-criminalisation-consensual-gay-sex-unconstitutional), <https://africanlii.org/article/20190612/botswana-criminalisation-consensual-gay-sex-unconstitutional>.
5. EG v. Tổng trưởng lý, https://www.kelinkenyia.org/wp-content/uploads/2019/05/Petition_150_234_of_2016_Consolidated_Judgement.pdf.

THẬN TRỌNG VỚI CÁC KHOẢNG TRỐNG: Cải cách quyền của người chuyển giới tại Uruguay

Lucía Berro Pizzarossa

Nghiên cứu sinh, Đại học Groningen

Email: lberropizzarossa@gmail.com

và Alejandra Collette Spinetti Núñez

Giám đốc quốc gia, Colectivo Trans del Uruguay

Email: prof.alejandrspinetti1@gmail.com

Vào tháng 10 năm 2018, Quốc hội Uruguay đã thông qua luật 19.684, “Luật tổng thể dành cho những người chuyển giới” [Ley Integral para Personas Trans], và trở thành quốc gia có khung pháp lý tiên bộ nhất đối với người chuyển giới trong khu vực. Vào tháng 4 năm 2019, thông tư hướng dẫn thực hiện chi tiết cũng đã được thông qua.¹ Luật này hiện đang có hiệu lực và hàng trăm người dân Uruguay có thể tiếp cận với các dịch vụ định hình giới tính, và thay đổi tên cũng như giới tính trong giấy tờ về nhân thân, đồng thời được công nhận nhiều quyền khác. Luật này đã được thảo luận trong nhiều năm liền và việc được quốc hội thông qua là nỗ lực của một xã hội dân sự có tổ chức cùng lên tiếng dưới khẩu hiệu “*Ley Trans Ya*.”² Dự thảo luật này được giới thiệu vào tháng 5 năm 2017 và được quốc hội thảo luận liên tục cùng với các tổ chức về quyền con người cũng như các tổ chức tôn giáo phản đối việc cải cách này.

Nhu cầu cấp bách cần có một bộ luật công nhận quyền của những người chuyển giới được xác lập từ số liệu thống kê của cuộc điều tra dân số chuyển giới lần đầu tiên được tổ chức. Được thiết kế nhằm để giải quyết vấn đề thiếu số liệu và vì vậy thiếu bằng chứng cụ thể để thiết kế chính sách công, cuộc điều tra này cho thấy có 933 người được xác định là người chuyển giới tại Uruguay.³ 90% số người chuyển giới tại Uruguay là chuyển từ nam sang nữ và 10% chuyển từ nữ sang nam. Số liệu này do Bộ Phát triển xã hội và Trường đại học quốc gia (MIDES and Universidad de la República) thực hiện, cho thấy rằng 60% số người chuyển giới bị phân biệt đối xử bởi chính gia đình họ và 88% bị phân biệt đối xử trong hệ thống giáo dục. Điều này dẫn đến tỷ lệ tiếp cận dịch vụ giáo dục và y tế thấp ảnh hưởng lớn đến quyền con người được sống cuộc sống đúng theo phẩm cách của mình. Hậu quả là 25% số họ đã bỏ nhà khi 18 tuổi và 75% số người chuyển giới Uruguay không học hết trung học. Thêm nữa các bằng chứng cho thấy rằng người chuyển giới nói chung đều bị phân biệt đối xử khi tìm kiếm việc làm.⁴

“Việc xác định mình là đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới hay giao tính không gây hại cho ai về mặt sinh học hay di truyền.”⁵ tuy nhiên, theo Giám đốc Cục chăm sóc sức khỏe (ASSE), tuổi thọ trung bình của phụ nữ chuyển giới tại Uruguay chỉ là 45 tuổi – thấp hơn tuổi thọ trung bình của dân số Uruguay đến 32 năm.⁶

Luật này hiện đang có hiệu lực và hàng trăm người Uruguay có thể tiếp cận các dịch vụ định hình giới tính, và thay đổi tên cũng như giới tính trong giấy tờ về nhân thân, đồng thời được công nhận nhiều quyền khác. Luật này cũng đã được thảo luận trong nhiều năm liền và việc quốc hội thông qua là nỗ lực của một xã hội dân sự có tổ chức cùng lên tiếng dưới khẩu hiệu “Ley Trans Ya.”

Luật này chính là sự đáp ứng lại những thực tế trần trụi được phát hiện từ cuộc điều tra dân số và công nhận các quyền được đi học, làm việc, chăm sóc sức khỏe và nhiều quyền khác nữa. Luật này cho phép lồng ghép các bản dạng giới khác nhau vào các hệ thống thông tin, thống kê chính thống, đảm bảo có sự hiện diện và thu thập đúng các thông tin phân tách theo các nhóm khác nhau. Luật này định nghĩa việc phẫu thuật định hình giới tính và biện pháp thay thế học môn là quyền con người, và đảm bảo những biện pháp điều trị trên sẽ do nhà nước Uruguay chi trả. Đối với những ai trên 18 tuổi không cần phải có giấy đồng thuận hay chấp nhận của ai, đơn vị nào. Mặc dù vẫn chỉ hạn chế tập trung vào các trường hợp định hình giới/giới tính hai giá trị, luật này giúp thủ tục thay đổi tên và giới tính ghi nhận trong giấy tờ nhân thân được đơn giản hoá đi rất nhiều và không cần phải đi qua một công đoạn pháp lý rườm rà như trước. Thêm nữa, các loại học bổng và chương trình khuyến học

cũng được mở rộng nhằm khuyến khích những người này tiếp cận giáo dục ở tất cả các cấp khác nhau. Luật này cũng quy định dành 1% việc làm của chính phủ cho những người chuyển giới. Cuối cùng, luật này cũng thiết lập quỹ ngân sách để bồi thường thiệt hại kinh tế cho những người chuyển giới bị ngược đãi trong giai đoạn nhà nước độc tài từ 1973 đến 1985.

Luật này đã vượt qua được thử thách pháp lý gay gắt mà đứng sau là một bộ phận bảo thủ nhất ở đất nước này. Đã có 70,000 chữ ký đồng ý với thỉnh cầu tổ chức chung cầu dân ý với hy vọng sẽ có thể loại bỏ luật này. Sáng kiến này được cả các tổ chức tôn giáo (Các nhà thờ Phúc Âm và Ngũ Tuần mới) và thể tục (“Con mis hijos note metas”) ủng hộ. Hội đồng thiên chúa giáo Uruguay đã không ủng hộ sáng kiến này. Sáng kiến này lập luận rằng luật này tạo “đối xử ưu đãi đối với người chuyển giới,” chối bỏ “sự thật sinh học” và áp đặt “ý thức hệ về giới.”⁷ Chiến dịch này chủ yếu dựa trên những thông tin sai lệch và đại diện cho một khuynh hướng mới đang nổi lên tại khu vực Mỹ La Tinh hướng tới sử dụng khái niệm “ý thức hệ về giới” của nhóm chính trị gia bảo thủ, cánh hữu được một số những người bảo thủ trong các nhà thờ Thiên chúa giáo và Phúc Âm ủng hộ. Theo như nhận định của Garbagnoli, thuật ngữ ý thức hệ về giới là “một phát kiến gây tranh cãi của những nhóm người bảo thủ thiên chúa giáo nhằm mục đích biếm họa và vì vậy mất vị thế của một nghiên cứu thực địa” và biện minh cho tình trạng phân biệt đối xử.⁸ Một cuộc khảo sát tiền chung cầu dân ý đã được tiến hành vào tháng 8 nhưng cho thấy không đạt được tỷ lệ ủng hộ đa số cần thiết để chiến thắng. Chỉ có ít hơn 10% số người có quyền bỏ phiếu tham gia – trong khi có phải cần ít nhất 25% người bỏ phiếu tham gia thì mới hợp lệ – và vì thế luật này vẫn có hiệu lực. Cuộc khảo sát tiền chung cầu dân ý này gây tổn kém

cho ngân sách quốc gia đến 230,000 đô la, tương đương với 34 tháng bồi thường thiệt hại kinh tế do luật này quy định. Trong khi chúng ta chúc mừng chiến thắng này thì cuộc khảo sát tiền chưng cầu dân ý gây khuấy động lại một thừa nhận nguy hiểm rằng quyền của những người chuyển giới và những người có giới tính không giống với chuẩn mực xã hội phụ thuộc vào ý kiến chung của đa số và như vậy cơ chế của chúng ta vẫn tiếp tục là chủ đề tranh cãi chính trị.

Trong khi vẫn còn nhiều tranh cãi trong khu vực và trên thế giới, luật này chắc chắn đại diện cho một bước tiến tích cực. Nó được xây dựng trên nền tảng của những luật trước đó công nhận các quyền về SKSS và TD, quyền được kết hôn đồng tính và quyền được lựa chọn bản dạng giới. Việc khẳng định áp dụng các quyền này đối với cộng đồng chuyển giới tạo nền tảng cho các can thiệp đáp ứng nhu cầu của họ theo đúng với số liệu thực tế. Với ý nghĩa này, Luật của Uruguay có thể được coi là tiền đề cho các nước khác trong khu vực và nuôi dưỡng thêm cho hy vọng đạt được

những tiến bộ khác nữa trong nước. Tuy nhiên, chúng ta vẫn phải thận trọng với các sáng kiến nhằm thúc đẩy những biện pháp đi ngược với tiến bộ này và phải luôn nhận thức rằng mặc dù luật pháp tiến bộ có thể đặt nền móng cho thay đổi văn hóa nhưng vẫn cần phải có thêm các chiến lược toàn diện hơn thì mới có thể đảm bảo tất cả các quyền con người được thực thi hiệu quả.

Ghi chú và tài liệu tham khảo

1. Các tài liệu này chỉ có bằng tiếng Tây Ban Nha. Luật và các thông tư, nghị định đăng trên: <https://bit.ly/2X0WJJD>. Accessed 26 Jun 2019.
2. 'Ley Trans Ya' được dịch là 'Hãy ban hành luật về người chuyển giới ngay' trang web của chiến dịch. 2019: <https://leytransuy.wixsite.com/>.
3. Presentes. 2018. Uruguay tiene el primer censo estatal de personas trans. Available at: <http://agenciapresentes.org/2018/05/07/uruguay-tiene-el-primer-censo-estatal-de-personas-trans/>. Accessed 07 Aug 2019.
4. Canada: Ủy ban về người nhập cư và người tị nạn Canada, Uruguay: thực trạng và những đối xử đối với các nhóm có khuynh hướng tính dục thiểu số, bao gồm thông tin về pháp luật, sự bảo vệ và các dịch vụ hỗ trợ của nhà nước (2012 - February 2014), 18 March 2014, URY104818.E.

Available: <https://www.refworld.org/docid/54bf66204.html>. Accessed 25 Jun 2019.

5. Müller, A., 2017. Sự xáo trộn trong tiếp cận: tính sẵn có, tính dễ tiếp cận, sự chấp nhận và chất lượng dịch vụ y tế dành cho những người đồng tính nữ, nam, song tính và chuyển giới tại Nam Phi. *BMC Tạp chí quốc tế về sức khỏe và quyền con người*, 17(1), p.16.
6. Logie, C., 2012. Trường hợp điển hình giúp Ủy ban của tổ chức y tế thế giới nhận định về những yếu tố quyết định mang tính xã hội nhằm giải quyết vấn đề khuynh hướng tính dục. *tạp chí y tế công cộng Mỹ*, 102(7), pp.1243-1246.
7. Pega, F. and Veale, J.F., 2015. Trường hợp điển hình để Ủy ban của tổ chức y tế thế giới nhận định về những yếu tố quyết định mang tính xã hội nhằm giải quyết vấn đề bản dạng giới. *tạp chí y tế công cộng Mỹ*, 105(3), pp. e58-e62.
8. Dữ liệu của World Bank. 2018. Uruguay – nước đi đầu thế giới về quyền của nhóm LGBT. Đăng trên: <http://www.worldbank.org/en/news/feature/2016/07/21/uruguay-global-leader-lgbt-rights>. Accessed 26 Jun 2019.
9. El País. 2019. *Presentaron 69.360 firmas para realizar un referéndum en contra de la ley trans*. Available at: <https://www.elpais.com.uy/informacion/politica/presentaron-firmas-realizar-referendum-ley-trans.html>. Accessed 26 Jun 2019.
10. Garbagnoli, S., 2016. Against the Heresy of Immanence: Vatican's 'Gender' as a New Rhetorical Device against the Denaturalisation of the Sexual Order. *Religion and Gender*, 6(2), pp. 187-204.
11. Miskolci, R. and Campana, M., 2017. "Ideologia de gênero": notas para a genealogia de um pânico moral contemporâneo. *Sociedade e Estado*, 32(3), pp.725-747.
12. Montevideo Portal. 2019. Gastos de pre referéndum por ley trans equivalen a 34 meses de prestaciones reparatorias. Available at: <https://www.montevideo.com.uy/Noticias/Gastos-de-pre-referendum-por-ley-trans-equivalen-a-34-meses-de-prestaciones-reparatorias-uc724319>. Accessed 07 Aug 2019.

CÂU HỎI VỀ GIỚI VÀ TÍNH DỤC Ở PAKISTAN

Sarah Suhail

Feminist Collective/O Collective

Email: sarah.suhail@gmail.com

Quyền tính dục là một phần trong nhóm các quyền được sống theo đúng phẩm cách của mình. Đây là một phần thuộc quyền con người được biểu đạt khát khao và được khát khao, và có khả năng biểu đạt, chuyển tải khát khao của mình trong một hoặc nhiều mối quan hệ yêu đương.

Mối quan hệ này có thể là cấu phần hình thành nên gia đình để nuôi dạy con cái. Việc có một mối quan hệ sâu đậm, có ý nghĩa và thỏa mãn và được xã hội công nhận và tôn trọng, chứ không phải là một mối quan hệ bị xã hội ruồng bỏ hay không hợp pháp chính là điều kiện mà những người có khuynh hướng tính dục khác biệt ở Pakistan cũng như ở nhiều nước khác trên thế giới mong muốn.

Tuy nhiên, khi những quyền này được nêu ra trong bối cảnh của Pakistan, nhiều

người trong xã hội vẫn tin rằng đây là hệ tư tưởng ngoại lai và rằng nó đi ngược lại với văn hoá và tôn giáo của chúng ta, thay vì chấp nhận biểu hiện này của sự đa dạng. Thế mà, cái bóng mà của khuynh hướng tính dục khác biệt vẫn ám ảnh các cấu trúc tính dục dị giới và đặc quyền giới hai giá trị ở Pakistan. Việc bắt buộc chỉ có quan hệ tính dục dị giới và biến chủ đề tính dục thành chủ đề cấm kỵ không được thảo luận chỉ gây hại cho các cá nhân trong xã hội và tạo ra những bất công.

Tuy nhiên, mặc dù có những rào cản trên, các hoạt động can thiệp đã và đang được tiến hành dưới hình thức các phong trào nữ quyền hoặc phong trào đấu tranh vì quyền của cộng đồng Khawaja Sira và cộng đồng người chuyển giới.

Công việc của cộng đồng Khawaja Sira và

việc tổ chức những gì họ đã và đang thực hiện là một thành tựu đáng kể. Có được kết quả này là do họ đại diện cho những người đang phải sống trong bạo lực và o ép. Do tính dục có thể bị 'ẩn giấu' đi nếu như người đó chỉ thể hiện mình trong khuôn khổ hai giá trị, phong trào thúc đẩy sự chấp nhận đa dạng tính dục chưa đạt được được mức độ tổ chức và nhìn nhận như vậy.

Người ta cảm thấy thoải mái hơn nếu như được làm dưới tên phong trào vận động xã hội của cộng đồng Khawaja Sira và làm theo những cách ít công khai hơn. Tính linh hoạt của giới và tính dục có ý nghĩa cả về mặt sinh học và xã hội. Việc xã hội đã kẻ ra các đường ranh giới và gìn giữ nó chặt chẽ để phân biệt đâu là nam, đâu là nữ cũng chính là cản trở ngăn cản con người ta tự công nhận mình thuộc về một

cộng đồng nào đó.

Do ở nhiều nước châu Á, vai trò của gia đình là trên hết và là chỉ số của sự thành công. Đối với những người có giới tính đa dạng điều này khó giấu hơn và vì vậy họ thường bị chính gia đình mình ruồng bỏ ngay từ khi còn trẻ. Hệ thống Khawaja Sira đã xây dựng một cách để chinh đổi tình trạng này đó chính là hệ thống có tên Guru-Chela, nơi mà những người có tính dục đa dạng có thể (hầu hết mọi lúc) giấu đi tính dục của mình và thể hiện theo đúng với giới tính họ sinh ra. Điều này cho phép họ duy trì song song 2 cuộc sống- một cho gia đình và một cho những người khác bên ngoài.

Tính linh hoạt của giới và tính dục có ý nghĩa cả về mặt sinh học và xã hội. Việc xã hội đã kẻ ra các đường ranh giới và gìn giữ nó chặt chẽ để phân biệt đâu là nam, đâu là nữ cũng chính là rào cản cho việc người ta tự công nhận mình thuộc về một cộng đồng nào đó.

Về mặt cấu trúc điều này chỉ có hiệu quả đối với nam giới trong một chừng mực nào đó bởi vì họ có những đặc ân do chế độ phụ hệ mang lại. Tuy nhiên đối với phụ nữ, những áp lực về mối quan hệ dị giới bắt buộc và quan niệm cho rằng họ là tài sản của nhà chồng không cho họ có được những đặc ân tương tự như nam giới. Hôn nhân có thể dẫn đến những tình huống vô cùng bạo lực, nhất là đối với những người đồng tính nữ khi mà họ có thể bị ép buộc kết hôn. Mặc dù trên thực tế có nhiều phụ nữ đồng tính và song tính cũng tự tìm được cách riêng để chung sống với đối tác của mình. Bức tranh này vẫn còn khá phức tạp và những người có tính dục và giới đa dạng cũng đã tìm được cả nghìn cách khác nhau để tồn tại.

Một trong những cách đó chính là việc thúc đẩy thay đổi về luật pháp đối với cộng đồng Khawaja Sira và cộng đồng chuyển giới. Ngay cả khi Pakistan đã tăng cường các hình thức nhằm trấn áp các nhóm xã hội dân sự và hoạt động về quyền con người, và là một quốc gia phản đối sự công nhận và bảo vệ quyền con người dựa trên nguyên lý SOGIEC

(khuynh hướng tính dục, bản dạng giới, thể hiện giới tính và các đặc điểm tính dục), ở đây vẫn có một sự công nhận nhất định của xã hội và chính quyền các cấp đối với cộng đồng Khawaja Sira đã được hình thành từ trước trong lịch sử.

Đạo luật này là một luật liên bang cho phép công dân tự nhận thức bản thân và đây là cơ sở cho mục đích công nhận giới của họ. Đây là một cải thiện tiến bộ quan trọng về mặt pháp luật đối với người chuyển giới và giao tính tại Pakistan bởi vì luật này công nhận chủ quyền cá nhân trong những quyết định liên quan đến bản dạng và biểu đạt giới của chính mình và điều này phù hợp với các nguyên tắc quốc tế.

Do quốc tế ngày càng chuyển biến theo hướng chấp nhận rộng rãi đa dạng giới và đa dạng tính dục, Pakistan cũng đang tiến những bước chậm nhưng chắc theo hướng đó. Cho dù vẫn còn nhiều chỉ trích, đây có thể là sự trở lại của một xã hội cởi mở và chấp nhận hơn, không phải là giờ mới hình thành, một xã hội đã có thể tồn tại từ trước thời thuộc địa và trước khi những định nghĩa về giới bị chế độ thuộc địa Anh áp đặt rồi sau đó củng cố thêm bởi những người theo chủ nghĩa dân tộc, đạo hồi quá khích.

Trong bối cảnh như vậy, tiếp theo các chiến dịch sâu rộng của phong trào Khawaja Sira, của những nhà hoạt động vì quyền của người chuyển giới, các nhóm nữ quyền, xã hội dân sự và các tổ chức phi chính phủ quốc tế, và một số thành viên nhất định của quốc hội, một dự luật đã được đệ trình lên Quốc hội nhằm bảo vệ quyền của người chuyển giới. Thông qua các cố gắng vận động chính sách của các nhóm khác nhau và đặc biệt là việc thành lập liên minh giữa cộng đồng Khawaja Sira, chuyển giới và các nhà hoạt động nữ quyền, một phiên bản dễ chấp nhận hơn của dự luật trên đã được Quốc hội phê duyệt vào tháng 5 năm 2018 trở thành đạo luật.

Tuy nhiên, không lâu sau đó Quốc hội bị

giải thể và chính phủ mới lên nắm chính quyền từ tháng 9 năm 2018. Hậu quả là Đạo luật bảo vệ quyền của người chuyển giới không được đưa vào chương trình nghị sự của chính phủ mới và vì thế các quy định hướng dẫn về đạo luật mới chưa được dự thảo để đưa vào thực hiện.

Đạo luật này là một luật liên bang cho phép công dân tự nhận thức bản thân và đây là cơ sở cho mục đích công nhận giới của họ. Đây là một cải thiện tiến bộ quan trọng về mặt pháp luật đối với người chuyển giới và giao tính tại Pakistan bởi vì luật này công nhận chủ quyền cá nhân trong những quyết định liên quan đến bản dạng và biểu đạt giới của chính mình và điều này phù hợp với các nguyên tắc quốc tế.

Dựa trên điều khoản này cá nhân có quyền thay đổi các giấy tờ nhân thân phù hợp với giới mà họ xác định. Đạo luật cũng ngăn cấm các hình thức phân biệt đối xử đối với người chuyển giới, quy định trách nhiệm của chính phủ phải tiến hành các biện pháp tích cực nhằm nâng cao nhận thức cho các ban ngành của chính phủ và thiết lập các cơ sở cho người chuyển giới. Luật này cũng thúc đẩy quyền được đi học, chăm sóc sức khỏe, thừa kế, có việc làm, bầu cử, và quyền được tự do hội họp cũng như được tiếp cận với các khu vực công cộng và tổ chức hội họp công khai, bên cạnh nhiều quyền quan trọng khác.

Ghi chú và tài liệu tham khảo

1. *Khawaja Sira* là cộng đồng những người có biểu đạt giới tính chủ yếu theo phái nữ đã được thành lập và xã hội, thể chế chính trị công nhận từ lâu trong lịch sử. Họ có một lịch sử tồn tại phức tạp và lâu dài tại khu vực này và là một ví dụ điển hình cho đa dạng giới trong bối cảnh Nam Á.
2. Một hệ thống gia đình thay thế nơi mà một người Khawaja Sira lớn tuổi sẽ kèm cặp một người Khawaja Sira trẻ hơn để hướng dẫn và cung cấp cho họ chỗ ở cũng như các thông tin khác về văn hoá, xã hội và kinh tế. Trách nhiệm của Chelas hay người được kèm cặp là phải tuân thủ theo những yêu cầu mà Gurus hay người hướng dẫn đặt ra cho họ. Đổi lại họ sẽ đưa cho Gurus một phần thu nhập của mình, cũng như có một số trách nhiệm khác nữa.

BRUNEI:

Đôi điều suy ngẫm về các Diễn biến Saga

Việc Brunei thực thi toàn diện Đạo luật Hình sự Syariah (SPC) trong năm vừa qua đã phải đối mặt với một làn sóng chỉ trích toàn cầu. Ủy viên Cấp cao của Liên hiệp quốc về Quyền con người, Michelle Bachelet, đã kêu gọi dừng việc đưa luật vào thực hiện.¹ Quốc hội Châu Âu đã thông qua một nghị quyết thể hiện sự quan ngại sâu sắc và lưu ý rằng Brunei đang đi ngược lại xu hướng phát triển chung mà thực tế đang cho thấy là nhiều nước đã theo hướng bỏ tội phạm hóa hành vi tình dục đồng giới có đồng thuận.² Trong cuộc Kiểm định Định kì Phổ quát (UPR) gần đây, nhiều nước đã khuyến nghị bỏ quy định hình sự hoá các mối quan hệ đồng giới có đồng thuận và đảm bảo sự bảo vệ ngang bằng trên cơ sở SOGIE.³

ASEAN vẫn giữ im lặng, nhưng các tổ chức xã hội dân sự ở khu vực này thì không. Một tuyên bố do hơn 100 tổ chức ký khẩn thiết yêu cầu Brunei tôn trọng Tuyên bố Quyền con người ASEAN và cảnh báo rằng đất nước này “sẽ đặt ra các tiền lệ nguy hiểm cho các nước láng giềng ở Đông Nam Á và rộng hơn là Châu Á.”⁴

SPC hạn chế các khía cạnh khác nhau của quyền con người, đáng kể nhất là nó tước đi quyền tự do cá nhân trong việc tự xác định bản dạng giới của mình và kiểm soát cơ thể phụ nữ.

Bộ Luật hình sự Syariah được thông qua năm 2013 và dự kiến sẽ được triển khai thành ba giai đoạn.⁵ Luật này có một mục tiêu rõ ràng: hình sự hóa và ngăn cản các hành động đối lập với đạo Hồi, và giáo dục người dân.⁶ Đáp lại các chỉ trích, nhà nước nhấn mạnh rằng không có lý do phải lo lắng vì bộ luật “đã nhận được đầy đủ lòng khoan dung và sự phù hợp của đáng Allah” và không phải là để tạo ra sự tàn nhẫn cho người khác.⁷

The SPC hình sự hóa các “mối quan hệ

tình dục ngoài hôn nhân” có đồng thuận, bao gồm tình dục trước hôn nhân, và các mối quan hệ đồng giới có đồng thuận.⁸ Luật sử dụng thuật ngữ “*liwat*” hay “quan hệ tình dục giữa một người đàn ông và một người đàn ông khác hay giữa một người nam giới và một phụ nữ mà không phải là vợ anh ta, được thực hiện theo cách chống lại tự nhiên, đó là qua hậu môn.”⁹ Trong khi đó, luật sử dụng thuật ngữ “*musahaqah*” để giải thích mối quan hệ tình dục giữa phụ nữ. Như được định nghĩa trong SPC, “*musahaqah*” có nghĩa là “các hoạt động thể xác giữa một phụ nữ với một phụ nữ khác mà có thể tạo thành các hành vi tình dục nếu như nó được thực hiện giữa một người nam giới và một người phụ nữ, ngoài việc quan hệ có thâm nhập.”¹⁰ Những người phạm tội có thể bị xử các mức hình phạt từ bị ném đá đến chết cho đến đánh bằng roi, tù, quản thúc ở các trung tâm phục hồi nhân phẩm và phạt tiền.

Các hạn chế về bản dạng giới và thể hiện giới của cá nhân là vấn đề trọng yếu của luật này. Các hình thức trừng phạt được đưa ra đối với “[bất kì] nam giới nào mặc hoặc có cử chỉ như phụ nữ hoặc bất kì phụ nữ nào mặc và có cử chỉ như nam giới ở nơi công cộng” nếu điều này được thực hiện mà “không có lý do chính đáng nào” hoặc “vi các mục đích liên quan tới sự bất tử.”¹¹ Năm 2014, những người thực hiện luật đã bắt giữ một phụ nữ chuyển giới do mặc quần áo phụ nữ và có “hành vi không đúng mực.”¹²

SPC hạn chế các khía cạnh khác nhau của quyền con người, đáng kể nhất là nó tước đi sự tự do cá nhân trong việc tự xác định bản dạng giới của mình và kiểm soát cơ thể phụ nữ. Luật đưa ra án tử hình, và các hình phạt tàn nhẫn và hạ thấp nhân phẩm như đánh bằng roi và cắt chi.¹³

ASEAN vẫn giữ im lặng, nhưng các tổ chức xã hội dân sự trong khu vực thì không. Một tuyên bố do hơn 100 tổ chức ký khẩn thiết yêu cầu

Ryan V. Silverio

Điều phối viên Khu vực, ASEAN SOGIE Caucus

Email: rsilverio@aseansogiecaucus.org

Brunei tôn trọng Tuyên bố Quyền con người ASEAN và cảnh báo rằng đất nước này “sẽ đặt ra các tiền lệ nguy hiểm cho các nước láng giềng ở Đông Nam Á và rộng hơn là Châu Á”.

Ngoài ra, bộ luật cũng kiểm tỏa chặt chẽ quyền tự do tôn giáo, niềm tin và biểu đạt bằng cách trừng phạt việc in ấn, phổ biến hoặc phân phát thông tin mà đi ngược lại với luật Syariah.¹⁴

Trong cuộc Kiểm điểm Định kì Phổ quát gần nhất, Brunei tuyên bố sẽ tiếp tục trì hoãn việc thực hiện án tử hình.¹⁵ Bên cạnh đó, họ giải thích rằng SPC không hình sự hóa một người trên cơ sở xu hướng tính dục hay niềm tin, và rằng luật này tiếp tục bảo vệ đạo đức và lễ nghi nơi công cộng trong khi tôn trọng sự riêng tư của các cá nhân. Brunei khẳng định điều này trong tuyên bố rằng các cá nhân, không phân biệt xu hướng tính dục sẽ tiếp tục sống và thực hiện các hoạt động của họ trong không gian riêng tư.

Zoella Zayce, một thanh niên chuyển giới đến từ Brunei lên tiếng cảnh báo rằng không nên chỉ đề cập đến riêng Brunei; các quốc gia áp dụng các đạo luật Syariah tương tự cũng cần phải bị chỉ trích.

Điều đáng lo là những điều được nêu trong luật là minh chứng về sự gia tăng của chủ nghĩa cực đoan tôn giáo trong khu vực, được đánh dấu bởi làn sóng các quan điểm chống LGBTIQ trên cơ sở tôn giáo được hậu thuẫn bởi các nhà chính trị có tên tuổi từ các nước láng giềng như Indonesia và Malaysia.

Đẩy cao Áp lực Toàn cầu. Sự lên án trên toàn cầu đã tạo ra các phản ứng tại chỗ. Zoella Zayce, một thanh niên chuyển giới đến từ Brunei đang tìm kiếm tỵ nạn ở Canada, nghĩ rằng việc tăng cường áp lực

“sẽ giúp những người bên lề và dễ bị tổn thương có một chút hy vọng là thế giới đang ở phía họ.” Cô cũng cảnh báo rằng Brunei không phải là ngoại lệ; các nước áp dụng các đạo luật Syariah tương tự cũng phải bị chỉ trích.

Để áp lực bên ngoài có hiệu quả, sự thúc đẩy nội địa cũng cần phải mạnh. Tuy nhiên, các cơ chế nội địa để đảm bảo nhà nước thực hiện trách nhiệm giải trình hầu như là không có. Brunei không có lực lượng tương ứng xã hội dân sự phản biện như các nước láng giềng ASEAN khác.

Các nỗ lực toàn cầu đã tạo ra sự thay đổi tạm thời dù là vẫn chưa hoàn toàn. Việc trì hoãn thi hành án tử hình, bao gồm cả các trường hợp cáo buộc người LGBT, là dấu hiệu cho thấy Brunei có lắng nghe. Một sự chuyển đổi từ buộc tội sang đối thoại là rất cấp thiết trong lúc này.

Shahiran Shahrani, một người Brunei đang tìm kiếm tỵ nạn ở Canada, ủng hộ lời kêu gọi phê chuẩn này, vì có lẽ điều này sẽ có thể thức tỉnh mọi người rằng đang có một vấn đề. Anh cho biết người dân ở Brunei, bao gồm cả những người có trình độ học vấn cao, không thấy được bức tranh rõ ràng vì họ chỉ được sự tiếp cận thông tin một cách hạn chế hay có chọn lọc.

Để áp lực bên ngoài có hiệu quả, sự thúc đẩy nội địa cũng cần phải mạnh. Tuy nhiên, các cơ chế nội địa để đảm bảo nhà nước thực hiện trách nhiệm giải trình hầu như là không có. Brunei không có lực lượng tương ứng xã hội dân sự phản biện như các nước láng giềng ASEAN khác. Các tổ chức phi chính phủ (NGOs) có mặt ở đây nhưng họ sẽ không mở rộng các giới hạn, làm việc với các vấn đề nhạy cảm, và thách thức chính phủ. “Khi [chính phủ] bắt đầu cấm đoán các thứ, người dân không thúc đẩy luật, họ xa rời luật pháp,” Shahiran Shahrani nói. Một số nhà bảo vệ quyền con người đã liêu lĩnh đứng

lên và bị kết tội nội loạn.

Viễn cảnh tương lai là gì? Các nỗ lực toàn cầu đã tạo ra sự thay đổi tạm thời dù là vẫn chưa hoàn toàn. Việc trì hoãn thi hành án tử hình, bao gồm cả các trường hợp cáo buộc người LGBT, là dấu hiệu cho thấy Brunei có lắng nghe. Một sự chuyển đổi từ buộc tội sang đối thoại là rất cấp thiết trong lúc này. Brunei vẫn khẳng định rằng SPC là thần thánh; quan niệm này cần phải được thách thức thông qua việc tiếp tục đối thoại với các chuyên gia Syariah cấp tiến và quan trọng hơn là với chính người dân.

Ghi chú & Tài liệu tham khảo

1. Văn phòng Ủy ban Cấp cao về Quyền con người, “Bachelet khẩn thiết yêu cầu Brunei dừng việc thi hành đạo luật hình sự mới ‘tàn nhẫn’” (Bachelet urges Brunei to stop entry into force of ‘draconian’ new penal code) <https://www.ohchr.org/en/NewsEvents/Pages/DisplayNews.aspx?NewsID=24432&LangID=E>.
2. Nghị quyết Nghị viện Châu Âu ngày 18 tháng 4 năm 2019 về Brunei, 2019/2692(RSP).
3. Các nước đưa khuyến nghị UPR cụ thể về xu hướng tính dự và bản dạng giới bao gồm Austria, Australia, Belgium, Canada, Chile, Costa Rica, Denmark, France, Germany, Greece, Iceland, Malta, Mexico, Netherlands, Norway, Sweden, United States of America, và Uruguay.
4. “Tuyên bố của Các tổ chức Xã hội Dân sự ASEAN về việc triển khai toàn bộ luật Shariah ở Brunei Darussalam” (Statement of ASEAN Civil Society Organizations on the Full Enforcement of Shariah Law in Brunei Darussalam) <https://aseansogiecacus.org/news/external-news/132-statement-of-asean-civil-society-organizations-on-the-full-enforcement-of-sharia-law-in-brunei-darussalam>.
5. Giai đoạn đầu được triển khai từ 1 tháng 5 năm 2014. Trong giai đoạn này, các buộc tội liên quan tới *ta'zir* hoặc các buộc tội chịu án phạt tiền hoặc tù được thực hiện. Chỉ từ ngày 3 tháng 4 năm 2019, giai đoạn cuối của luật, bao gồm các điều khoản về tử hình bắt đầu có hiệu lực.
6. Văn phòng Thủ tướng – Brunei Darussalam, [Thông cáo báo chí 30 tháng 3, 2019], <http://www.pmo.gov.bn/Lists/2019%20PMO%20News/NewDispForm.aspx?ID=79&Source=http%3A%2F%2Fwww%2Epmo%2Egov%2Ebn%2FLists%2F2019%2520PMO%2520News%2FAllItems%2Easpx%23InplviewHash7c61e843%2Dde4f%2D409b%2D947a%2D73f6c09a91f2%3DPage%253DTRUE%2Dp%5FID%253D92%2DPageFirstRow%253D31&ContentTyped=0x0100697C5A90C7D25F488B46C0C3A437E305>.
7. Văn phòng Thủ tướng – Brunei Darussalam, [Thông cáo Báo chí 5 tháng 5 năm 2019], <http://www.pmo.gov.bn/Lists/2019%20PMO%20News/NewDispForm.aspx?ID=118&Source=http%3A%2F%2Fwww%2Epmo%2Egov%2Ebn%2FLists%2F2019%2520PMO%2520News%2FAllItems%2Easpx%23InplviewHash7c61e843%2Dde4f%2D409b%2D947a%2D73f6c09a91f2%3D&ContentTyped=0x0100697C5A90C7D25F488B46C0C3A437E305>.
8. Phần 68 và 82 Luật Syariah Penal Code 2013.
9. Phần 82 Luật Syariah Penal Code 2013.
10. Phần 92 Luật Syariah Penal Code 2013.
11. Phần 198 Luật Syariah Penal Code 2013.
12. Ak Md Khairuddin Pg Harun (11 tháng 3 năm 2015). “Quan chức Brunei bị phạt \$1,000 vì mặc quần áo khác giới” Brunei Times. Lấy từ <https://btarchive.org/news/national/2015/03/11/bruneian-civil-servant-fined-1-000-cross-dressing>.
13. Phần 55 và 69 Luật Syariah Penal Code 2013.
14. Phần 213 Luật Syariah Penal Code 2013.
15. Thông báo chính thức của nhà nước trước Kiểm định Định kì Phổ quát. Xem: Reuters, 5 tháng 5, 2019, “Brunei nói sẽ không thực hiện án tử hình người đồng tính sau backlash” (Brunei says it won't enforce gay death penalty after backlash) <https://www.reuters.com/article/us-brunei-lgbt-sultan/brunei-says-it-wont-enforce-gay-death-penalty-after-backlash-idUSKCN1SB0FS>.

CÔNG NHẬN QUYỀN TIẾP CẬN VỚI THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ VỀ SỨC KHOẺ SINH SẢN VÀ TÌNH DỤC CHO VỊ THÀNH NIÊN

Với số lượng người vị thành niên và thanh niên chiếm tới một phần tư tổng dân số thế giới – đối với 1.8 tỷ con người này – chưa bao giờ yêu cầu công nhận và thực hiện đầy đủ các quyền con người của họ ở cấp toàn cầu, khu vực, quốc gia và cộng đồng lại cấp thiết đến thế.

Mặc dù trong vòng 10 năm qua vấn đề này đã nhận được nhiều sự quan tâm hơn, hiện vẫn còn nhiều khoảng trống lớn liên quan đến việc vị thành niên thiếu kiến thức về quyền và SKSS & TD cũng như thiếu tiếp cận với các dịch vụ SKSS & TD thiết yếu.

RÀO CẢN ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG TIẾP CẬN DỊCH VỤ VÀ THÔNG TIN VỀ SKSS & TD: TRƯỜNG HỢP CỦA PHILIPPINES VÀ ẤN ĐỘ

Ở tất cả các nơi trên thế giới, vị thành niên phải đối diện với hàng loạt các rào cản khác nhau liên quan đến tiếp cận các dịch vụ SKSS&TD, và điều này làm ảnh hưởng sâu sắc tới cuộc sống và sức khỏe của các em, hạn chế việc thực thi các quyền con người của các em. Những rào cản này bao gồm cơ chế chính sách và pháp luật cứng nhắc, những yêu cầu cần có sự phê chuẩn/đồng ý của bên thứ ba ví dụ như của cha mẹ và/hoặc người giám hộ, kỳ thị, thiếu thông tin, khoảng cách địa lý, chi phí, thiếu và không tôn trọng bảo mật thông tin, lạm dụng và chất lượng dịch vụ kém.¹ Bên cạnh việc bị chối bỏ quyền tiếp cận với các dịch vụ SKSS và TD, vị thành niên còn có nguy cơ phải đối diện với những áp lực kéo dài hoặc ép buộc liên quan đến sử dụng dịch vụ chăm sóc SKSS. Điều này đặc biệt đúng đối với những vị thành niên thuộc các nhóm yếu thế, là những nhóm có lịch sử phải chịu nhiều chính sách áp đặt xung quanh vấn đề tính dục và sinh sản.² Tất cả các dịch vụ SKSS và TD dành cho vị thành niên cần phải được tiến hành theo nguyên tắc đồng thuận, tự nguyện, không phân biệt

đối xử, áp lực, bạo lực hoặc ép buộc. Bên cạnh đó, quyền và tiếng nói của các em phải được lắng nghe và cân nhắc như là trọng tâm của mọi quyết định và chương trình liên quan đến các em.

Hiện vẫn còn nhiều rào cản liên quan đến tiếp cận dịch vụ và thông tin về SKSS và TD tại Châu Á.

Tất cả các dịch vụ SKSS và TD cho vị thành niên cần phải được tiến hành theo nguyên tắc đồng thuận, tự nguyện, không phân biệt đối xử, áp lực, bạo lực hoặc ép buộc.

Philippines. Ví dụ, ở Philippines, tỷ lệ mang thai ở tuổi vị thành niên ngày càng tăng,³ cho thấy tỷ lệ sử dụng dịch vụ tránh thai thấp – một nghiên cứu thực hiện năm 2013 cho thấy trong số phụ nữ đã kết hôn ở các nhóm tuổi khác nhau, nhóm vị thành niên có tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai thấp nhất và cũng là nhóm mà nhu cầu này được đáp ứng thấp nhất.⁴ Mặc dù luật pháp và cụ thể là Đạo luật về sức khỏe sinh sản và làm cha mẹ có trách nhiệm (RPRHA) ban hành tháng 12 năm 2012 có quy định về việc phát triển chương trình giáo dục giới tính tổng thể, yêu cầu cần có sự phê chuẩn của bên thứ ba vẫn là rào cản đối với việc tự ra quyết định về vấn đề sinh sản của vị thành niên. Theo luật, tất cả người vị thành niên (dưới 18 tuổi) cần phải có sự đồng thuận của cha mẹ thì mới được tiếp cận với các dịch vụ tránh thai cũng như các dịch vụ chăm sóc dự phòng về SKSS và TD trong trường hợp nguy hại tới sức khỏe.⁵ Đạo luật về SKSS và làm cha mẹ có trách nhiệm lúc mới ban hành có quy định cho phép các trường hợp ngoại lệ đối với những em đã có những lần mang thai trước đó. Tuy nhiên, chỉ sau khi đạo luật được ban hành ba tháng, toà án tối

Paola Salwan Daher

Cố vấn cấp cao, vận động chính sách toàn cầu,

Trung tâm quyền SKSS

Email: pdaher@reprorights.org

Và Payal Shah

Quyền giám đốc khu vực châu Á, Trung tâm

quyền SKSS

Email: pshah@reprorights.org

cao đã ra quyết định tạm hoãn thi hành các điều khoản này và sau đó quyết định bỏ hoàn toàn điều khoản ngoại lệ này vào năm 2014.⁶

Ấn Độ. Tại Ấn Độ, mặc dù trên 1/3 (38,7%) số phụ nữ ở độ tuổi 25-29 báo cáo rằng họ có quan hệ tình dục lần đầu tiên trước khi họ bước sang tuổi 18, khung pháp lý vẫn không chấp nhận năng lực tự quyết định về việc nạo phá thai của người vị thành niên. Ví dụ, theo đạo luật về việc kết thúc thai kỳ vì lý do y tế, ban hành năm 1971, yêu cầu những người dưới tuổi (vị thành niên) phải có giấy chấp thuận của cha mẹ hoặc người giám hộ nếu muốn nạo phá thai.⁷ Thêm nữa, quyền và năng lực tự quyết định về SKSS của người vị thành niên cũng bị hạn chế thêm bởi Đạo luật bảo vệ trẻ em khỏi các hình thức xâm phạm tình dục (POCSO) ban hành năm 2012,⁸ nhằm mục đích giải quyết vấn đề bạo lực tình dục đối với trẻ em thông qua quy định cơ sở chăm sóc sức khỏe và những người khác có liên quan phải bắt buộc trình báo về các nghi ngờ tấn công tình dục liên quan đến vị thành niên.⁹ Vấn đề này là do luật pháp quy định bất kỳ hành vi tình dục nào liên quan đến vị thành niên đều được coi là hiếp dâm, không có ngoại lệ, và do đó các cơ sở chăm sóc hiểu rằng họ có nghĩa vụ bắt buộc phải khai báo tất cả các trường hợp mang thai của khách hàng là người vị thành niên, kể cả khi người đó đến sử dụng dịch vụ phá thai.¹⁰ Cộng thêm các vấn đề liên quan đến kỳ thị đối với hoạt động tình dục ở nhóm vị thành niên, việc hình sự hoá các mối quan hệ tình dục có đồng thuận của vị thành niên, bao gồm giữa hai người vị thành niên với nhau, cũng làm giảm đi năng lực và sự sẵn sàng tìm kiếm các dịch vụ SKSS và TD của vị thành niên.

CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ QUYỀN, SKSS & TD CỦA NGƯỜI VỊ THÀNH NIÊN

Thất bại trong việc giải quyết những rào cản này đi ngược lại với cam kết và nghĩa vụ của các quốc gia đối với luật quốc tế về quyền con người. Hội nghị quốc tế về dân số và phát triển (ICPD) đã giúp chuyển trọng tâm từ “nhu cầu của vị thành niên” sang quyền, và đặt nền móng cho công tác xây dựng các cơ chế quốc tế về quyền con người quy chuẩn công nhận quyền đại diện, tự ra quyết định sinh sản và tự quyết với cơ thể của vị thành niên.

Ủy ban về quyền trẻ em (Ủy ban CRC) và Cơ quan báo cáo đặc biệt về quyền chăm sóc sức khỏe, cũng như các quyền khác đã khẳng định tầm quan trọng của quyền SKSS và TD của vị thành niên, kêu gọi các nước thành viên tiến hành các biện pháp cụ thể để đảm bảo việc thực hiện đầy đủ các quyền này.

Về yêu cầu cần có sự phê chuẩn của bên thứ ba, Ủy ban về quyền trẻ em của LHQ công nhận rằng không nên có bất kỳ “rào cản nào đối với việc tiếp cận đối với hàng hoá, thông tin và dịch vụ tư vấn liên quan đến quyền, SKSS và TD, ví dụ như yêu cầu về sự đồng thuận hay phê chuẩn của bên thứ ba.”¹¹ Thêm vào đó, Cơ quan báo cáo đặc biệt về quyền chăm sóc sức khỏe cũng công nhận rằng yêu cầu cần có giấy đồng thuận của cha mẹ chính là rào cản đối với việc tiếp cận dịch vụ sức khỏe của vị thành niên bởi vì yêu cầu này “làm cho vị thành niên ngần ngại không dám tiếp cận các dịch vụ cần thiết để tránh khỏi phải xin ý kiến của cha mẹ, điều đó dẫn tình trạng chối bỏ, kỳ thị, thù địch hoặc thậm chí bạo lực”.¹² Những tiến triển quy chuẩn này củng cố thêm cho các điều khoản của Công ước LHQ về CEDAW (Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử phụ nữ). Ủy ban cũng công nhận rằng các yêu cầu về việc phê chuẩn của cha mẹ tạo ra rào cản đối với các dịch vụ sức khỏe.¹³

Trong nhận xét chung mang tính nền móng số 20 về việc thực hiện quyền trẻ em ở độ tuổi vị thành niên, Ủy ban CRC đã dựa trên nguyên tắc về quyền đại diện, chủ quyền và quyền tự quyết định về SKSS và TD của vị thành niên để phân tích và đưa ra lời kêu gọi đặc biệt tới các chính phủ thành viên cần ban hành “một căn cứ pháp lý chắc chắn rằng người vị

thành niên hoàn toàn có năng lực tìm kiếm và được tiếp cận với các dịch vụ và hàng hoá liên quan đến dự phòng hoặc chăm sóc thiết yếu theo thời điểm về SKSS và TD.”¹⁴ Cách tiếp cận này cũng được Cơ quan báo cáo đặc biệt về quyền chăm sóc sức khỏe thông qua.¹⁵ Về vấn đề này, trên thực tế bất kỳ người vị thành niên nào cũng nhận biết được nhu cầu của cá nhân về các dịch vụ như vậy và các em có thể tìm ra các bằng chứng cần thiết để tự ra các quyết định về việc sử dụng các dịch vụ đó theo cách phù hợp.¹⁶

Ủy ban LHQ về quyền trẻ em cũng công nhận ảnh hưởng có hại của một số quy định luật pháp hình sự hoá hành động tình dục liên quan đến vị thành niên, và đặc biệt nhấn mạnh rằng các quốc gia thành viên “nên tránh ban hành các quy định mang tính hình sự hoá đối với hành động tình dục không mang tính bóc lột và có bằng chứng về sự đồng thuận ở người vị thành niên hoặc những người ở độ tuổi tương tự.”¹⁷

Trong khi các rào cản liên quan đến tiếp cận dịch vụ và việc thiếu công nhận quyền tự chủ về thân thể và quyền tự ra quyết định về SKSS và TD của người vị thành niên vẫn còn rất phổ biến ở châu Á, các quốc gia thành viên cần phải áp dụng các biện pháp tích cực nhằm giải quyết và loại bỏ những rào cản này theo đúng với trách nhiệm và cam kết quốc tế về quyền con người mà họ đã ký.

Ghi chú và tài liệu tham khảo

1. Trung tâm quyền SKSS, Năng lực và đồng thuận: Tạo quyền cho người vị thành niên để thực hiện các quyền về SKSS của họ, 2015, p.10-11.
2. Như trên.
3. Năm 2011, 203,653 trẻ sinh ra từ các bà mẹ ở tuổi vị thành niên (10-19 tuổi), trong khi đó năm 2015 con số này đã tăng lên đến 1,040,211 trường hợp. Xem thêm: biên bản họp của Cục sức khỏe: *Nhóm quốc gia thực hiện luật SKSS và làm cha mẹ có trách nhiệm*, 12 (2018). <https://bit.ly/2t0qpSU>.
4. Chương trình DHS và STAT (cơ sở dữ liệu trực tuyến về các điều tra về dân số và sức khỏe: Philippines 1993, 1998, 2003, 2008, 2013). 2015. <https://statcompiler.com/en/>.
5. Đạo luật cộng hoà 10354, Đạo luật SKSS và làm cha mẹ có trách nhiệm (2012). <https://bit.ly/2Qtckl0>.
6. Xem bài viết của James M. Imbong and Lovely-Ann C. Imbong v. Hon. Paquito N. Ochoa, Jr. and Others, G.R. Nos. 204819, 204934, 204957, 204988, 205003, 205043, 205138, 205478, 205491, 205720, 206355, 207111, 207172 and 207563, (S.C., Apr. 8, 2014) (Phil.).
7. S.3(4), Đạo luật về việc kết thúc mang thai vì lý do y tế của Ấn Độ, 1971.
8. Các kỹ thuật khám lâm sàng giai đoạn trước thụ thai và

trước khi sinh tại Ấn Độ, 1994; Đạo luật bảo vệ trẻ em khỏi các tấn công tình dục của Ấn Độ, Số. 32, 2012.

9. S.19, Đạo luật bảo vệ trẻ em khỏi các tấn công tình dục của Ấn Độ, No. 32, 2012.

10. Potdar et. al., *Nạo phá thai an toàn và quyết định giới tính tại Ấn Độ*, supra note 60, at 118.. Cũng xem thêm Bộ luật hình sự của Ấn Độ, 1860; Đạo luật bảo vệ trẻ em khỏi các tấn công tình dục của Ấn Độ, No. 32, 2012; Đạo luật MTP năm 2014 (nạo phá thai an toàn trở nên dễ dàng hơn, điều khoản này nên được thông qua, supra note 58).

11. Ủy ban LHQ về quyền trẻ em, *Nhận xét chung về việc thực hiện quyền trẻ em trong giai đoạn tuổi vị thành niên*, para. 60, U.N. Doc. CRC/C/GC/20 (Dec. 2016) [hereinafter CRC Committee, Gen. CommentNo. 20].

12. Cơ quan báo cáo đặc biệt về quyền của tất cả mọi người được chăm sóc y tế về tinh thần và thể chất ở mức độ cao nhất có thể, *Báo cáo của Cơ quan báo cáo đặc biệt về quyền của mọi người được chăm sóc y tế ở mức độ cao nhất có thể, Dainius Puras*, para. 59, U.N. Doc. A/HRC/32/32 (2016) [sau đây gọi tắt và cơ quan báo cáo đặc biệt về quyền chăm sóc sức khỏe, Báo cáo về chăm sóc sức khỏe cho trẻ vị thành niên (2016)].

13. Ủy ban LHQ về bảo vệ phụ nữ khỏi mọi hình thức phân biệt đối xử, *Khuyến nghị chung số 24: Điều 12 của công ước (Phụ nữ và sức khỏe)*, (phiên họp thứ 20, 1999), Kết hợp các nhận xét chung và các khuyến nghị chung đã được các cơ quan về hiệp ước quyền con người phê chuẩn, at 358, para. 21, U.N. Doc.HRI/GEN/1/Rev.9 (Vol. II) (2008) [sau đây gọi tắt là Ủy ban CEDAW, *Khuyến nghị chung số. 24*].

14. Ủy ban LHQ về quyền trẻ em, *Nhận xét chung số 20*, supra note 4, para.39.

15. Cơ quan báo cáo đặc biệt về quyền chăm sóc sức khỏe, *Báo cáo về chăm sóc sức khỏe cho vị thành niên* (2016), supra note 5, para. 60.

16. Xem R. Cook, B.M. Dickens, *Công nhận trẻ vị thành niên 'Năng lực lớn dần để có thể thực hiện quyền tự lựa chọn chăm sóc sức khỏe sinh sản*, 70, Tạp chí quốc tế về sản khoa 13, 20 (2000).

17. Xem, nhận xét chung số, Ủy ban LHQ về quyền trẻ em, supra note 4, para.40 và Nhận xét chung số 4: sức khỏe vị thành niên và công tác phát triển trong khuôn khổ của công ước LHQ về quyền trẻ em, U.N. Doc. CRC/GC/2003/4 (2003), paras. 5, 7, 12(b), 22, 24, 26-29, 36-37 (nếu rõ trách nhiệm đảm bảo những người cung cấp dịch vụ y tế phải bảo mật thông tin về y tế của bệnh nhân, chỉ có thể tiết lộ khi có sự đồng thuận của vị thành niên hoặc trong các trường hợp liên quan đến việc một người lớn khác vi phạm quyền bảo mật thông tin; thúc đẩy quyền của vị thành niên được tiếp cận với thông tin về sức khỏe, quyền riêng tư và bảo mật thông tin, và quyền được đưa ra ý kiến đồng thuận độc lập dựa trên được cung cấp thông tin đầy đủ, nhất là liên quan đến những vấn đề về SKSS và tình dục, và kêu gọi các quốc gia thành viên tiến hành các biện pháp giải quyết những rào cản về văn hoá cấm kỵ xung quanh tính dục của vị thành niên).

TỰ LIỆU CỦA TRUNG TÂM CHIA SẺ KIẾN THỨC QSKTDSS CỦA ARROW

Keshia Mahmood

Cán bộ Chương trình, ARROW

Email: keshia@arrow.org.my

Trung tâm chia sẻ kiến thức QSKTDSS của ARROW (ASK-us) lưu giữ bộ sưu tập đặc biệt các tài liệu về giới, quyền phụ nữ, và quyền sức khỏe tình dục và sinh sản (QSKTDSS). Mục đích của Trung tâm là giúp các thông tin quan trọng này tiếp cận được tới tất cả mọi người. Các tư liệu của ASK-us cũng có thể sử dụng online tại <http://www.srhr-ask-us.org/>. Liên hệ ASK-us, email: keshia@arrow.org.my.

Mir-Hosseini, Ziba and Vanja Hamzic.

Control and Sexuality: The Revival of Zina Laws in Muslim Contexts. London: Women Living Under Muslim Laws, 2010. <http://www.wluml.org/node/6869>.

*Zina: thuật ngữ chỉ các qui định trong Hồi giáo về các hành vi tình dục vi phạm pháp luật.

Cuốn sách này khám phá các yếu tố văn hóa, xã hội-chính trị và luật pháp trong lịch sử và hiện tại và các bối cảnh đã dẫn đến sự phục hưng của các luật zina và cho thấy các luật zina đã từng không được sử dụng và rất hiếm được áp dụng trong bối cảnh Hồi giáo, nhưng nay lại được đưa trở lại để tiếp tục duy trì và khẳng định sự kiểm soát đối với tính dục của nam giới và nữ giới. Cuốn sách cũng ghi lại các phản kháng từ xã hội dân sự chống lại sự phục hưng của luật zina, và các chiến lược và hành động này là một di sản vô giá cho mọi xã hội bị ảnh hưởng bởi các thách thức tương tự.

TARSHI. *Sexuality and Disability in the Indian Context.* New Delhi: TARSHI, 2010. http://www.tarshi.net/downloads/Sexuality_and_Disability_in_the_Indian_Context.pdf.

(Tính dục và Khuyết tật trong bối cảnh Ấn độ)

Tính dục và Khuyết tật trong bối cảnh Ấn độ giới thiệu một cái nhìn tổng quan về thực trạng tính dục và khuyết tật ở Ấn Độ. Tài liệu này là một tập hợp các thông tin và tư liệu dựa trên các phỏng vấn với người khuyết tật, và với cha mẹ, giáo viên và những người cung cấp dịch vụ chăm sóc của họ. Tài liệu cũng đưa ra các phân tích dựa trên việc xem xét các luật và chính sách hiện hành liên quan tới tính dục và khuyết tật ở Ấn độ.

Hawkins, Kate, Stephen Wood, Tanya Charles, Xiaopei He, Zhen Li, Anne Lim, Iana Mountian, and Jaya Sharma. *Sexuality and Poverty Synthesis Report.* Institute of Development Studies (IDS), 2014. <https://opendocs.ids.ac.uk/opendocs/bitstream/handle/123456789/3525/ER53.pdf>.

(Báo cáo tổng hợp Tính dục và Nghèo đói)

Báo cáo này tổng hợp các bài học rút ra qua việc xem xét tính dục và nghèo đói trong giai đoạn 2012-2013 và là một phần của một dự án lớn hơn tập trung tìm hiểu mối liên hệ giữa tính dục, đa nguyên giới, và nghèo đói với mục tiêu cải thiện chính sách và chương trình kinh tế xã hội để hỗ trợ những người bị lề hóa vì tính dục của họ. Nghiên cứu chỉ ra rằng tính dục có mối liên quan trực tiếp tới sức khỏe toàn vẹn về thể chất, xã hội và kinh tế; sự tham gia

chính trị, và sự hòa nhập về kinh tế xã hội và việc hiện thực hóa quyền con người, đặc biệt đối với người nghèo và người bị lề hóa nhất.

Cornwall, Andrea and Susie Jolly.

"Introduction: Sexuality Matters." *IDS Bulletin* 37, no. 5 (2006): 1-11. <https://doi.org/10.1111/j.1759-5436.2006.tb00295.x>.

(Giới thiệu: Tầm quan trọng của Tính dục)

Tập san IDS này đề cập đến một chủ đề mà các chương trình phát triển chính thống thường xuyên bỏ qua: tính dục. Tính dục là về chính sách, chương trình và các mối quan hệ quyền lực, nhưng nó cũng là về khoái cảm, sự nguy hiểm, cảm xúc, sự đụng chạm, tình cảm, da, thịt và dịch cơ thể (và hy vọng là có cả việc đạt cực khoái!). Ấn phẩm này mang lại cùng lúc các vấn đề được phân tích từ khía cạnh con người trong tính dục và khía cạnh chính trị vĩ mô.

Tập san bao gồm các bài viết đa dạng từ khám phá các cách tiếp cận lý thuyết mới về quyền con người, các nghiên cứu về trải nghiệm tính dục trong các bối cảnh đa dạng khác nhau và trong những con người đa dạng khác nhau, đến các câu chuyện cá nhân của các nhà hoạt động và các sáng kiến thử nghiệm các phương thức nhằm

thay đổi cách mà tính dục và tình dục được nhìn nhận và trải nghiệm.

Jolly, Susie. *Poverty and Sexuality: What are the connections?* – Overview and Literature Review. Stockholm, Sweden: SIDA, 2010. <https://www.sxpolitics.org/wp-content/uploads/2011/05/sida-study-of-poverty-and-sexuality1.pdf>.

(Nghèo đói và Tính dục: Các mối liên hệ là gì?)

Các phân tích và tổng quan tài liệu trong ấn phẩm này cho thấy các chính sách kinh tế và nỗ lực giảm nghèo cần phải để xem xét vấn đề tính dục mang tính bao trùm hơn và hiệu quả hơn, và các cuộc đấu tranh về quyền tình dục cũng phải dành nhiều lưu ý hơn cho các chiều cạnh về giai tầng và kinh tế. Các tác giả hy vọng rằng tài liệu này sẽ hỗ trợ các hoạt động của Sida trong lĩnh vực giới, sức khỏe và quyền tình dục và sinh sản, LGBT, và giảm nghèo, cũng như các nỗ lực rộng hơn về công bằng tình dục và kinh tế.

Mai, Nicola and Russell King. “Love, Sexuality and Migration: Mapping the Issue(s).” *Mobilities* 4, no. 3 (2009): 295–307. <http://dx.doi.org/10.1080/17450100903195318>.

(Tình yêu, Tính dục và Di cư: kết nối các vấn đề)

Trong bài viết mở đầu cho số đặc biệt của tạp chí này, chúng tôi tranh luận về cả ‘khúc ngoặt tình dục’ và ‘khúc ngoặt tình cảm’ trong các nghiên cứu về di cư, đồng thời cũng nhấn mạnh sự giao cắt của hai chiều cạnh này. Phần cuối của bài viết cung cấp một tổng quan các bài viết đăng trong số đặc biệt và các chủ đề mà các bài

viết này khai thác. Cùng với nhau, các bài viết tìm hiểu các giao cắt khác nhau mang tính toàn cầu hóa của tình yêu, tính dục và di cư, và cách thức các giao cắt này hình thành và được biết đến, các cách diễn giải và thực hành đang có về di cư và định cư.

Ng, Chirk Jenn and S. F. Kamal. “Bridging the gap between adolescent sexuality and HIV risk: the urban Malaysian perspective.” *Singapore Medical Journal* 47, no. 6 (2006): 482. https://www.researchgate.net/profile/Chirk_Jenn_Ng/publication/7030999_Bridging_the_gap_between_adolescent_sexuality_and_HIV_risk_The_urban_Malaysian_perspective/links/0a85e535f9f992c173000000.pdf.

(Lấp khoảng trống giữa tính dục vị thành niên và nguy cơ lây nhiễm HIV: quan niệm của người Malaysia ở thành thị)

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp định nhằm tìm hiểu tính dục của vị thành niên và mối liên quan với nguy cơ lây nhiễm HIV ở Malaysia. Kết quả cho thấy sự khác biệt rõ ràng trong vai trò giới liên quan tới việc vị thành niên quan niệm về tình dục, lựa chọn bạn tình và giao tiếp với bạn tình. Hầu hết các thành viên tham gia nghiên cứu quan tâm tới vấn đề mang thai hơn là việc bị nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục hay HIV khi nói về tình dục an toàn. Các lý do cho việc không thực hành tình dục an toàn bao gồm sự tin tưởng giữa các bạn tình, sự hài lòng, cho rằng có nguy cơ thấp, và thái độ không tích cực với việc sử dụng bao cao su.

Institute of Development Studies. “Sexuality.” *BRIDGE Gender and Development in Brief* 18 (2007). [https://www.srhr-ask-us.org/themencode-pdf-](https://www.srhr-ask-us.org/themencode-pdf-viewer-sc/?file=https://www.srhr-ask-us.org/wp-content/uploads/2017/07/In-Brief-Sexuality-2007.pdf&settings=001101111&lang=en-US#page=&zoom=auto&pagemode=)

[viewer-sc/?file=https://www.srhr-ask-us.org/wp-content/uploads/2017/07/In-Brief-Sexuality-2007.pdf&settings=001101111&lang=en-US#page=&zoom=auto&pagemode=](https://www.srhr-ask-us.org/wp-content/uploads/2017/07/In-Brief-Sexuality-2007.pdf&settings=001101111&lang=en-US#page=&zoom=auto&pagemode=).

(Tính dục)

Tính dục có thể mang lại sự đau khổ thông qua bạo lực tình dục, HIV/AIDS, tử vong mẹ, hay việc lèse hóa những người dám phá bỏ các nguyên tắc, như những người đàn ông không nam tính, phụ nữ độc thân, người lao động tình dục, những người có mối quan hệ tình dục đồng giới, và những người chuyển giới. Tính dục cũng có thể mang lại niềm vui, sự xác nhận, sự gần gũi ấm áp, và sự toàn vẹn. Làm thế nào để chúng ta có thể tạo ra nhiều niềm vui hơn và làm giảm thiểu sự khổ đau?

Tài liệu tóm tắt này hy vọng sẽ tạo cảm hứng để mọi người suy nghĩ về câu hỏi trên—với một tổng quan và các khuyến nghị về giới, tính dục và quyền tình dục, một bài báo về Sáng kiến Quyền năng Trẻ em gái (Girl Power Initiative) của chương trình giáo dục tính dục ở Nigeria, và một bài viết về Travesti Museum (Bảo tàng chuyển giới) thúc đẩy quyền của người chuyển giới ở Peru.

Loudes, Christine and Evelyne Paradis. *Handbook on monitoring and reporting homophobic and transphobic incidents.* Belgium: ILGA Europe, 2008. https://www.ilga-europe.org/sites/default/files/Attachments/handbook_monitoring_reporting_homo-transphobic_crimes.pdf.

(Cẩm nang về giám sát và báo cáo các trường hợp kì thị người đồng tính và chuyển giới)

Mục đích của tài liệu này là nhằm góp phần cải thiện cả về số lượng và chất lượng công tác báo cáo các trường hợp kì thị người đồng tính và người chuyển giới bằng cách cung cấp các công cụ và phương pháp để ghi chép và báo cáo một cách hệ thống và thể hiện được thực tế các bạo lực liên quan tới thái độ thù hận chống lại nhóm LGBT. Tài liệu được thiết kế cho các tổ chức hoạt động về quyền của người LGBT và quyền con người có mong muốn giám sát thực trạng các trường hợp và bạo lực do định kiến với người đồng tính và chuyển giới nhằm vận động thay đổi luật pháp giúp tăng cường sự bảo vệ pháp lý với người đồng tính và chuyển giới khỏi bạo lực do định kiến với người đồng tính nam, người đồng tính nữ và người chuyển giới ở cấp độ quốc gia, châu Âu và quốc tế. Phương pháp và công cụ đề xuất trong tài liệu giúp tư liệu hóa việc các nhà nước và các chủ thể nhà nước đã bảo vệ hay không giúp bảo vệ quyền của các nạn nhân của việc bị ghét bỏ hay bạo lực như thế nào. Đây cũng là phương pháp và công cụ giám sát việc thực hiện quyền con người.

United Nations Development

Programme. *Leave no one behind – Advancing social, economic, cultural and political inclusion of LGBTI people in Asia and the Pacific.* Bangkok: UNDP, 2015. https://www.undp.org/content/dam/rbap/docs/Research%20&%20Publications/hiv_aids/rbap-hhd-2015-leave-no-one-behind.pdf.

(Không bỏ lại ai phía sau – Thúc đẩy sự hòa nhập trong xã hội, kinh tế, văn hóa và chính trị của người LGBTIQ ở Châu Á và Thái Bình Dương)

Báo cáo nhấn mạnh các tiến bộ của các

lực lượng xã hội và chính trị, bao gồm sự tăng cường vai trò của các nhóm LGBTIQ trong vận động chính sách, điều này đã dẫn tới những bước tiến trong việc chấp nhận người LGBT và các nhu cầu và quyền của họ cũng được thừa nhận rộng rãi hơn. Báo cáo này tìm hiểu các yếu tố đóng góp vào sự thành công của một số nước trong các lĩnh vực như sự thừa nhận về luật pháp và bảo vệ xã hội. Báo cáo cũng mô tả các yếu tố khiến cho nhu cầu và quyền của người LGBTI bị bỏ qua ở một số nước. Tài liệu mô tả các yếu tố xã hội gây ra tình trạng áp bức và loại trừ xã hội như các truyền thống gia trưởng, các phiên giải thủ cựu của tôn giáo và thiếu sự quản trị dân chủ.

Somera, Nina. “Que[e]r[y]ing the Climate Debates.” *Women in Action 2* (2009): 79-82. http://www.isiswomen.org/phocadownload/print/isispub/wia/wia2009-2/2wia09_18features_nina.pdf.

(Xem xét các tranh luận về khí hậu từ quan điểm khác biệt tính dục và giới)*

*Ở đây tác giả chơi chữ vì chữ Chất vấn trong tiếng Anh (query) có cùng âm với chữ queer – những người khác biệt về giới và tính dục. Tác giả đặt tên bài vừa thể hiện được mục tiêu cần chất vấn lại các vấn đề của khí hậu vừa thể hiện ẩn ý về vai trò quan trọng của sự khác biệt giới và tính dục trong các bàn luận về khí hậu.

Do mối quan tâm tới các cuộc nói chuyện về khí hậu đang nhiều lên, nhiều hoạt động được tổ chức trong cộng đồng cũng như các hoạt động huy động được lên kế hoạch. Các lý thuyết được xem lại và mở rộng. Càng ngày càng có nhiều mối liên quan được đưa ra khi mà khủng hoảng khí hậu càng ngày càng được thừa nhận

tư liệu

là một vấn đề hệ thống—cùng một cơ chế đã liên tục sản sinh ra bất bình đẳng, sự tước đoạt và bạo lực mà đã để lại các dấu ấn lên nhân dạng, thân thể và trải nghiệm sống của mọi người. Một trong những mối liên hệ này là giữa biến đổi khí hậu và các cộng đồng người đồng tính nam, đồng tính nữ, người song tính và người chuyển giới (LGBT).

The Joint United Nations Programme on HIV and AIDS. *UNAIDS Action Framework: Universal Access for Men who have Sex with Men and Transgender People.* Geneva: UNAIDS, 2009. http://data.unaids.org/pub/report/2009/jc1720_action_framework_msm_en.pdf.

(Khung Hành động UNAIDS: Tiếp cận Phổ quát cho những người Nam giới có Quan hệ Tình dục với Nam giới và người Chuyển giới)

Mục đích của khung này là nhằm giúp UNAIDS hỗ trợ và tạo điều kiện cho những người nam giới có quan hệ tình dục với nam giới và những người chuyển giới có thể tiếp cận toàn diện tới dự phòng, chăm sóc, điều trị và hỗ trợ phù hợp. Ban thư kí UNAIDS và các nhà đồng tài trợ UNAIDS nhìn nhận rằng tiếp cận phổ quát tới các chương trình HIV phù hợp cho nam giới có quan hệ tình dục với nam giới và người chuyển giới là một phần thiết yếu trong việc đạt được tiếp cận phổ quát tới chương trình tổng thể về dự phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ HIV. Cách tiếp cận này nhắm tới giảm số trường hợp nhiễm HIV mới ở mọi nơi, trong khi bảo vệ được sức khỏe và quyền của không chỉ các nhóm bị lề hóa mà cả các bạn tình nữ của họ cũng như là toàn bộ phần dân cư còn lại.

United Nations Development

Programme. *Advancing the Human Rights and Inclusion of LGBTI People: A Handbook for Parliamentarians*. New York: UNDP, 2017. <https://www.pgaction.org/inclusion/pdf/handbook/en.pdf>.

(Thúc đẩy Quyền con người và sự Hòa nhập của người LGBTI: Cẩm nang cho các nghị sĩ)

Cẩm nang này do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và mạng lưới Các nghị sĩ vì Hành động Toàn cầu (PGA) đồng sản xuất. Tài liệu đưa ra các khung làm việc về quyền con người phù hợp và nhấn mạnh vai trò của các nghị sĩ trong việc triển khai Chương trình nghị sự 2030, để đảm bảo không ai, bao gồm những người LGBTI, bị bỏ lại phía sau.

Cẩm nang đưa ra các gợi ý thực tế, các công cụ và nguồn lực được thiết kế để hỗ trợ các nghị sĩ thực hiện các hoạt động lập pháp, đại diện và giám sát nhằm thúc đẩy quyền và sự hòa nhập của những người LGBTI.

Bettcher, Talia Mae. “Evil Deceivers and Make-Believers: On Transphobic Violence and the Politics of Illusion.” *Hypatia* 22, no. 3 (2007): <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1111/j.1527-2001.2007.tb01090.x>.

(Những kẻ lừa dối xấu xa và những người tạo niềm tin: Bạo lực kì thị người chuyển giới và chiến lược ảo ảnh)

Bài luận này xem xét các khuôn mẫu mà những người chuyển giới là “người lừa dối” và vai trò của các khuôn mẫu trong việc khuyến khích và bỏ quá cho các hành vi bạo lực kì thị người chuyển giới. Các khuôn mẫu hình thành từ sự đối lập giữa biểu hiện giới (bề ngoài) và cơ thể

giới tính (thực tế bị che giấu). Bởi vì biểu hiện giới là biểu hiện bên ngoài của thực trạng cơ quan sinh dục, Bettcher tranh luận rằng, những người “không đồng nhất” được hai thứ này sẽ được xem là những kẻ nói dối. Tác giả cũng cho thấy cách thức hệ thống biểu hiện giới như là đại diện bên ngoài cho thực trạng cơ quan sinh dục này là một phần của các hệ thống phân biệt đối xử giới tính và chủng tộc lớn hơn liên quan tới bạo lực và áp chế.

Asia Pacific Council of AIDS Service Organisations (APCASO). “Men Who Have Sex With Men and The 2011 Political Declaration on HIV/AIDS.” *InFocus* 5 (2012): <https://www.srhr-ask-us.org/themencode-pdf-viewer-sc/?file=https://www.srhr-ask-us.org/wp-content/uploads/2017/07/InFocus-Vol-5-MSM-May12.pdf&settings=001101111&lang=en-US#page=&zoom=auto&pagemode=>.

(Nam giới có Quan hệ Tình dục với Nam giới và Tuyên bố Chính trị về HIV năm 2011)

Ấn phẩm này xem xét những điều mà Tuyên bố Chính trị về HIV năm 2011 đã đề cập cụ thể về các Nam giới có Quan hệ Tình dục với Nam giới và tác động lên cuộc sống của họ ở khu vực Châu Á và Thái Bình Dương. Đáng lưu ý là hầu hết các tuyên bố này cũng có thể áp dụng với những người chuyển giới, những người đã bị loại một cách có chủ đích ra khỏi danh sách các nhóm dân cư bị ảnh hưởng chính. Tài liệu nhấn mạnh việc cần có nhiều hơn các hoạt động vận động chính sách xung quanh việc thừa nhận những người chuyển giới như là một phần riêng biệt với cộng đồng Nam giới có Quan hệ Tình dục với Nam giới.

Bettcher, Talia Mae. “Understanding transphobia: Authenticity and sexual violence.” *Trans/Forming Feminisms: Trans-Feminist Voices Speak Out* (2006): 203-10. <https://www.srhr-ask-us.org/themencode-pdf-viewer-sc/?file=https://www.srhr-ask-us.org/wp-content/uploads/2017/07/Understanding-Transphobia-Authenticity-and-Sexual-Violence-2006.pdf&settings=001101111&lang=en-US#page=&zoom=auto&pagemode=>.

(Hiểu về kì thị người chuyển giới: tính nguyên bản và bạo lực tình dục)

Chương sách cụ thể này cung cấp một cách nhìn mới liên quan tới hiểu biết về kì thị với người chuyển giới và bạo lực do kì thị với người chuyển giới. Như là hầu hết những người chuyển giới sẽ đồng ý, kì thị người chuyển giới và bạo lực do kì thị với người chuyển giới là các thực tế đã tác động quan trọng đến cuộc sống của chúng ta. Việc chúng ta hiểu nỗi sợ hãi và ghét bỏ này là rất quan trọng vì hiểu biết này sẽ định hướng các hoạt động chống đối và phản kháng.

Das, Arpita and Remi Joseph-Salisbury. “Sexualities and Disabilities.” *Graduate Journal of Social Science* 12, no. 1 (2016). <http://gjss.org/sites/default/files/issues/full/GJSS%20Vol%2012-1.pdf>.

(Tính dục và Khuyết tật)

Số đặc biệt về ‘tính dục và khuyết tật’ của tạp chí bình duyệt liên ngành này giới thiệu và đề cập các tiếng nói ít được đại diện và bị lề hóa của những người khuyết tật và vấn đề tính dục của họ. Các bài viết trong số đặc biệt này đề cập đến một loạt

các chủ đề rộng bao gồm người khuyết tật trong chiến tranh, khuyết tật tâm thần, người chăm sóc của những người lính khuyết tật trong chiến tranh, sự thể hiện khuyết tật trong nghệ thuật và văn hóa, và việc đặt các vấn đề của người khuyết tật bên cạnh các vấn đề của các cộng đồng bị lề hóa khác như những người thuộc nhóm giới và tính dục đa dạng.

Collet, Angela. Interrogating ‘Sexualities’ at Beijing+10. *Sexuality Policy Watch*, 2006. <http://sxpolitics.org/working-paper-n3-by-angela-collet/wp-content/uploads/2009/03/workingpaper31.pdf>.

(Thảo vấn ‘Tính dục’ ở Beijing+10)

Vẫn còn nhiều thách thức và trở ngại trong lĩnh vực chính trị tính dục tiếp tục ở đó để chờ được giải quyết. Với các thành công trong quá khứ và hiện tại và cốt yếu nhất, trong các thách thức mà thái độ địa chính trị thù địch hiện thời đặt ra đối với tính dục, các hoạt động vận động và lý thuyết cần phải được phát triển để làm căn cứ cho việc mở rộng tính hợp pháp chính trị và chính sách của quyền tính dục và các vấn đề chính sách liên quan. Bài báo này nhằm vào việc chia sẻ các khó khăn và thành công trong tiến trình Beijing+10, như là một đóng góp vào các bàn luận mang tính lý thuyết và các chiến lược vận động trong tương lai.

CÁC TƯ LIỆU KHÁC

United Nations Human Rights.

Homophobic and transphobic violence. https://www.ohchr.org/Documents/Issues/Discrimination/LGBT/FactSheets/unfe-27-UN_Fact_Sheets_Homophobic_English.pdf.

(Bạo lực trên cơ sở định kiến người đồng tính và người chuyển giới)

Tờ thông tin hai trang này do Liên hợp quốc về Quyền con người (UNHR) thực hiện đưa ra các báo cáo về tình trạng bạo lực với người đồng tính và người chuyển giới trên toàn thế giới, bao gồm từ việc bắt nạt tinh thần thường diễn và gây hấn tới việc bị tấn công thân thể, tra tấn, bắt cóc và giết người có chủ đích. Bạo lực tình dục cũng được báo cáo rộng rãi, bao gồm cả cái gọi là cưỡng hiếp “chính sai” hay “trừng phạt”, trong đó người nam giới cưỡng hiếp người phụ nữ được cho là người đồng tính nữ với cái cớ là để “chữa” cho nạn nhân của họ khỏi đồng tính. Tài liệu cũng đưa các yêu cầu bắt buộc cho các nhà nước theo luật pháp quốc tế để bảo vệ người LGBT được thực hiện các quyền được sống, được an toàn và không bị hành hạ hay đối xử tàn tệ. Tài liệu đưa ra các ví dụ về bạo lực và các trường hợp được báo cáo tới văn phòng UNHR.

University of Guelph – Human Rights and Equity Office. Recognizing Heterosexism, Homophobia and Transphobia: creating a queer- positive university. <https://www.uoguelph.ca/diversity-human-rights/sites/uoguelph.ca.dhr/files/public/RecognizingHeterosexism.pdf>.

(Nhận diện Phân biệt đối xử dị tính, Định kiến đồng tính và Định kiến với người chuyển giới: xây dựng một trường đại học thân thiện với đa dạng giới và tính dục)

Duy trì và thúc đẩy phẩm giá con người và một giá trị cốt lõi tại Đại học Guelph. Do vậy, trường Đại học cam kết xây dựng một khuôn viên trường không kì thị. Cuốn sách nhỏ này mô tả chi tiết quan điểm của trường đối với hành vi phân biệt đối xử và quấy rối trên cơ sở xu hướng tính

dục và bản dạng giới.

FILMS/PHIM TÀI LIỆU

Out and About (2016) (Bước ra và là thế) Đây là một phim tài liệu 30 phút đưa người xem vào thế giới các thành viên gia đình của người LGBTs, ở những nước nơi mà người đồng tính là bất hợp pháp hay nơi mà kì thị người đồng tính còn rất nặng nề. Bộ phim giới thiệu ba chân dung cảm động và ám áp về ba gia đình ở Nga, Kenya và Indonesia, những người phải đối mặt với định kiến và thách thức vì con cái họ là người đồng tính. Xem thêm về phim tại: <https://www.humanrightsinthepicture.org/out-about/> and <https://koensuidgeest.com/current-and-past-projects/out-about/>.

Scarlet Road (2011) (Con đường màu đỏ) là một phim tài liệu tìm hiểu cuộc đời của Rachel Wotton, người Úc, một người hành nghề lao động tình dục ở New South Wales (nơi mà lao động tình dục không bị coi là phạm tội) và bán dịch vụ cho các khách hàng là những người khuyết tật. Nhận thấy người khuyết tật cũng có quyền được có các mối quan hệ gần gũi gần bó như tất cả những người khác, cô thiết lập Touching Base, một tổ chức tập trung vào giáo dục mọi người về nhu cầu tình dục của người khuyết tật. Bộ phim Scarlet Road tràn ngập những âm hưởng cảm xúc, khi những người đàn ông mô tả cảm xúc họ như được sống lại lần nữa sau khi có thể thực sự được chạm vào ai đó. Bộ phim đã nói lên được chức năng của tình dục trong việc khiến một người được cảm thấy là con người, đơn giản và giản dị.

Xem thêm về phim ở: https://www.youtube.com/watch?v=mOpC0tYp_Qg.

Word Is Out: Stories of Some of Our Lives (1977) (Nói ra: Một số câu chuyện trong cuộc sống của chúng ta) Là một phim tài liệu ghi lại các cuộc phỏng vấn với 26 người đồng tính nam và nữ. Những người tham gia phỏng vấn có tuổi từ 18 tới 77, tại các địa điểm từ San Francisco tới New Mexico tới Boston, với đủ các ngành nghề từ những người nội trợ cần mẫn tới sinh viên tới doanh nhân bảo thủ tới những nam giới có phong cách ăn mặc nữ tính nóng nảy và về chủng tộc thì từ người Caucasian tới Hispanic, African-American và người châu Á. Những người tham gia phỏng vấn đã mô tả các trải

nh nghiệm của họ liên quan tới việc công khai xu hướng tính dục; yêu và chia tay; và nỗ lực vất vả chống lại các điều luật mang tính định kiến, khuôn mẫu và phân biệt đối xử. xem thêm về phim tại <http://www.wordisoutmovie.com/> and https://www.youtube.com/watch?v=AHMYSuUr_f8.

The Celluloid Closet (1995) là một phim tài liệu của Mỹ về lịch sử phim chuyển động, đặc biệt là phim Hollywood, đã khắc họa các nhân vật đồng tính nam, đồng tính nữ, song tính và chuyển giới trong phim như thế nào. Từ các nhân vật éo lá tới các qui định kiểm duyệt trong Luật sản xuất phim của Hollywood, các nhân vật đồng tính được mã hóa và các khuôn mẫu tàn nhẫn độc ác tới các thay đổi được thực hiện vào những năm đầu 1990. Xem thêm về phim tại: https://en.wikipedia.org/wiki/The_Celluloid_Closet and https://www.youtube.com/watch?v=JL_vrb4-6_0.

ĐỊNH NGHĨA

Thể hiện giới (Gender Expression): Sự trình diễn của mỗi cá nhân về giới của người đó thông qua các biểu hiện thể chất bên ngoài—bao gồm quần áo, kiểu tóc, đồ phụ kiện, trang điểm—và phong thái, điệu bộ, cách nói, giọng nói, hành vi, tên và các đặc điểm riêng khác và cũng cần lưu ý thêm là thể hiện giới có thể hoặc không phù hợp với bản dạng giới của người đó.¹

Bản dạng giới (Gender Identity): Được hiểu là sự cảm nhận sâu sắc bên trong của mỗi cá nhân và trải nghiệm của cá nhân về giới, mà có thể tương đồng hoặc không tương đồng với giới tính khi sinh, bao gồm cả cảm nhận của cá nhân về cơ thể (mà nếu được tự do lựa chọn, có thể dẫn tới việc thay đổi cơ thể về hình thức bên ngoài hoặc chức năng thông qua việc sử dụng thuốc, phẫu thuật hoặc các phương thức khác) và các thể hiện khác về giới bao gồm quần áo, cách nói và điệu bộ.²

Sức khỏe Sinh sản (Reproductive Health): “Một trạng thái hoàn toàn thoải mái về thể chất, tinh thần và xã hội và không chỉ là không bị ốm đau hoặc không

khỏe mạnh, trong mọi vấn đề liên quan tới hệ thống sinh sản cũng như các chức năng và tiến trình liên quan.

Sức khỏe sinh sản do vậy cũng có nghĩa là các cá nhân có thể có một đời sống tình dục an toàn và thỏa mãn và có khả năng sinh sản và được tự do quyết định về việc có sinh con hay không, khi nào và số con. Đằng sau điều kiện này chính là quyền của phụ nữ và nam giới được thông tin đầy đủ và được tiếp cận tới các phương pháp kế hoạch hóa gia đình an toàn, hiệu quả, chi phí chấp nhận được and chấp nhận được để có thể lựa chọn được phương pháp phù hợp, cũng như các phương pháp khác mà họ có thể lựa chọn để kiểm soát việc sinh sản của họ miễn là không vi phạm pháp luật, và quyền tiếp cận tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe phù hợp để phụ nữ có thể đi qua giai đoạn mang thai và sinh con an toàn và cung cấp cho các cặp đôi cơ hội tốt nhất để có những đứa trẻ khỏe mạnh.”³

Quyền sinh sản (Reproductive

Rights): “Bao gồm một số quyền con người đã được ghi nhận trong các luật của quốc gia, các tài liệu về quyền con người quốc tế và các văn bản đồng thuận khác. Các quyền này dựa trên sự thừa nhận quyền cơ bản của tất cả các cặp đôi và cá nhân được quyền quyết định một cách tự do và có trách nhiệm về số con, khoảng cách giữa các lần sinh và thời điểm sinh con của họ và có thông tin và phương tiện để làm điều đó, và quyền được có tình trạng tốt nhất về sức khỏe sinh sản và tình dục. Như đã được thể hiện trong các tài liệu về quyền con người, quyền này cũng bao gồm quyền được ra quyết định về sinh sản mà không bị phân biệt đối xử, cưỡng ép, và bạo lực.”⁴

Các đặc điểm giới tính (Sex

Characteristics): Các đặc điểm thể chất của mỗi người liên quan tới giới tính bao gồm cơ quan sinh dục và các đặc điểm nổi bật, nhiễm sắc thể và giải phẫu sinh sản và tình dục, và các đặc điểm thể chất thứ cấp khác hình thành từ khi dậy thì.⁵

Sức khỏe tình dục (Sexual Health):

“Trạng thái hoàn toàn thoải mái về thể chất, tinh thần và xã hội liên quan tới tính dục, chứ không chỉ là việc không có bệnh tật, rối loạn chức năng hay không khỏe mạnh. Sức khỏe tình dục đòi hỏi một cách tiếp cận tích cực và tôn trọng với tính dục và mối hệ tình dục, cũng như là khả năng có các trải nghiệm tình dục

khoái cảm và an toàn, không bị cưỡng bức, phân biệt đối xử hay bạo lực. Để sức khỏe tình dục có thể đạt được và duy trì, quyền tình dục của các cá nhân phải được tôn trọng, bảo vệ và thực hiện.”⁶

Xu hướng tình dục (Sexual

Orientation): Được sử dụng để mô tả khả năng của một người thấy cuốn hút mạnh mẽ về cảm xúc, tình yêu và tình dục, và các mối quan hệ gần gũi, gần bó bao gồm cả sự gần gũi thể xác với các cá nhân khác giới hay cùng giới hay là nhiều hơn một giới.⁷

Quyền tình dục (Sexual Rights):

“Hàm chứa các quyền con người đã được ghi nhận trong các qui định luật pháp và tài liệu về quyền con người được thống nhất trên quốc tế. Các quyền này bao gồm quyền các cá nhân không bị cưỡng bức, phân biệt đối xử và bạo lực và quyền được có mức độ cao nhất về sức khỏe liên quan tới tính dục bao gồm việc tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tình dục và sinh sản; được tìm kiếm, tiếp nhận và cung cấp các thông tin về tính dục; giáo dục tính dục’ tôn trọng sự toàn vẹn của cơ thể; lựa chọn người để kết đôi; quyết định có hay không có quan hệ tình dục; quan hệ tình dục đồng thuận; kết hôn đồng thuận; quyết định có sinh con hay không và khi nào; và theo đuổi một đời sống tình dục thỏa mãn, an toàn và có khoái cảm.”⁸

Tính dục (Sexuality):

“Sức khỏe tình dục không thể được định nghĩa, hiểu hoặc thực hiện mà không hiểu biết về các khía cạnh rộng hơn của tính dục, những yếu tố quyết định các hành vi và kết quả quan trọng của sức khỏe tình dục. Định nghĩa về tính dục đang được sử dụng là: ...một khía cạnh trung tâm xuyên suốt cuộc sống con người bao gồm giới tính, bản dạng và vai trò giới, xu hướng tình dục, sự kêu gọi, khoái cảm, sự gần gũi gần bó và sinh sản. Tính dục được trải nghiệm và thể hiện trong suy nghĩ, tưởng tượng, ham muốn, niềm tin, thái độ, giá trị, hành vi, thực hành, vai trò và các mối quan hệ. Trong khi tính dục có thể bao gồm tất cả các chiều cạnh này, không phải tất cả đều luôn được trải nghiệm và thể hiện. Tính dục bị ảnh hưởng bởi sự giao thoa của các yếu tố sinh học, tâm lý, xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa, luật pháp, lịch sử, tôn giáo và tín ngưỡng.”⁹

Ghi chú và Tài liệu tham khảo

1. Nguyên tắc Yogyakarta cộng 10 – Các Nguyên tắc Bổ sung và Ràng buộc của Nhà nước về Áp dụng các Luật Quyền Con người Quốc tế liên quan tới Xu hướng Tính dục, Thể hiện Giới và Các đặc điểm giới tính bổ sung cho Nguyên tắc Yogyakarta, 10 tháng 11, 2017, có tại: http://yogyakartaprinciples.org/wp-content/uploads/2017/11/A5_yogyakartaWEB-2.pdf.
2. Nguyên tắc Yogyakarta – Các Nguyên tắc về Áp dụng các Luật Quyền Con người Quốc tế liên quan tới Xu hướng Tính dục và Bản dạng Giới, 9 tháng 11, 2006, có tại: http://yogyakartaprinciples.org/wp-content/uploads/2016/08/principles_en.pdf.
3. Liên hợp quốc, “Chương trình Hành động được Thông qua tại Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển Cairo,” 5–13 tháng 9, 1994, Phiên bản kỉ niệm lần thứ 20 (New York: UNFPA, 2014), đoạn 7.2, http://www.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/programme_of_action_Web%20ENGLISH.pdf.
4. Liên hợp quốc, “Chương trình Hành động,” đoạn 7.3.
5. Nguyên tắc Yogyakarta cộng 10 – Các Nguyên tắc Bổ sung và Ràng buộc của Nhà nước về Áp dụng các Luật Quyền Con người Quốc tế liên quan tới Xu hướng Tính dục, Thể hiện Giới và Các đặc điểm giới tính bổ sung cho Nguyên tắc Yogyakarta, 10 tháng 11, 2017, có tại: http://yogyakartaprinciples.org/wp-content/uploads/2017/11/A5_yogyakartaWEB-2.pdf.
6. Đây là định nghĩa đang sử dụng, không phải là định nghĩa chính thức của WHO. Xem: WHO, “Sức khỏe Tình dục và Sinh sản,” http://www.who.int/reproductivehealth/topics/gender-rights/sexual_health/en/.
7. Nguyên tắc Yogyakarta – Các Nguyên tắc về Áp dụng các Luật Quyền Con người Quốc tế liên quan tới Xu hướng Tính dục và Bản dạng Giới, 9 tháng 11, 2006, có tại: http://yogyakartaprinciples.org/wp-content/uploads/2016/08/principles_en.pdf.
8. WHO, “Sức khỏe Tình dục và Sinh sản.”
9. Trích dẫn từ trang web của WHO: http://www.who.int/reproductivehealth/topics/sexual_health/sh_definitions/en/.

KHUNG PHÁP LÝ XOAY QUANH QUYỀN TÍNH DỤC

Samreen Shahbaz

Các bộ Chương trình Cao cấp, ARROW

Email: samreen@arrow.org.my

Giới thiệu: Có rất nhiều yếu tố giao thoa như văn hóa, tài chính, hậu cần, thể chế, pháp lý và chính sách, có vai trò quyết định quyền tính dục của một người. Tuy nhiên khung pháp lý của một quốc gia cung cấp nền tảng cho việc phát triển chính sách và chương trình liên quan tới quyền tính dục ở nước đó. Bảng dưới sẽ cung cấp một cái nhìn toàn diện về khung pháp lý liên quan tới độ tuổi được quyết định đồng thuận quan hệ tình dục, độ tuổi tối thiểu để kết hôn, quyền hợp pháp để tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản tình dục, tình trạng pháp lý của quan hệ đồng tính đồng thuận và quan hệ trước hôn nhân để đánh giá cách luật pháp kiểm soát quyền tính dục của các cá nhân.

KHUNG PHÁP LÝ LIÊN QUAN TỚI QUYỀN TÍNH DỤC

Tuổi đồng thuận	Tuổi kết hôn	Thẩm quyền của bên thứ ba hoặc cha mẹ cho phép trẻ được tiếp cận với dịch vụ SKSSTD	Hình sự hóa đồng tính	Hình sự hóa việc quan hệ tình dục trước hôn nhân
-----------------	--------------	---	-----------------------	--

ẤN ĐỘ

Độ tuổi đồng thuận tại Ấn Độ là 18 tuổi, theo Đạo luật Phòng chống Xâm hại Trẻ em năm 2012. Những người 17 tuổi hoặc ít hơn tại Ấn Độ không được phép đưa ý kiến đồng thuận với các hoạt động tình dục về mặt pháp lý, và người tham gia vào những hoạt động này sẽ phải đối mặt với việc bị truy tố theo tội hiếp dâm hoặc theo luật địa phương tương tự.	Dựa theo Đạo luật Phòng chống Tảo hôn năm 2006, độ tuổi tối thiểu để kết hôn tại Ấn Độ là 18 tuổi và không có ngoại lệ.	Bộ luật Hình sự của Ấn Độ đã quy định rằng không trẻ em nào dưới 12 tuổi được phép tự mình đồng ý sử dụng bất cứ dịch vụ nào. Tuy nhiên, nhìn chung thì người vị thành niên được quyền sử dụng mọi biện pháp tránh thai có sẵn và độ tuổi không được lấy ra để làm lý do cho việc không được tiếp cận dịch vụ. ¹	Theo phán quyết của Tòa án Tối cao trường hợp Navtej Singh Johar kiện Liên hiệp Ấn Độ, quan hệ tình dục đồng thuận giữa những người trưởng thành bất kể giới và xu hướng tính dục là hợp pháp.	Việc quan hệ trước hôn nhân tự nguyện giữa hai người trưởng thành không được coi là vi phạm pháp luật. Vào năm 2010, Tòa án Tối cao đã đưa ra phán quyết rằng việc sống chung và quan hệ trước hôn nhân giữa hai người trưởng thành tự nguyện không bị coi là tội hình sự. ²
--	---	---	--	---

BANGLADESH

Dựa theo Bộ luật Hình sự năm 1860, độ tuổi tự nguyện cho người vị thành niên kết hôn là 13 tuổi. Luật pháp không nói đến quy định về độ tuổi đồng thuận cho nam, tuy nhiên theo Nari O Shishu Nirjatan Daman Ain, 2000 (được sửa đổi năm 2003) [Đạo luật Phòng chống Bạo lực với Phụ nữ và Trẻ em 2000 (được sửa đổi vào 2003)], độ tuổi đồng thuận tham gia các hoạt động tình dục cho nữ là 16 tuổi.	Độ tuổi tối thiểu để kết hôn tại Bangladesh là 18 tuổi cho nữ và 21 tuổi cho nam. Tuy nhiên Đạo luật Hạn chế Tảo hôn 2017 có một lỗ hổng khi mà tòa án có thể cho phép tảo hôn trong “một số trường hợp đặc biệt”, mà không nêu ra rõ ràng “một số trường hợp đặc biệt” bao gồm những gì. ³	Mặc dù luật pháp và chính sách không cấm thanh thiếu niên chưa kết hôn được tiếp cận tới dịch vụ SKSSTD, những người cung cấp dịch vụ thường có thành kiến với người trẻ tuổi và thường từ chối cung cấp dịch vụ SKSSTD.	Các hoạt động đồng tính bị pháp luật hạn chế. Theo Điều 377 của bộ luật Hình sự năm 1860, quan hệ tình dục “trái với tự nhiên” sẽ bị trừng phạt theo pháp luật.	Luật tục/luật tôn giáo được áp dụng với việc quan hệ trước hôn nhân và việc này được coi là sai trái trong Hồi giáo.
--	--	--	---	--

KHUNG PHÁP LÝ LIÊN QUAN TỚI QUYỀN TÍNH DỤC				
Tuổi đồng thuận	Tuổi kết hôn	Thẩm quyền của bên thứ ba hoặc cha mẹ cho phép trẻ được tiếp cận với dịch vụ SKSSTD	Hình sự hóa đồng tính	Hình sự hóa việc quan hệ tình dục trước hôn nhân
TRUNG QUỐC				
Dựa theo Điều khoản 236 của Bộ luật Hình sự, độ tuổi đồng thuận cho nữ là 14 tuổi trong khi đối với nam không quy định độ tuổi đồng thuận cho nam. ⁵	Dựa theo Luật Hôn nhân 1980 của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, độ tuổi kết hôn cho nam là 22 tuổi và cho nữ là 20 tuổi.	Không cần có sự cho phép của phụ huynh để tiếp cận các biện pháp tránh thai. Tuy nhiên, có tồn tại định kiến của người cung cấp dịch vụ.	Mặc dù không có luật nào hình sự hóa đồng tính, hiện nay hôn nhân đồng tính vẫn không được công nhận bởi pháp luật.	Quan hệ trước hôn nhân không bị hình sự hóa.
INDONESIA				
Dựa theo Bộ luật Hình sự của Indonesia, độ tuổi đồng thuận cho cả nam và nữ là 15 tuổi. ⁶	Độ tuổi kết hôn hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân năm 1971 là 21 tuổi cho cả nam và nữ. Tuy nhiên, nữ 19 tuổi và nam 20 tuổi có thể kết hôn nếu có sự đồng ý của phụ huynh. Trong nghị định Quốc hội, Indonesia đã cải cách lại luật Hôn nhân 1974 để nâng độ tuổi kết hôn hợp pháp tối thiểu cho nữ từ 16 tuổi lên 19 tuổi. ⁷	Dựa theo Chính sách Y tế năm 2009, chỉ những cặp đôi đã kết hôn có quyền tiếp cận các biện pháp tránh thai một cách hợp pháp. Thậm chí các biện pháp tránh thai và dịch vụ tư vấn về SKSSTD chỉ có thể được cung cấp bởi chuyên gia được đào tạo bài bản. Các biện pháp tránh thai khẩn cấp chỉ được cung cấp khi được kê đơn.	Tuy rằng không có luật quốc gia hay luật liên bang nào hình sự hóa đồng tính, luật địa phương ở một số tỉnh thành (ví dụ như tỉnh Aceh) cấm những hoạt động đồng tính tự nguyện. ⁸	Tuy rằng không có luật quốc gia hay luật liên bang nào hình sự hóa việc quan hệ trước hôn nhân, luật địa phương ở tỉnh Aceh hình sự hóa việc quan hệ trước hôn nhân và ngoài hôn nhân. ⁹
NEPAL				
Dựa theo Bộ luật Hình sự năm 2017, độ tuổi đồng thuận của nữ là 18 tuổi. Luật pháp không nói đến quy định về độ tuổi đồng thuận cho nam.	Dựa theo Bộ luật Hình sự năm 2017, độ tuổi tối thiểu để kết hôn cho nữ đã được nâng lên từ 18 tuổi lên 20 tuổi. ¹⁰	Sự đồng thuận của bên thứ ba là không cần thiết để tiếp cận tới dịch vụ SKSSTD và các dịch vụ tư vấn. Tuy nhiên, sự định kiến của những người cung cấp dịch vụ đã trở thành rào cản hạn chế người vị thành niên và thanh niên tiếp cận tới những dịch vụ này.	Nepal không có bất cứ luật nào hình sự hóa đồng tính. Tuy nhiên, kết hôn đồng giới vẫn chưa được hợp pháp hóa.	Quan hệ trước hôn nhân giữa hai người trưởng thành đủ tuổi đồng thuận hoạt động tình dục là hợp pháp.

KHUNG PHÁP LÝ LIÊN QUAN TỚI QUYỀN TÍNH DỤC

Tuổi đồng thuận	Tuổi kết hôn	Thẩm quyền của bên thứ ba hoặc cha mẹ cho phép trẻ được tiếp cận với dịch vụ SKSSTD	Hình sự hóa đồng tính	Hình sự hóa việc quan hệ tình dục trước hôn nhân
-----------------	--------------	---	-----------------------	--

MALAYSIA

Độ tuổi đồng thuận ở Malaysia là 16 tuổi. Tuy nhiên, Đạo luật Tuổi trưởng thành của Malaysia năm 1971 đã quy định rằng 18 tuổi là độ tuổi hợp pháp cho phép cá nhân có quyền đưa ra quyết định pháp lý, không bao gồm hôn nhân. ¹¹	Dựa theo Đạo luật Tuổi trưởng thành năm 1971, độ tuổi kết hôn hợp pháp tối thiểu cần thiết để đưa ra quyết định mang tính chất pháp lý là 18 tuổi. Tuy nhiên, một vài ngoại lệ vẫn tồn tại liên quan tới hôn nhân. Dựa theo Luật Cải Cách (Hôn nhân và Ly dị) Đạo luật năm 1971, độ tuổi tối thiểu để kết hôn là 18. Tuy nhiên, có thể hạ thấp xuống thành 16 tuổi nếu như có sự cho phép của người đứng đầu của bang. ¹²	Dựa theo Đạo luật Quyền Trẻ em và Tuổi trưởng thành năm 1971, sự cho phép của phụ huynh là cần thiết để tiến hành bất cứ thủ tục y tế trên những người dưới 18 tuổi. Việc này được áp dụng với dịch vụ SKSSTD, bao gồm cả việc được tiếp cận tới những biện pháp tránh thai.	Dựa theo Bộ luật Hình sự, các hoạt động tình dục đồng giới bị hình sự hóa ở Malaysia. ¹³	Quan hệ trước hôn nhân không bị hình sự hóa ở Malaysia. Tuy nhiên, luật Shariah, chỉ được áp dụng với những người theo đạo Hồi, cấm mọi hoạt động tình dục ngoài hôn nhân (trước hôn nhân và ngoài hôn nhân).
---	--	--	---	---

SRI LANKA

Dựa theo Bộ luật Hình sự tại nước này, độ tuổi đồng thuận tối thiểu cho nữ là 16 tuổi. Luật pháp không quy định một độ tuổi nhất định cho nam. ¹⁴	Độ tuổi kết hôn tối thiểu là 18 tuổi cho cả nam và nữ.	Những cặp đôi trẻ tuổi đã kết hôn có thể tiếp cận các dịch vụ SKSSTD và không có một độ tuổi tối thiểu để làm điều này. Những thanh niên chưa kết hôn cũng có thể tiếp cận các dịch vụ SKSSTD, tuy nhiên định kiến của người cung cấp dịch vụ vẫn tồn tại. Việc phá thai bị pháp luật cấm đoán bất kể tình trạng hôn nhân. ^{15, 16}	Bộ luật Hình sự hình sự hóa quan hệ đồng tính. ¹⁷	Quan hệ trước hôn nhân không bị hình sự hóa dưới khung pháp lý hiện tại.
--	--	--	--	--

PHILIPPINES

Độ tuổi đồng thuận tình dục ở Philippines được quy định là 12 tuổi cho cả nam lẫn nữ. ¹⁸	Dựa theo Luật Gia đình năm 1988, độ tuổi tối thiểu để kết hôn được quy định là 18 tuổi cho cả nam và nữ. Tuy nhiên, nữ giới có thể kết hôn sớm hơn nếu như họ đã dậy thì với sự cho phép của tòa án dựa theo luật Hồi giáo về tình trạng cá nhân. ¹⁹	Dưới Đạo luật Phụ huynh có Trách nhiệm và Sức khỏe Sinh sản 2012, người vị thành niên (dưới 18 tuổi) bắt buộc phải có sự cho phép của phụ huynh để tiếp cận các biện pháp tránh thai.20 Phá thai bị pháp luật cấm đoán bất kể độ tuổi. ²¹	Hoạt động tình dục riêng tư kín đáo, phi thương mại giữa hai người trưởng thành không bị hình sự hóa tại nước này. ²²	Quan hệ trước hôn nhân không bị hình sự hóa.
---	---	--	--	--

KHUNG PHÁP LÝ LIÊN QUAN TỚI QUYỀN TÍNH DỤC				
Tuổi đồng thuận	Tuổi kết hôn	Thẩm quyền của bên thứ ba hoặc cha mẹ cho phép trẻ được tiếp cận với dịch vụ SKSSTD	Hình sự hóa đồng tính	Hình sự hóa việc quan hệ tình dục trước hôn nhân
THÁI LAN				
Dựa theo Bộ luật Hình sự Sửa đổi (Số 19) năm B.E. 2559 (2007), độ tuổi đồng thuận được quy định là 15 tuổi cho cả nam lẫn nữ.	Theo luật Dân dụng và Thương mại năm 1985 của Thái Lan, độ tuổi kết hôn kết hôn tối thiểu là 20 tuổi, những cá nhân 17 tuổi hoặc thấp hơn có thể kết hôn nếu có sự đồng ý từ Tòa án. ²³	Người vị thành niên và thanh thiếu niên không cần phải có sự cho phép của bên thứ ba hoặc phụ huynh để được tiếp cận với các dịch vụ SKSSTD.	Các hoạt động tình dục đồng giới không bị hình sự hóa.	Quan hệ trước hôn nhân không bị hình sự hóa.
MÔNG CỔ				
Độ tuổi đồng thuận được quy định là 16 tuổi.	Dựa theo luật Gia đình năm 1999, độ tuổi kết hôn tối thiểu là 18 tuổi không có ngoại lệ. ²⁴	Không cần sự cho phép của phụ huynh để được tiếp cận các dịch vụ SKSSTD.	Mặc dù không có luật nào về tình dục đồng giới, hôn nhân đồng giới vẫn chưa được công nhận bởi luật địa phương. ²⁵	Quan hệ trước hôn nhân không bị hình sự hóa ở Mông Cổ. ²⁶
VIỆT NAM				
Dựa theo Bộ luật Hình sự, độ tuổi đồng thuận được quy định là 16 tuổi. Mọi quan hệ tình dục với người dưới 13 tuổi sẽ được coi là tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112(4)). Mọi quan hệ tình dục với người 13, 14, hoặc 15 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự dựa theo Điều 115 của bộ luật Hình sự. ²⁷	Dựa theo Luật Hôn nhân và Gia đình, độ tuổi tối thiểu cho nữ là 18 tuổi và cho nam là 20 tuổi. ²⁸	Sự cho phép của phụ huynh là không cần thiết để được tiếp cận với các biện pháp phòng tránh thai. Tuy nhiên, cần sự cho phép của phụ huynh để xét nghiệm HIV nếu như người đầy nhỏ hơn 18 tuổi.	Quan hệ đồng tính đồng thuận không bị hình sự hóa tại Việt Nam. Vào năm 2015, Việt Nam xóa bỏ hình sự hóa hôn nhân đồng giới.	Quan hệ trước hôn nhân không bị hình sự hóa tại Việt Nam. ²⁹
PAKISTAN				
Dựa theo Bộ luật Hình sự, độ tuổi đồng thuận cho nữ được quy định là 16 tuổi. Luật pháp không quy định độ tuổi đồng thuận cho nam.	Dựa theo Luật Phòng chống Tảo hôn năm 1921, độ tuổi kết hôn tối thiểu là 16 tuổi cho nữ và 18 tuổi cho nam. ³⁰ Tỉnh Sindh đã thay bằng Luật Phòng chống Tảo hôn năm 2014 và nâng độ tuổi kết hôn tối thiểu cho nữ lên 18 tuổi. ³¹	Thanh thiếu niên được tiếp cận các biện pháp phòng tránh thai một cách hợp pháp mà không cần sự cho phép của phụ huynh hoặc bên thứ ba. Tuy nhiên, sự thiếu bảo mật và định kiến của người cung cấp dịch vụ vẫn còn tồn tại. Người dưới 18 tuổi muốn tiếp cận với các dịch vụ xét nghiệm HIV cần sự cho phép của phụ huynh. ³²	Các hoạt động tình dục đồng giới bị ngăn cấm bởi pháp luật. Dựa theo Điều 377 của Bộ luật Hình sự năm 1860, quan hệ tình dục “trái với tự nhiên” sẽ bị trừng phạt bởi pháp luật.	Dựa theo sắc lệnh Ordinance năm 1979, quan hệ tình dục trước hôn nhân và ngoài hôn nhân bị hình sự hóa. ³³

KHUNG PHÁP LÝ LIÊN QUAN TỚI QUYỀN TÍNH DỤC

Tuổi đồng thuận	Tuổi kết hôn	Thẩm quyền của bên thứ ba hoặc cha mẹ cho phép trẻ được tiếp cận với dịch vụ SKSSTD	Hình sự hóa đồng tính	Hình sự hóa việc quan hệ tình dục trước hôn nhân
FIJI				
Dựa theo Bộ luật Hình sự năm 2009, độ tuổi đồng thuận được quy định cho cả nam và nữ là 18 tuổi. ³⁴	Độ tuổi kết hôn tối thiểu cho cả nam và nữ là 21 tuổi. Những người từ 19 đến 21 tuổi có thể kết hôn một cách hợp pháp với sự cho phép của phụ huynh, dựa theo Nghị định Luật Hôn nhân (Sửa đổi) năm 2009. ³⁵	Luật Sức khỏe Sinh sản của Fiji quy định rằng người vị thành niên và thanh thiếu niên nên được tiếp cận các dịch vụ và thông tin về SKSSTD. ³⁶ Cần sự cho phép của phụ huynh trong các trường hợp như nữ giới dưới 16 tuổi tiếp cận dịch vụ phá thai và người dưới 18 tuổi xét nghiệm HIV. ³⁷	Quan hệ đồng tính không bị hình sự hóa tại Fiji.	Quan hệ tình dục trước hôn nhân không bị hình sự hóa tại Fiji.

Ghi chú & Tài liệu tham khảo

- Ministry of Health and Family Welfare. Contraceptive Updates: *Reference Manual for Doctors*, p 20.
- "Live-in relationship, pre-marital sex not an offence: SC". Times of India. March 23, 2010. <https://timesofindia.indiatimes.com/india/Live-in-relationship-pre-marital-sex-not-an-offence-SC/articleshow/5716545.cms>.
- Girls Not Brides. Bangladesh Child Marriage Rates. <https://www.girlsnotbrides.org/child-marriage/bangladesh/>.
- Michael Vlassoff, Altaf Hossain, Isaac Maddow-Zimet, Susheela Singh and Hadayat Ullah Bhuiyan. Menstrual Regulation and Postabortion Care in Bangladesh: Factors Associated with Access to and Quality of Services. Guttmacher Institute. September 2012. <https://www.guttmacher.org/sites/default/files/pdfs/pubs/Bangladesh-MR.pdf>.
- Guangxing, Zhu and Suzan van der Aa. A comparison of the gender-specificity of age of consent legislation in Europe and China: Towards a gender-neutral age of consent in China? Aug 12, 2017. <https://link.springer.com/content/pdf/10.1007%2Fs10610-017-9353-2.pdf>.
- Indonesian Penal Code. http://www.unodc.org/res/cld/document/indonesian_penal_code_html/L1_Criminal_Code.pdf.
- Indonesia raises minimum age for brides to end child marriage. Reuters World News. Sept 17, 2019. <https://www.reuters.com/article/us-indonesia-women-marriage/indonesia-raises-minimum-age-for-brides-to-end-child-marriage-idUSKBN1W212M>.
- Indonesia's Aceh introduces strict anti-gay law. BBC News. BBC. Oct 23, 2015. <https://www.bbc.com/news/world-asia-34612544>.
- Indonesia: Aceh's New Islamic Laws Violate Rights. Human Rights Watch. Oct 2, 2014. <https://www.hrw.org/news/2014/10/02/indonesia-acehs-new-islamic-laws-violate-rights>.
- Ghimire, Binod. 15 things in the new national law every Nepali should know about. The Kathmandu Post, National. Aug 17, 2018. <https://kathmandupost.com/national/2018/08/17/15-things-in-the-new-national-law-every-nepali-should-know-about>.
- Sin Yew, New. Amend Age of Majority Act 1971 to end child marriage. MalaysiaKini News. MalaysiaKini. July 12, 2018. <https://www.malaysiakini.com/news/433902>.
- Ibid.
- Mendos, Lucas Ramon. State-sponsored Homophobia 2019. International Lesbian, Gay, Bisexual, Trans and Intersex Association (ILGA). March 2019. https://ilga.org/downloads/ILGA_State_Sponsored_Homophobia_2019.pdf.
- Sri Lanka Penal Code. http://www.commonlii.org/lk/legis/num_act/pca22o1995213/.
- World Health Organisation, Regional Office for South-East Asia. Consent and Confidentiality: Increasing Adolescents' Access to Health Services for HIV and Sexual and Reproductive Health. April 2007. http://apps.searo.who.int/PDS_DOCS/B0456.pdf.
- UNESCO Bangkok. Young people and the law in Asia and the Pacific: a review of laws and policies affecting young people's access to sexual and reproductive health and HIV services. 2013. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000224782>.
- Sri Lanka Penal Code. http://www.commonlii.org/lk/legis/num_act/pca22o1995213/.
- De Lima files bill to raise age of sexual consent from 12 to 18. CNN Philippines News. CNN. Aug 30, 2018. <https://cnnphilippines.com/news/2018/08/30/Statutory-rape-age-sexual-consent-Philippines.html>.
- Girls Not Brides. Philippines Child Marriage Rates. <https://www.girlsnotbrides.org/child-marriage/philippines/>.
- Junice L. D. Melgar, Alfredo R. Melgar, Mario Philip R. Festin, Andrea J. Hoopes, and Venkatraman Chandra-Mouli. Assessment of country policies affecting reproductive health for adolescents in the Philippines. Dec 12, 20198. <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC6291955/>.
- Ibid.
- UNDP, USAID. Being LGBT in Asia: The Philippines Country Report. 2014. https://www.undp.org/content/dam/philippines/docs/Governance/Philippines%20Report_Final.pdf.
- <https://www.girlsnotbrides.org/child-marriage/thailand/>.
- Girls Not Brides. Mongolia Child Marriage Rates. <https://www.girlsnotbrides.org/child-marriage/mongolia/>.
- UNDP, USAID. Being LGBT in Asia: Mongolia Country Report. 2014. https://www.undp.org/content/dam/rbap/docs/Research%20&%20Publications/hiv_aids/rbap-hhd-2014-bla-mongolia-country-report.pdf.
- UNESCO Bangkok. Young people and the law in Asia and the Pacific: a review of laws and policies affecting young people's access to sexual and reproductive health and HIV services. 2013. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000224782>.
- Sexual Rights Initiative. National Sexual Rights Law and Policy Database. Apr 8, 2016. <https://sexualrightsdatabase.org/countries/416/Viet%20Nam>.
- UNFPA and UNICEF. Understanding Child Marriage in Viet Nam. <https://www.unicef.org/vietnam/media/2406/file/Ending%20child%20marriage,%20empowering%20girls%20.pdf>.
- Lewis, Simon. Same-Sex Marriage Ban Lifted in Vietnam But a Year Later Discrimination Remains. TIME. Jan 18, 2016. <https://time.com/4184240/same-sex-gay-lgbt-marriage-ban-lifted-vietnam/>.
- Girls Not Brides. Pakistan Child Marriage Rates. <https://www.girlsnotbrides.org/child-marriage/pakistan/>.
- Ibid.
- Sexual Rights Initiative. National Sexual Rights Law and Policy Database. May 5, 2016. <https://sexualrightsdatabase.org/countries/366/Pakistan>.
- The Offence of Zina (Enforcement Of Hudood) Ordinance, 1979. <https://www.refworld.org/pdfid/4db99952.pdf>.
- Sexual Rights Initiative. National Sexual Rights Law and Policy Database. May 5, 2016. <https://sexualrightsdatabase.org/countries/359/Fiji>.
- Girls Not Brides. <https://www.girlsnotbrides.org/child-marriage/fiji/>.
- Ministry of Health, Republic of the Fiji Islands. Reproductive Health Policy. http://www.health.gov.fj/wp-content/uploads/2014/09/1_Reproductive-Health-Policy.pdf.
- Sexual Rights Initiative. National Sexual Rights Law and Policy Database. May 5, 2016. <https://sexualrightsdatabase.org/countries/359/Fiji>.

BAN BIÊN TẬP

Sivananthi Thanenthiran, Giám đốc Điều hành, ARROW

Evelynne Gomez, Quản lý Biên tập viên và Cán bộ Chương trình Thông tin và Truyền thông, ARROW

Sai Jyothirmai Racherla, Giám đốc Chương trình, ARROW

Samreen Shahbaz, Cán bộ Chương trình Cấp cao, Huy động cộng đồng về trách nhiệm giải trình SRR, ARROW

BÌNH DUYỆT NỘI BỘ

Azra Abdul Cader
Biplabi Shrestha
Shamala Chandrasekaran
Nawmi Naz Chowdhury

CHUYÊN GIA BÌNH DUYỆT NGOÀI

Pramada Menon, Nhà hoạt động nữ quyền Queer

Hoàng Tú Anh, Sáng lập viên, Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số, CCIHP

Miki Wali, Giám đốc, Haus of Kameleon

Thilaga Sulathireh, Đồng sáng lập, Công lý cho Chị em (Justice for Sisters)

SỬA BẢN THẢO

Stefanie Peters

THIẾT KẾ VÀ DÀN TRANG

Nicolette Mallari

ẢNH BÌA

old indian streets/Shutterstock.com



BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT

Hoàng Tú Anh, chịu trách nhiệm bản dịch.

Bùi Thu Hương, đọc bản thảo.

Hoàng Thị Huyền, phiên dịch.

Nguyễn Hoàng Minh Anh, phiên dịch, dàn trang.

Chúng tôi muốn cảm ơn những cá nhân sau đây đã đóng góp ý kiến trong quá trình hình thành bản tin này: **Azra Abdul Cader, Biplabi Shrestha, Dhivya Kanagasingam, Evelynne Gomez, Hwei Mian Lim, Keshia Mahmood, Menka Goundan, Nawmi Naz Chowdhury, Nisha Santhar, Otgonbaatar Tsedendemberel, Preeti Kannan, Sai Jyothirmai Racherla, Samreen Shahbaz, Shamala Chandrasekaran, và Sivananthi Thanenthiran.**

ARROW vì Sự Thay Đổi (AFC) là một bản tin chuyên để bình duyệt nhằm đóng góp những phân tích và cái nhìn dựa trên quyền và lấy phụ nữ làm trọng tâm của khu vực Nam Á/Châu Á - Thái Bình Dương vào các diễn ngôn toàn cầu về những vấn đề mới nổi hay tồn tại dai dẳng liên quan tới sức khỏe, tình dục, và quyền. AFC được xuất bản hai lần một năm bằng tiếng Anh, và được chọn lọc để dịch ra một số ngôn ngữ khác. Tài liệu hướng tới những người ra chính sách về quyền phụ nữ, sức khỏe, dân số, và sức khỏe sinh sản tình dục và các tổ chức về quyền ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Bản tin được phát triển dựa vào những đóng góp từ những cá nhân và các tổ chức chủ chốt tại khu vực Châu Á và Thái Bình Dương và Trung tâm Chia sẻ Kiến thức QSKTDSS (ASK-us!)

Ấn phẩm này được thực hiện nhờ sự hỗ trợ tài chính từ Tổ chức Vì một xã hội công bằng và Ngay tại đây Ngay bây giờ.



Ấn phẩm này được cấp phép theo Giấy phép Quốc tế Creative Commons Ghi công-Phi thương mại 4.0. Để xem bản sao của giấy phép này, hãy truy cập <http://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/>. Bất kỳ phần nào của văn bản xuất bản đều có thể được sao chụp, sao chép, lưu trữ trong một hệ thống truy xuất, hoặc truyền tải dưới bất kỳ hình thức nào bằng bất kỳ phương tiện nào, hoặc được điều chỉnh và dịch để đáp ứng nhu cầu địa phương, vì mục đích phi thương mại và phi lợi nhuận. Tất cả các hình thức sao chép, tái tạo, phóng tác và dịch thông qua các phương tiện cơ học, điện hoặc điện tử phải thừa nhận ARROW là nguồn. Một bản sao của bản sao chép, phóng tác và /hoặc bản dịch phải được gửi tới ARROW. Để sử dụng cho mục đích thương mại, hãy yêu cầu sự cho phép tại arrow@arrow.org.my. Bản quyền cho hình ảnh được sử dụng vẫn thuộc về chủ sở hữu bản quyền tương ứng.

Tất cả các ấn phẩm của AFC có thể được tải xuống miễn phí tại www.arrow.org.my. Mọi ý kiến phản hồi và thắc mắc đều được hoan nghênh. Hãy gửi đến:

The Managing Editor, ARROW for Change

Asian-Pacific Resource and Research Centre for Women (ARROW)

No. 1 & 2 Jalan Scott, Brickfields 50470 Kuala Lumpur, Malaysia

Tel.: +603 2273 9913/9914

Fax.: +603 2273 9916

Email: afc@arrow.org.my, arrow@arrow.org.my

Website: www.arrow.org.my

Facebook: <https://www.facebook.com/ARROW.Women>

Twitter: @ARROW_Women

Instagram: [arrow_women](https://www.instagram.com/arrow_women)

YouTube: ARROWomen

Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP)

Email: ccihp@ccihp.org

Website: www.ccihp.org

Facebook: <https://www.facebook.com/CCIHP.VN>